

CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
CỦA
CƠ SỞ “CÔNG TY PPV”

**Địa điểm thực hiện: Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng,
Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội**

HÀ NỘI, 2026

Số: 0408/CV-PPV

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2026

V/v đăng ký môi trường của Cơ sở
"Công ty PPV"

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố
Hà Nội

Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam là chủ đầu tư của Cơ sở "Công ty PPV", thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP của Chính phủ: Về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể cơ sở thuộc đối tượng đăng ký môi trường cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 3 mục VII phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính Phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo điểm a khoản 10 Điều 2 Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/06/2026 của UBND thành phố Hà Nội, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường, bao gồm cả hồ sơ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và cấp xã, đối với các dự án, cơ sở hoạt động trực tiếp trong khu công nghệ cao và khu công nghiệp. Do cơ sở "Công ty PPV" hoạt động trong Khu công nghiệp Quang Minh, hồ sơ đăng ký môi trường của cơ sở thuộc đối tượng đăng ký môi trường cấp xã nhưng do Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận theo quy định về phân cấp, phân quyền.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam:

Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Địa điểm thực hiện: Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 2500557674 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện điện thoại, ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh", địa điểm: thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam (trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên):

Ông Chao Mu-Sheng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh: 20/05/1961;

- Hộ chiếu: 351717171.

- Hiện tại, Ông Chao Mu-Sheng đã ủy quyền cho Ông Huang Sung-Yu là giám đốc kinh doanh công ty có quyền ký vào toàn bộ các văn bản giấy tờ phục vụ cho việc hoạt động sản xuất của công ty (*Giấy ủy quyền đính kèm Phụ lục*).

- Đại diện Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam:

Ông Huang Sung-Yu

Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

- Hộ chiếu: 351515948;

- Cấp ngày: 21/01/2019.

Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam đăng ký môi trường của Cơ sở "Công ty PPV" với các nội dung sau:

I. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Tên cơ sở

Công ty PPV

1.2. Địa điểm thực hiện cơ sở, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư

1.2.1. Địa điểm thực hiện của cơ sở

Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Ranh giới tiếp giáp của Công ty cụ thể như sau:
- + Phía Tây Bắc: giáp xưởng mạ của Công ty TNHH công nghệ Malita;
- + Phía Tây Nam: giáp Công ty cổ phần công nghệ Hanin Việt Nam;
- + Phía Đông Bắc: giáp cửa vào cổng chính Công ty TNHH Thành Thái;
- + Phía Đông Nam: giáp đường giao thông nội bộ của khu công nghiệp.



Hình 1. Vị trí địa lý của Dự án

1.2.2. Nguồn vốn

Tổng vốn đầu tư của dự án: 15.000.000.000 VNĐ (Mười năm tỷ đồng Việt Nam)

1.2.3. Tiến độ thực hiện của cơ sở

Dự án hoạt động chính thức: Từ tháng 5/2017.

1.3. Quy mô, công suất, công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở

1.3.1. Quy mô, công suất

1.3.1.1. Quy mô diện tích

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện điện

thoại, ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh” tại Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2017 và đi vào hoạt động chính thức tháng 5 năm 2017.

Cơ sở đã thuê nhà xưởng có sẵn của Công ty TNHH Thành Thái với diện tích xưởng sản xuất là 850 m² và 588 m² nhà xưởng phụ trợ tại Hợp đồng thuê xưởng số PPV20160310/HĐTX-2016. Sau thời gian hoạt động, cơ sở đã thuê bổ sung 360 m² nhà xưởng liền kề để bố trí khu vực kho kiểm hàng, kho chứa và buồng phun sơn muối tại Hợp đồng thuê xưởng số 20210515/HĐTX/TT-PPV nâng tổng diện tích cơ sở là 1.798m².

Bên trong nhà xưởng sẽ bố trí phòng họp, văn phòng, phòng khách, phòng hóa chất, nhà vệ sinh khép kín, khu vực xưởng sản xuất với diện tích cụ thể như sau:

Bảng 1. Hạng mục công trình của Công ty

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
1	Văn phòng	56
2	Khu WC văn phòng	24
3	Phòng thiết bị	17
4	Phòng quản lý sản xuất	25,5
5	Phòng tiếp tân	10
6	Kho QC	215
7	Kho hóa chất	130
8	Khu vực sản xuất	703,5
9	Buồng phun sơn muối	13
10	Buồng sơn	15,5
11	Khu vực để rác	15,5
12	Phòng bảo vệ	10
13	Khu WC cạnh phòng bảo vệ	15
14	Hành lang, lối đi nội bộ	148
15	Khu vực công trình xử lý nước thải	400

Nguồn: Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam

1.3.1.2. Quy mô công suất

Xử lý và tráng phủ bề mặt kim loại các linh kiện điện thoại, linh kiện ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh đã gia công cơ khí theo đơn đặt hàng. Với quy mô công suất cụ thể như sau:

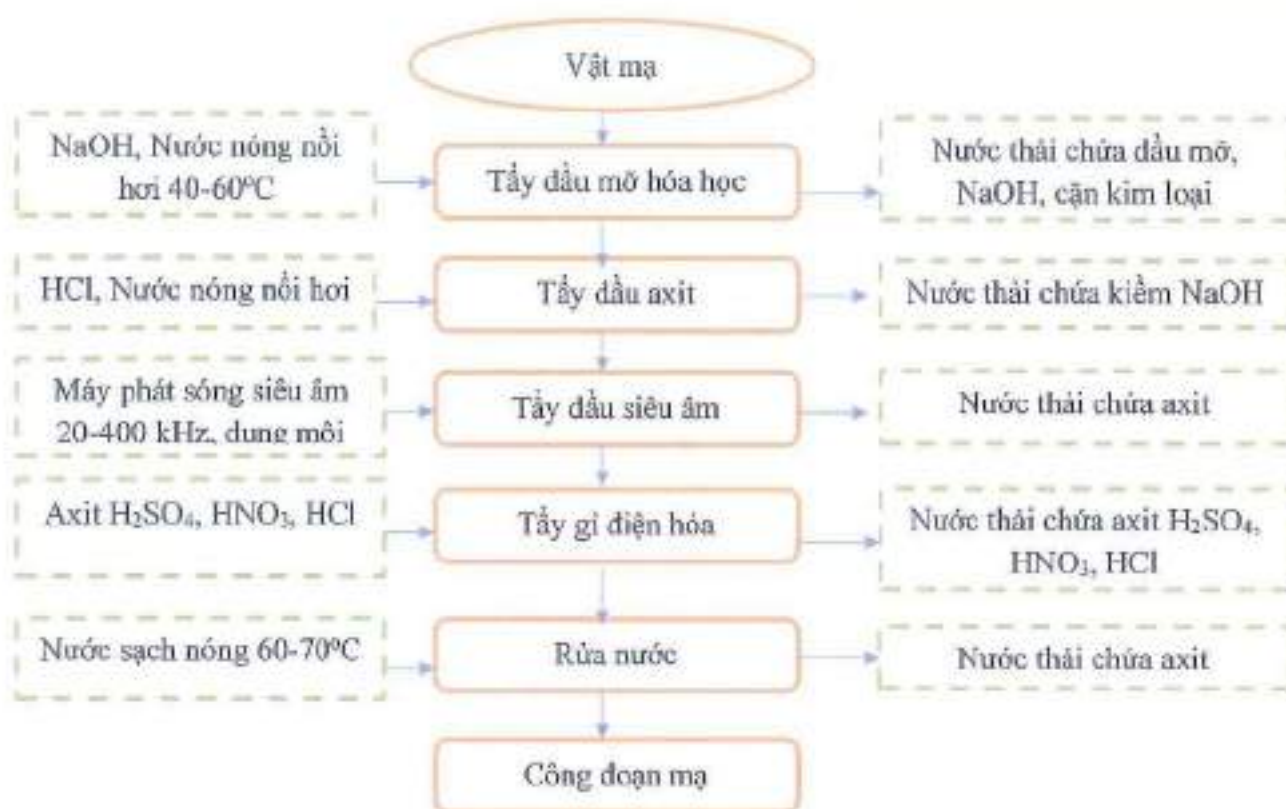
- Linh kiện điện tử: 230 tấn/năm;
- Linh kiện ô tô xe máy: 400 tấn/năm;
- Thiết bị nhà vệ sinh (vòi nước, khóa đồng...): 800 tấn/năm;
- Thiết bị khác: 70 tấn/năm.

1.3.2. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở

Quy trình kỹ thuật mạ điện gồm 3 giai đoạn chính:

- Gia công cơ khí bề mặt: mài, đánh bóng, quay xóc, rung, phun cát, phun nước... (đã thực hiện ở các xưởng gia công cơ khí trước khi nhập về công ty)
- Gia công hóa học và điện hóa bề mặt mạ: mục đích làm sạch lớp dầu mỡ và lớp oxit mỏng trên bề mặt chi tiết.
- Công đoạn mạ: bao gồm kỹ thuật mạ đồng, mạ niken và mạ crom.

a. Sơ đồ quy trình gia công hóa học và điện hóa về mặt mạ:



Hình 2. Quy trình gia công hóa học và điện hóa bề mặt mạ

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Bề mặt linh kiện sau khi qua máy dập, tiện ren vẫn còn một lớp màng dầu mỡ che phủ do trong các quá trình này có sử dụng dầu mỡ làm bôi trơn. Lớp dầu mỡ này sẽ

làm cản trở quá trình mạ kim loại. Trước khi đưa sản phẩm đi mạ điện phải làm sạch bề mặt (tẩy dầu mỡ, rửa bằng nước, rửa nước)

Tẩy dầu mỡ hóa học: là quá trình xà phòng hóa và nhũ hóa của dung dịch kiềm nồng độ với dầu để tẩy đi lớp dầu mỡ. Tẩy dầu sắt thép hàm lượng NaOH nhỏ hơn 100g/l, tẩy dầu đồng và hợp kim đồng thì hàm lượng NaOH nhỏ hơn 20g/l.

Tẩy dầu axit: tẩy dầu axit có thể đồng thời tẩy dầu và lớp oxit mỏng trên bề mặt chi tiết. Nó được tạo thành bởi hỗn hợp axit vô cơ và chất hoạt động bề mặt.

Tẩy dầu siêu âm: là phương pháp dùng sóng siêu âm sinh ra bọt khí và dung dịch dầu, những bọt khí sinh ra lớn lên gây khuấy động cơ khí mạnh làm cho dầu mỡ và chất bẩn bám bề mặt chi tiết được tách ra, do đó tẩy rửa sẽ nhanh và sạch hơn.

Thiết bị: bể rửa siêu âm là một thiết bị bằng kim loại có bộ phận tạo sóng siêu âm để dưới đáy thùng hoặc vách thùng. Các đầu dò thay đổi kích thước ngay lập tức khi dòng điện chạy vào và gia tăng kích thước làm cho đáy hồ hoặc vách bên di chuyển tạo ra một làn sóng nén trong chất lỏng của bể. Nhiệt độ từ 30 - 80 độ C.

Sóng siêu âm để tẩy những chi tiết phức tạp, có lỗ, ren, có yêu cầu kỹ thuật cao. Những chi tiết nhỏ phức tạp dùng sóng siêu âm có tần số cao, chi tiết có bề mặt lớn dùng sóng siêu âm có tần số thấp (15-30 kHz).

Tẩy gỉ điện hóa: Tẩy gỉ điện hóa dùng để loại bỏ lớp gỉ ăn mòn và lớp oxy hóa mỏng, loại bỏ mùn ăn mòn trên bề mặt chi tiết, lộ ra tổ chức kết tinh của kim loại nền làm cho bề mặt hoạt hóa, nâng cao độ bám của lớp mạ mới với kim loại nền.

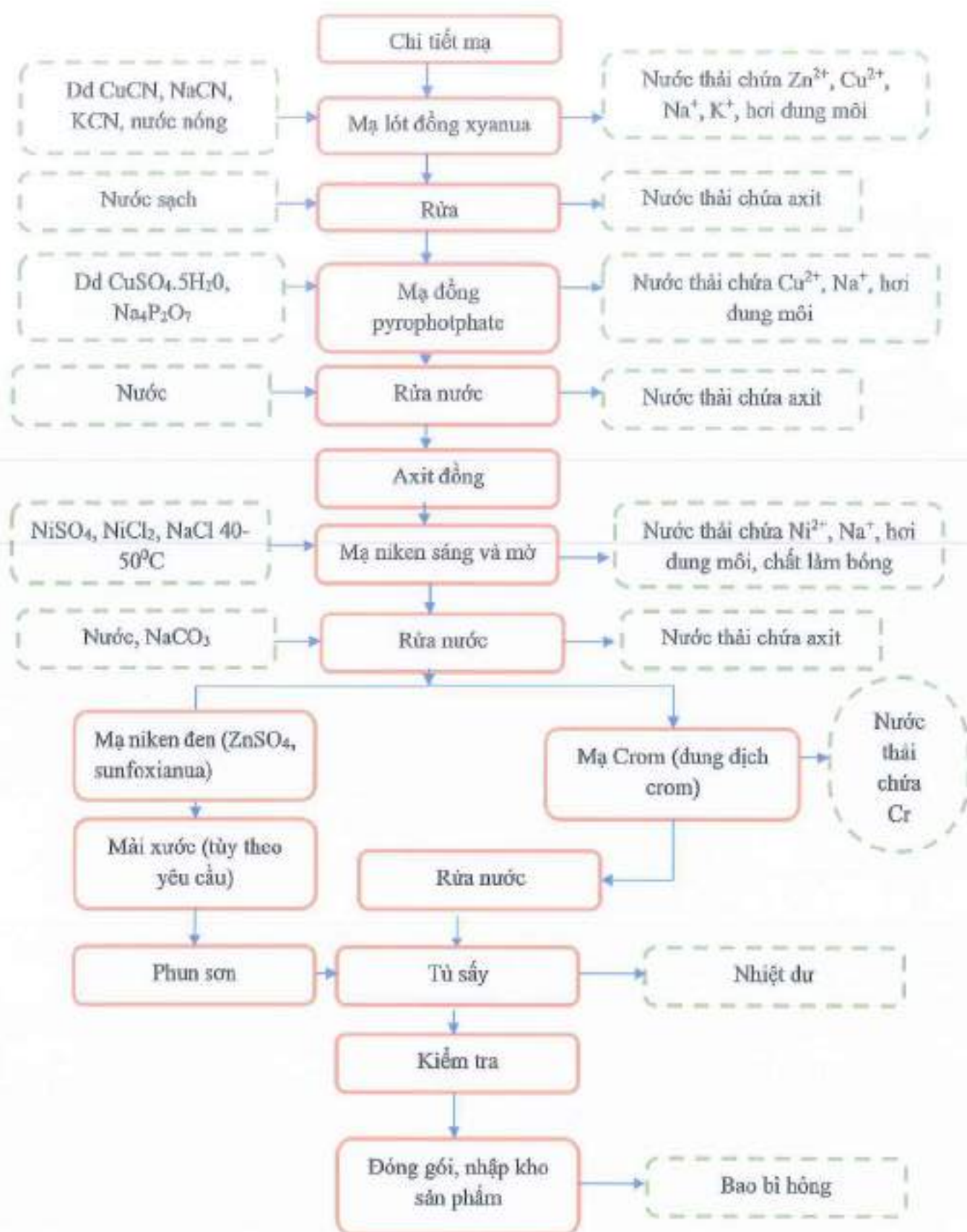
Hóa chất sử dụng: axit H_2SO_4 , HCl , HNO_3 .

Rửa nước: Rửa sạch bằng nước nóng 60-70°C, thời gian rửa là 5 phút. Sau khi kiểm tra đạt sẽ chuyển sang công đoạn mạ.

b. Quy trình mạ điện

Cơ sở lý thuyết của quá trình mạ điện:

Mạ điện là quá trình kết tủa kim loại lên bề mặt nền một lớp phủ có tính chất cơ, lý, hóa... đáp ứng được các yêu cầu mong muốn. Mạ được dùng trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau để chống ăn mòn, phục hồi kích thước, trang sức, chống mòn, tăng cứng, phản quang và nhiệt, dẫn điện, thẩm dầu, dễ hàn và dẫn nhiệt trong nhà máy. Vật liệu nền là linh kiện bằng kim loại thép. Lớp mạ là kim loại.



Hình 3. Công nghệ sản xuất của Công ty

Thuyết minh quy trình mạ:

Chi tiết sau khi được tẩy gỉ và làm sạch bề mặt được đưa sang công đoạn mạ:

Mạ đồng xyanua: trong công đoạn mạ đồng sử dụng dung dịch đồng xyanua – dung dịch được sử dụng tính kiềm thường được sử dụng trong công nghiệp.

Ưu điểm: Dung dịch này có khả năng mạ lên những kim loại kém bền hơn như kẽm, sắt. Khả năng phân bố kim loại và khả năng che phủ lớn, cho phép sử dụng xyanua mạ những chi tiết phức tạp.

Thành phần cơ bản của dung dịch mạ đồng xyanua là CuCN , NaCN , KCN , muối $\text{KNaC}_4\text{H}_4\text{O}_6$ ở nhiệt độ $40-60^\circ\text{C}$. Nước thải phát sinh chứa thành phần Cu^{2+} , Na^+ , CN^- .

Mạ đồng pyrophosphate: Thành phần trong dung dịch mạ đồng pyrophosphate bao gồm: $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_4\text{P}_2\text{O}_7 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$, $\text{Na}_2\text{HPO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, điều chỉnh $\text{pH} = 7,8-9,5$, đồng thời dùng KOH hoặc axit xitric để điều chỉnh pH từ 1-2 ml/ H_2O (30%).

Lưu ý: Hòa tan riêng pyrophosphate và đồng sunfat bằng nước nóng, rót từ từ đồng sunfat vào dung dịch, tiếp tục thêm các thành phần còn lại và thêm nước đến thể tích cần pha.

Công đoạn axit đồng: Sản phẩm được nhúng vào bể axit đồng để hoạt hóa và làm sạch bề mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho lớp mạ niken sáng bám dính tốt. Sau đó, sản phẩm được đưa qua các bể rửa axit và rửa nước nhằm loại bỏ lượng dung dịch còn bám trên bề mặt, hạn chế hiện tượng kéo theo hóa chất sang các công đoạn tiếp theo. Kết thúc quá trình rửa, sản phẩm được chuyển sang công đoạn mạ niken sáng.

Mạ niken sáng (hay còn gọi là mạ niken bóng): thành phần cơ bản bao gồm muối niken sunfat, hợp chất clorua, chất đệm axit boric, pH dao động từ 3-5,5.

Chất làm bóng thành phần gồm: curamin $\text{C}_9\text{H}_6\text{O}_2$, 1-4 butidiol, quynolon, karin, paratolensulfamat, naphthalen.

Mạ niken mờ: thành phần cơ bản bao gồm muối niken sunfat, niken clorua, chất đệm axit boric, pH dao động từ 3,8-4,5. Phụ gia BE-808SP-B và GT-01.

Lưu ý: Chi tiết sau khi mạ niken sáng thì tùy thuộc vào yêu cầu sản phẩm để tiếp tục vào bể mạ niken đen hoặc mạ Crom. Sau mỗi công đoạn mạ, chi tiết được rửa nước để trung hòa lượng axit dư.

Mạ niken đen: Mạ niken đen thực chất là mạ hợp kim. Thành phần dung dịch khác nhau, thành phần hợp kim khác nhau. Mạ niken đen thường dùng trong công nghiệp quốc phòng.

Nhược điểm: Chống gỉ kém nên sau lớp mạ cần phủ sơn.

Dung dịch mạ niken đen gồm 2 loại: muối $\text{NiSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$, $\text{NiCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$, ZnCl_2 , NaCNS .

Sau khi hoàn thành công đoạn mạ, tùy theo nhu cầu của đơn hàng chi tiết được mài xước tạo vân bề mặt, sau đó được treo lên giá để tiến hành phun sơn. Cuối cùng, sản phẩm được đưa vào tủ sấy để làm khô và đóng rắn lớp sơn trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Mạ Crom: Đối với những sản phẩm cần yêu cầu lớp mạ bóng đẹp.

Chi tiết sau khi được mạ niken bóng được rửa sạch bằng dung dịch Na_2CO_3 để trung hòa axit trên sản phẩm và đưa vào bể chứa dung dịch Bicromat 15% (Bicromat là hợp chất của K, Na, cromic). Quá trình này vì màng Bicromat làm lấp lỗ oxi giúp tăng độ bền và chống oxi hóa.

Sấy khô: Chi tiết sau đó được sấy khô bằng tủ sấy 2 ngăn, nhiệt độ $80-90^\circ\text{C}$. Sau 10 phút sấy, sản phẩm được chuyển sang buồng phun muối.

KCS (buồng phun muối): Đây là công đoạn kiểm tra cuối cùng trước khi nhập kho đóng gói sản phẩm. Sử dụng máy phun sương muối, đây là thiết bị tạo ra một môi trường giả lập nhằm kiểm tra khả năng chống ăn mòn của các vật liệu sau khi được sơn phủ hay xi mạ trong một khoảng thời gian nhất định, dưới tác dụng của dung dịch muối.

Cấu tạo chung của máy phun sương muối

Một máy phun muối thường gồm có 3 bộ phận cơ bản chính đó là:

Buồng phun: là nơi đặt các sản phẩm cần kiểm tra, tại đây dung dịch nước muối được đựng trong một bể nước của các sản phẩm đặt trong đó.

Bình bão hòa: là phần tạo ra hơi nước bão hòa bằng cách đun nóng nước cất đến một nhiệt độ nhất định, sau đó hơi nước bão hòa sẽ được dẫn vào trong buồng phun để cùng với dung dịch nước muối tạo thành hơi sương muối dưới tác dụng của khí nén.

Hệ thống điều khiển: Bao gồm rơ le điều khiển, mạch điện, bộ điều khiển nhiệt độ và áp suất cả trong buồng phun và bình bão hòa. Tùy từng loại với yêu cầu kích thước khác nhau mà số bộ điều khiển nhiệt độ và áp suất sẽ khác nhau.

Nguyên lý hoạt động cơ bản của máy phun sương muối

Nước ở trong buồng phun được đun nóng bằng một điện trở, có kiểm soát nhiệt độ bằng bộ điều khiển nhiệt độ. Tại đây, nước được đun nóng đến một nhiệt độ nhất định nhằm tạo ra môi trường trong buồng phun tới một nhiệt độ yêu cầu. Đồng thời, nước cất ở trong bình bão hòa cũng sẽ được đun nóng tới một nhiệt độ đã được giới hạn thông qua một bộ điều khiển nhiệt độ khác.

Khi nước có ở trong buồng phun và bình bão hòa đã đạt tới một nhiệt độ nhất định,

thì khi đó rơ le điều khiển sẽ đóng mạch điện, lúc này các van điện từ cũng được mở ra, hơi nước bão hòa cùng với dung dịch muối sẽ được đưa vào trong buồng phun qua các hệ thống ống dẫn để đến vị trí vòi phun. Tại đây nhờ tác dụng của khí nén đã được điều chỉnh ở một áp suất nhất định, hơi nước bão hòa cùng với dung dịch muối sẽ tạo thành hỗn hợp và phun qua vòi phun dưới dạng sương rồi phủ lên bề mặt của các sản phẩm cần kiểm tra.

Sản phẩm sau đó được đưa đi kiểm tra. Nếu sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đóng gói nhập kho chờ xuất xưởng. Nếu sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ quay lại quá trình mạ để tiếp tục sửa chữa.

II. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu

2.1.1. Nguyên liệu, nhiên liệu của cơ sở

Bảng 2. Nhu cầu nguyên, vật liệu chính cho sản xuất

STT	Tên hóa chất	Khối lượng (kg/tháng)	STT	Tên hóa chất	Khối lượng (kg/tháng)
1	NaOH	6000	43	PE-424R	250
2	PAC	5000	44	PE-424MU	250
3	$\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_5$	2500	45	NI-12	50
4	CrO_3	1000	46	DU-284	250
5	$\text{C}_6\text{H}_6\text{O}_6$	300	47	AT-70	50
6	HF	250	48	ZN-101	200
7	Muối viên tinh khiết NaCl 99.5%	100	49	AT-788	100
8	JAVEN NaClO	300	50	AC-5	150
9	$\text{FeSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$	250	51	GT-01	50
10	(CaCl_2)	100	52	CU-3	25
11	Na_2S	100	53	CU-4	25
12	$\text{Na}_3\text{PO}_4(\text{TQ})$	50	54	EB-C	25
13	Đường Dextrose Monohydrate	25	55	Niken hóa SC-EN 1335A	250
14	Polime A1110 (-)	300	56	Niken hóa SC-EN 1335B	150
15	H_2O_2	4500	57	Niken hóa SC-EN 1335C	250
16	H_2SO_4	4500	58	ASFIN MS-30	50
17	H_3PO_4	500	59	Niken hóa SC-EN 6713A	200

18	HNO_3 68%	500	60	Niken hóa SC-EN 6713B	100
19	HCL 32-35%	1000	61	Niken hóa SC-EN 6713C	150
20	CH_3COOH ($\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$)	90	62	Niken hóa MP-LLA	180
21	NH_4OH 25-28%	360	63	Niken hóa MP-LLB	60
22	NaCN	1000	64	Niken hóa MP-LLC	180
23	KCN	25	65	Niken hóa MP-LLD	180
24	NiSO_4	800	66	Sơn bóng	48
25	NiCl_2	400	67	Sơn bóng mờ	48
26	H_3BO_3	400	68	Sơn mờ	95
27	$\text{K}_2\text{CR}_2\text{O}_7$	50	69	Dung môi pha sơn	128
28	KOH	50	70	Dung môi rửa	96
29	$\text{H}_6\text{P}_4\text{O}_{13}$	40	71	Dung môi tẩy	60
30	Bot TAC	50	72	CUPRACID ULTRA A	150
31	Asprep-AL-Zincate AL-511	150	73	CUPRACID ULTRA B	150
32	500	25	74	CUPRACID ULTRAMAKE-UP	250
33	TX-231	25	75	BE-808SP-B	30
34	$\text{H}_2\text{N}_2\text{NiO}_8\text{S}_2$	50	76	BE-808SP-MU	60
35	CUS04	1000	77	BE-7095	90
36	$\text{CU}_2\text{P}_2\text{O}_7$	300	78	BE-7210	150
37	$\text{K}_4\text{P}_2\text{O}_7$	600	79	Tẩy Dầu Siêu âm	150
38	CuCN	30	80	Chất bỏ lap	600
39	$\text{C}_4\text{H}_4\text{KNAO}_6$	100	81	Trắc niken vàng	300
40	$\text{Zn}(\text{CN})_2$	25	82	Tẩy dầu siêu âm	400
41	ZnSO_4	25	83	Chất bỏ mùi	25
42	KSCN	25	84	Chất khử bọt	500

Nguồn: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM.

2.1.2. Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị

Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị của cơ sở như sau:

Bảng 3. Danh sách máy móc thiết bị chính phục vụ cho sản xuất

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Kích thước	Xuất xứ/ Thương hiệu
1	Hệ thống bể điện phân	1	-	-
2	Hệ thống hút mùi 15Hp	1	φ1500xH5500x6t	-
3	Lồng quay	2	450*1000mm	Việt Nam
4	Máy phun muối LX-90A	1	-	-
5	Hệ thống bể mạ crom	1	-	-
6	Bể mạ đồng quay	1	3880*980*690*10mm	-
7	Máy chính lưu	1	-	TH: Renfeng
8	Hệ thống bể nhựa PP	1	-	-
9	Hệ thống bể điện phân	1	-	-
10	Hệ thống bể mạ crom	1	L1800*W750*H1070 Kích thước ngoài L2000*W950*H1070	-
11	Máy làm sạch bằng sóng rung siêu âm	6	L800xW400xT100mm	TH: Heruitai
12	Hệ thống bể mạ đồng	1	3890*980*700*15mm	-
13	Máy chỉnh lưu 1500A*12V	1	-	-
14	Máy lọc hóa chất 2004	4	-	-
15	Máy làm lạnh hóa chất	1	(95 x 55 x 90)cm	NH: Shenzhen
16	Hệ thống lọc nước RO cấp 1 công suất 1000L/h và RO cấp 2 công suất 500L/h	1	-	-
17	Hệ thống lọc nước RO cấp 1 CS 1000L/H và RO cấp 2 CS 500L/H	1	-	-
18	Băng Tải cho máy ép bùn	1	-	-
19	Bộ lọc cát	1	-	-
20	Xe nâng dầu GOODSENSE	1	-	China
21	Máy sấy: (SS400) - Inox 304	1	L1600xW850xH1200	Việt Nam
22	Máy Sấy SS400	1	L1600 x W850 x H1200	-
23	Máy lọc ký hiệu 2018 (18 lõi)	1	600*900*1460mm	-
24	Bể bằng nhựa pp	1	750*700*1200mm	-
25	Bể inox	1	1600*1000*1200mm	-
26	Máy chỉnh lưu 300A12V	2	44*18*20cm	-
27	Máy chỉnh lưu 2000A12V	1	39*50*70cm	-
28	Máy lọc nước	2	750*450*1460mm	-
29	Thiết bị làm sạch bằng sóng siêu âm	1	-	-
30	Bể rửa chứa nước (loại bể đơn)	1	750*700*1200mm	-

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Kích thước	Xuất xứ/ Thương hiệu
31	Thiết bị lọc nước,	2	600*900*1460mm	-
32	Máy chỉnh lưu 300A12V	1	-	-
33	Máy chỉnh lưu 500A12V	1	-	-
34	Bộ máy mài đai 2 quả lô tuý chỉnh hướng	1	-	Trung Quốc
35	Máy mài đai 2 quả lô tuý chỉnh hướng LKC-26MD5B-4.0	1	-	Trung Quốc
36	Máy mài đai 2 quả lô tuý chỉnh hướng LKC-26MD5B-4.0	1	-	-
37	Máy biến đổi tĩnh điện (chỉnh lưu) DXW	1	-	-
38	Máy biến đổi tĩnh điện (chỉnh lưu) DXK	1	-	-
39	Tháp giải nhiệt LBC -40RT	1	-	-
40	Máy nén khí biến tần kiểu SAV22AC	1	-	-
41	Máy sấy khí kiểu EP - 038AH	1	-	-
42	Bộ chỉnh lưu tần số cao làm mát bằng không khí	1	L550xW500xH1000mm	-
43	Tủ đông 3P	1	-	-
44	Hệ thống làm mềm nước cho tháp giải nhiệt	1	-	-
45	Hệ thống lọc nước RO	1	-	-
46	Thiết bị dây chuyền Sơn Phủ Bề Mặt	1	-	-
47	Bồn phun sơn L2400x W2000x H2300	1	-	-
48	Túi hút bụi thân vuông KT L1296 x W1280 x H2000	1	-	-
49	Máy đo độ dày DJH-D	1	-	-
50	Hệ thống bể mạ Niken hóa	1	-	-
51	Máy ép bùn tự động	1	-	-
52	Thiết bị làm sạch bằng sóng siêu âm, model:XMYZFSP30-630-UB	16	-	-
53	Máy đánh bóng 400L	1	-	-
54	Dây truyền xử lý nước tinh khiết 500L/h	1	-	-
55	Lò nung sản phẩm mạ cho dây chuyền kim loại MODEL TCHPW10S	1	-	-

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Kích thước	Xuất xứ/ Thương hiệu
56	Lò sấy sản phẩm mạ dùng cho dây chuyền mạ kim loại model: AEULQS-2	1	-	-
57	Máy lọc khí cho dây chuyền mạ Model: TF-301B-30HP	1	-	-
58	Máy mạ kim loại cho dây chuyền kim loại GH2240040S140	1	-	-
59	Thiết bị điều khiển có bộ xử lý cho dây chuyền mạ model: SCR-2000	1	-	-
60	Dây truyền mạ	1	-	-
61	Máy mài rung 450L	1	-	-
62	Nồi hơi BIOMASS (dạng ống nước) SQLS1.5-0.7-SM	1	-	-

Nguồn: Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam

2.2. Nhu cầu về điện

Nguồn cung cấp điện chính cho cơ sở được lấy từ Công ty Cổ phần điện lực Miền Bắc (*Hợp đồng kinh kèm tại Phụ lục*). Điện năng sử dụng tại cơ sở phục vụ cho các hoạt động chiếu sáng, chạy máy móc,... Nhu cầu dùng điện trong năm được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 4. Nhu cầu dùng điện của cơ sở

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng điện (kWh)		
		Cao điểm	Bình thường	Thấp điểm
1	Tháng 1/2026	20.264	60.656	3.528
2	Tháng 2/2026	13.320	48.160	1.048
3	Tháng 3/2026	11.738	37.871	889
4	Tháng 4/2026	21.270	70.490	1.430
5	Tháng 5/2026	18.870	64.340	1.370
6	Tháng 6/2026	18.570	62.070	1.560
7	Tháng 7/2026	11.790	36.550	1.120
Tổng cộng		115.822	380.137	10.945

Trong đó: Từ thứ 2 đến thứ 7: Giờ bình thường (4-9h30; 11h30-17h; 20-22h), Giờ cao điểm (9h30-11h30; 17-20h), Giờ thấp điểm (22h-4h ngày hôm sau).

Ngày chủ nhật không có giờ cao điểm, Giờ bình thường (4h-22h), Giờ thấp điểm (22h-4h ngày hôm sau).

2.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cấp nước từ hệ thống cấp nước sạch của KCN Quang Minh. Nhu cầu sử dụng nước giữa các tháng có sự biến động, chủ yếu phụ thuộc vào khối lượng sản xuất, số lượng lao động và đơn hàng thực tế của cơ sở. Nhu cầu dùng nước trong năm được cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 5. Nhu cầu dùng nước của cơ sở

STT	Thời gian	Nhu cầu sử dụng nước (m ³)
1	Từ ngày 15/12/2025 – ngày 15/01/2026	2.439
2	Từ ngày 15/01/2026 – ngày 06/02/2026	1.215
3	Từ ngày 06/02/2026 – ngày 15/03/2026	1.996
4	Từ ngày 16/03/2026 – ngày 15/04/2026	2.561
5	Từ ngày 15/04/2026 – ngày 15/05/2026	3.333
6	Từ ngày 15/05/2026 – ngày 15/06/2026	3.443
7	Từ ngày 15/06/2026 – ngày 15/07/2026	2.630
Tổng cộng		17.617
Trung bình/tháng		2.516,7
Trung bình/ngày		83,89

2.4. Sản phẩm của cơ sở

Xử lý và tráng phủ bề mặt kim loại các linh kiện điện thoại, linh kiện ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh đã gia công cơ khí theo đơn đặt hàng. Với quy mô công suất cụ thể như sau:

- Linh kiện điện tử: 230 tấn/năm;
- Linh kiện ô tô xe máy: 400 tấn/năm;
- Thiết bị nhà vệ sinh (vòi nước, khóa đồng...): 800 tấn/năm;
- Thiết bị khác: 70 tấn/năm.
- Hình ảnh sản phẩm



Hình 4. Hình ảnh sản phẩm của cơ sở

III. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở

3.1. Nguồn và khối lượng khí thải dự kiến phát sinh

a) Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra/vào cơ sở

Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án chủ yếu sử dụng nhiên liệu dầu DO. Quá trình đốt cháy nhiên liệu phát sinh các chất ô nhiễm như bụi, SO_x , NO_x , CO, CO_2 và hydrocacbon (HC). Lượng khí thải phát sinh phụ thuộc vào tình trạng kỹ thuật của phương tiện, loại động cơ và chế độ vận hành như khởi động, tăng tốc, giảm tốc hoặc dừng xe. Bên cạnh đó, hoạt động lưu thông của các phương tiện còn làm phát sinh một lượng bụi do bánh xe cuốn lên từ bề mặt đường.

Hoạt động vận chuyển được thực hiện với số lượt xe không nhiều và chủ yếu trong phạm vi nội bộ dự án hoặc trên các tuyến đường có cự ly ngắn. Do đó, lượng bụi và khí thải phát sinh không lớn. Mặt khác, các chất ô nhiễm sau khi phát thải sẽ được khuếch tán và pha loãng trong môi trường không khí, vì vậy nồng độ tại khu vực xung quanh thấp hơn nhiều so với nồng độ trong dòng khí thải tại ống xả của phương tiện, nên mức độ ảnh hưởng đến môi trường không khí là không đáng kể.

Ngoài ra, hàng ngày còn có các phương tiện giao thông khác cũng ra vào khu vực nhà máy, đó là các phương tiện giao thông dành cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty và các khách hàng đến giao dịch. Tuy nhiên các phương tiện này chủ yếu là

các phương tiện cá nhân như: xe ô tô 4 chỗ, và xe gắn máy.

Trong quá trình hoạt động của dự án còn phát sinh bụi do bánh xe cuốn lên. Tuy nhiên, sân đường nội bộ của dự án đều được bê tông hóa nên lượng bụi phát sinh không nhiều.

b) Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất

*** Khí thải từ quá trình mạ:**

Dây chuyền mạ làm phát sinh nguồn gây ô nhiễm không khí ở hầu hết các công đoạn: xử lý bề mặt, làm sạch trước mạ, mạ. Tùy theo dây chuyền công nghệ, loại hóa chất sử dụng, quy mô sản xuất và mức độ tự động hóa của nhà máy mà hàm lượng và thành phần khí thải độc hại sẽ khác nhau.

Khí thải từ dây chuyền mạ thường là hơi axit, hơi kiềm (ở các bể tẩy rửa, bể mạ), hơi kim loại (Cu, Zn, Ni, ...). Các khí thải này phần lớn chúng nặng hơn không khí nên sẽ làm tăng nồng độ chất độc hại trong khu vực xưởng sản xuất, gây ô nhiễm không khí tại khu vực làm việc của công nhân trong công ty cũng như các công ty lân cận nếu không có biện pháp thu gom, xử lý. Thành phần và tải lượng các chất ô nhiễm như sau:

+ Quá trình xử lý bề mặt: Việc sử dụng các loại axit, kiềm để xử lý bề mặt các chi tiết trước khi mạ sẽ làm phát sinh các khí ô nhiễm là hơi axit, hơi kiềm.

+ Quá trình mạ: Do tính chất đặc thù của các bể mạ làm việc trong thời gian dài, nồng độ hóa chất lớn, vì vậy, một lượng đáng kể dung dịch mạ bay hơi tạo nên chất ô nhiễm không khí như: hơi axit, hơi kim loại.

*** Khí thải từ lò hơi:**

Lò hơi là nguồn cung cấp nhiệt cho các thiết bị công nghệ qua môi chất dẫn nhiệt là hơi nước cao áp. Lò hơi có thể được cấp nhiệt từ nhiều nguồn khác nhau, dự án sử dụng nguyên liệu là gỗ. Theo thông số kỹ thuật của lò hơi từ nhà cung cấp, khối lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình của lò hơi có công suất 1,5 tấn/giờ là 18.200 kg/tháng = 87,5 kg/h. Thành phần của cùi là xenlulô, hemi-xenlulô, lignin với nguyên tố như C, H, N, O, S nên các chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình đốt gồm khí CO, NO_x, SO₂, bụi. Tải lượng, lưu lượng khí thải và nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của hai lò đốt cấp nhiệt cho lò hơi được tính toán như sau:

Tính toán tải lượng

Dựa theo hệ số tải lượng ô nhiễm trong tài liệu *"Assessment of source of air, water and land pollution-A Guide to rapid source inventory techniques and their use in*

formulating Environmental control strategies-Part one, Trang 3-45" của Tổ chức Y Tế Thế Giới năm 1993, tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ việc đốt củi như sau:

Các chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)	Khối lượng (kg/h)
Bụi	4,4	0,385
SO ₂	0,015	0,00131
NO _x	0,34	0,02975
CO	13	1,1375

Tính toán lưu lượng khí thải

Theo tài liệu "Sổ tay hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp - Xử lý khói lò hơi - Sở Khoa học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh", lưu lượng khí thải phát sinh từ việc đốt củi được tính toán dựa trên công thức sau:

$$L = B \times [V_0^{20} + (\alpha - 1)V_0] \times \frac{(273+t)}{273} \text{ (m}^3\text{/h)}$$

Trong đó:

B: Lượng củi sử dụng trong một giờ (kg/h), B = 18.200 kg/tháng (= 87,5kg/giờ).

V_0^{20} : Khối sinh ra khi đốt 1 kg củi, có thể lấy $V_0^{20} = 4,3 \text{ m}^3/\text{kg}$

α : Hệ số thừa không khí $\alpha = 1,25 \div 1,3$, chọn thông số $\alpha = 1,3$.

V_0 : Lượng không khí cần để đốt 1 kg củi, cho củi: $V_0 = 3,43 \text{ m}^3/\text{kg}$

t: Nhiệt độ khí thải gần đúng có thể lấy $t \sim 150^\circ\text{C}$

Thay các số liệu vào công thức (1), ta tính được lưu lượng của khí thải khi đốt củi trong 1 giờ là: $L = 87,5 \times [4,3 + (1,3 - 1) \times 3,43] \times (273 + 150)/273 = 722,5 \text{ (m}^3\text{/h)} = 466,3 \text{ (Nm}^3\text{/h)}$

Nồng độ khí thải

Từ tải lượng và lưu lượng khí thải phát sinh khi đốt củi cung cấp nhiệt cho lò hơi như được tính toán ở trên, nồng độ khí thải phát sinh từ hoạt động này được dự báo như bảng sau:

Các chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/N.m ³)	QCTĐHN 01:2014/BTNMT (mg/Nm ³)
Bụi	0,82	200
SO ₂	0,0028	500
NO _x	0,063	850
CO	2,44	1.000

Ghi chú: (*): QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ bụi, SO₂, NO_x và CO trong khí thải đều thấp hơn nhiều so với giới hạn quy định tại QCTĐHN 01:2014/BTNMT. Do đó, khí thải từ lò hơi được đánh giá có tác động không đáng kể đến môi trường không khí khi vận hành và đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn hiện hành.

*Khí thải từ công đoạn phun sơn:

Các bán chi tiết sẽ được sơn bằng sơn nước. Sơn nước pha với dung môi sẽ được công nhân dùng máy phun sơn, phủ đều trên vật cần sơn. Sau sơn, bán thành phẩm sẽ được đưa vào buồng sấy làm khô sơn. Quá trình sơn, sấy sau sơn sẽ phát sinh bụi sơn và hơi dung môi. Quá trình sơn nước có sử dụng các hóa chất sau:

Hóa chất sử dụng	Thành phần	Khối lượng sử dụng (kg/tháng)
Dung môi pha sơn	Cyclohe Xanone (15-24%), Ethyl acetate (35-40%), Iso butanol (40-45%)	128
Sơn nước	Polyester Resin (30-36%), Additive (5-10%), Hexane fluid (6-14%), Methylene chloride (7-15%), Pearl-Alumina pigment (15-25%)	95
Sơn nước	Melamine Resin (57-60%), Cyclohe xanone (13-15%), Methylene chloride (14-17%), Exxsol Hexane (11-13%)	48
Sơn nước	Polyester Resin (35-38%), Additive (8-10%), Hexane fluid (13-14%), Toluene (13-15%), Pearl-Alumina pigment (22-25%)	48

Nguồn: Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam

- Theo US EPA AP-42 (Chapter 4.2: Surface Coating Operations): ghi nhận 25-35% dung môi có thể bay hơi trong buồng phun trước khi sấy, phần còn lại dung môi sẽ bay hơi trong giai đoạn sấy/nhiệt.

+ Bay hơi trong phun (25-30°C): lấy trung bình 30%.

+ Bay hơi trong sấy (230°C): phần còn lại (70%).

Áp dụng Công thức (3.1), chọn điều kiện tính toán:

V: Thể tích khu vực 01 buồng sơn nước diện tích buồng là 8,4m², chiều cao phân tán là 2,3m.

h: Bội số trao đổi không khí bên trong nhà xưởng (chọn h=6 lần/h)

E: Tải lượng chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động sản xuất (mg/h)

→ Nồng độ của các thành phần:

Chất	Khối lượng sử dụng (kg/tháng)	Tải lượng ô nhiễm (mg/h)	Nồng độ khi phun (mg/m ³)	Nồng độ khi sấy (mg/m ³)	QCVN 03:2019/ BYT (mg/m ³)
Cyclohe Xanone	25,6	123076,92	318,52	743,22	-
Ethyl acetate	51,2	246153,85	637,04	1486,44	-
Iso butanol	51,2	246153,85	637,04	1486,44	150
Polyester Resin	28,5	137019,23	354,60	827,41	-
Additive	9,5	45673,08	118,20	275,80	-
Hexane fluid	9,5	45673,08	118,20	275,80	-
Methylene chloride	14,25	68509,62	177,30	413,71	-
Pearl-Alumina pigment	23,75	114182,69	295,50	689,51	-
Melamine Resin	28,8	138461,54	358,34	836,12	-
Cyclohe xanone	7,2	34615,38	89,58	209,03	-
Methylene chloride	7,2	34615,38	89,58	209,03	-
Exxsol Hexane	5,76	27692,31	71,67	167,22	-
Polyester Resin	16,8	80769,23	209,03	487,74	-
Additive	4,8	23076,92	59,72	139,35	-
Hexane fluid	6,24	30000,00	77,64	181,16	-
Toluene	7,2	34615,38	89,58	209,03	100
Pearl-Alumina pigment	12	57692,31	149,31	348,38	-

**Ghi chú:*

- QCVN 03:2019/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc.

Từ kết quả tính toán trên cho thấy, một số chất ô nhiễm như Iso butanol và Toluene có nồng độ vượt giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT. Hơi dung môi phát sinh chủ yếu tại công đoạn sấy, tuy nhiên dự án đã bố trí hệ thống thu gom, xử lý khí thải phù hợp để thu gom khí thải phát sinh. Do đó, tác động đến môi trường lao động và người lao động được giảm thiểu.

3.2. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh

a. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt sinh hoạt của nhân viên, công nhân và khách hàng đến giao dịch. Đặc điểm của nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), các chất hoạt động bề mặt và vi khuẩn khi thải ra môi trường sẽ bị ô nhiễm nếu không có biện pháp xử lý sẽ gây hiện tượng phú dưỡng nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước,

gây hại cho đời sống các sinh vật thủy sinh. Do đó, Dự án sẽ xử lý lượng nước thải này trước khi xả vào môi trường tiếp nhận.

Lượng nước thải phát sinh do hoạt động sinh hoạt cho dự án khi hoạt động ổn định là:

- Theo TCVN 13606:2023 – Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn nước cho nhu cầu sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp: Định mức cấp nước trung bình theo đầu người tối đa là 45 l/người-ngđ.

- Số lượng cán bộ nhân viên tối đa ước tính: 120 người

Vậy lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của toàn bộ dự án khoảng:

$120 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 5.400 \text{ lít nước/ngày} = 5,4 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày.}$

Theo TCVN 7957:2015/BXD – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế thì tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6. Hệ số các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/người/ngày)
1	BOD ₅ của nước thải chưa lắng	60
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	60 – 65
3	Amôni	10,5
4	Tổng nitơ	13
5	Tổng photpho	2,5

(Nguồn: Bảng 21 của TCVN7957:2023)

Từ tải lượng, số lao động và lưu lượng nước thải, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải theo công thức sau:

$$C = \frac{C_0 \cdot N}{Q}$$

Trong đó:

C: Nồng độ chất ô nhiễm, (mg/l)

C₀: Tải lượng ô nhiễm, (g/ng.ngđ)

N: Số nhân viên, công nhân (120 người)

Q: Lưu lượng nước thải (5,4 m³/ngđ)

Thay số vào công thức trên ta có bảng kết quả nồng độ các chất ô nhiễm

Bảng 7. Nồng độ các chất trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/người.ngđ)	Lưu lượng thải m ³ /ngày	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2025/BTMT (mg/l)
BOD ₅	60	5,4	1.333	25
TSS	60 - 65		1.333 – 1.444	100
Amoni	10,5		233,3	4
Tổng nitơ	13		288,8	25
Tổng photpho	2,5		55,5	2,5

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đều vượt giới hạn cho phép theo QCVN 14:2025/BTNMT. Cụ thể, các thông số BOD₅, TSS, Amoni, Tổng Nitơ và Tổng Photpho đều có nồng độ cao hơn nhiều lần so với giá trị giới hạn quy chuẩn.

Kết quả tính toán cho thấy nước thải sinh hoạt phát sinh nếu không được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải sẽ có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận, làm gia tăng hàm lượng chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng và các hợp chất chứa nitơ, photpho trong môi trường nước. Do đó, việc thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải là cần thiết, nhằm bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường và hạn chế các tác động đến nguồn tiếp nhận.

b. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa tại cơ sở phát sinh từ 02 nguồn: nước mưa từ mái xưởng, nước mưa chảy tràn trên bề mặt

Nước mưa phát sinh kéo theo nhiều bùn cát, rác rơi vãi gây ô nhiễm đất, tắc nghẽn cống thoát nước nếu không được vệ sinh, trực vớt kịp thời.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn ước tính trung bình như sau:

Bảng 8. Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn

STT	Thông số	Nồng độ (mg/l)
1	COD	10-20
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	10-20
3	Tổng nitơ	0,5-1,5
4	Tổng photpho	0,004-0,03

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới WHO, 1993)

Đặc trưng của nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như hiện trạng quản lý chất thải rắn, tình trạng vệ sinh, hệ thống thu gom nước thải của dự án, nước mưa là một dung môi có thể hoà tan rất nhiều chất, khi rơi xuống mặt bằng khu vực dự án sẽ hòa tan và cuốn theo các chất gây ô nhiễm môi trường nước. Làm tăng hàm lượng các chất lơ lửng, cuốn theo các chất thải rắn... Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của khu vực đã được xây dựng hoàn chỉnh do đó khả năng xảy ra ngập úng cục bộ do nước mưa là rất khó xảy ra.

c. Nước thải sản xuất

Theo tình hình thực tế, lượng nước thải sản xuất phát sinh trung bình khoảng 67,11 m³/ngày. Lưu lượng nước thải phụ thuộc vào khối lượng đơn hàng, kế hoạch sản xuất và sản lượng gia công trong từng thời kỳ. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất khi cơ sở hoạt động với quy mô tối đa, lưu lượng nước thải sản xuất đăng ký tối đa là 150 m³/ngày.

Bảng 9. Lượng nước thải sản xuất của cơ sở

STT	Thời gian	Lượng nước thải (m ³)
1	Từ ngày 15/12/2025 – ngày 15/01/2026	1.951
2	Từ ngày 15/01/2026 – ngày 06/02/2026	972
3	Từ ngày 06/02/2026 – ngày 15/03/2026	1.597
4	Từ ngày 16/03/2026 – ngày 15/04/2026	2.049
5	Từ ngày 15/04/2026 – ngày 15/05/2026	2.666
6	Từ ngày 15/05/2026 – ngày 15/06/2026	2.754
7	Từ ngày 15/06/2026 – ngày 15/07/2026	2.104
Tổng cộng		14.094
Trung bình/tháng		2.013,42
Trung bình/ngày		67,11

Đặc trưng của nước thải từ quá trình sản xuất xi mạ là chứa nhiều kim loại nặng nên ảnh hưởng rất nhiều đến môi trường và mang tính chất lâu dài, hệ lụy về sau vì nếu không xử lý đúng cách, các ion kim loại, muối, hợp chất khác khi được thải ra môi trường sẽ không bị phân hủy mà sẽ tồn tại, tích tụ trong tự nhiên.

Nước thải này có thể tiêu diệt các sinh vật phù du, gây ngộ độc, gây bệnh cho các loài động vật thủy sinh, đặc biệt là cá, từ đó gây bệnh nguy hiểm cho con người. Quá trình đó gọi là tích tụ sinh học, các chất độc có nguồn gốc từ kim loại, được phát sinh ra môi trường, tích tụ dần trong các động vật thủy sinh trong thời gian dài, theo các chuỗi thức ăn, ảnh hưởng đến con người. Vì vậy phải có hệ thống xử lý nước thải

ngành xi mạ, tách các ion kim loại trước khi xả ra môi trường, đảm bảo quy chuẩn quy định ở Việt Nam.

Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh của cơ sở được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước của KCN Quang Minh.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trong nhà máy.
Bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

Khối lượng phát sinh: Theo tính toán, mức thải tính trung bình khoảng 0,5 kg/người/ngày x 120 người = 60 kg/ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án nếu không được quản lý thích hợp sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước và sức khỏe công nhân lao động. Tuy nhiên tác động này có thể kiểm soát và giảm thiểu được.

3.3.1. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp: được sinh ra từ các hoạt động sản xuất cơ sở mang tính chất không nguy hại. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh như sau:

Bảng 10. Khối lượng CTR thông thường của Công ty

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Vỏ bao phế liệu (gồm Carton phế liệu ...)	Kg/tháng	50
2	Phuy nhựa phế liệu, phế liệu từ chất liệu nhựa khác	Kg/tháng	100
3	Gang tay giặt lau không dính thành phần nguy hại	Kg/tháng	30
4	Sản phẩm lỗi không dính thành phần nguy hại	Kg/tháng	100
6	Rác thải công nghiệp thông thường không nguy hại khác	Kg/tháng	50
Tổng cộng		Kg/tháng	330

3.3.2. Loại và khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án phụ thuộc vào quy mô sản xuất, kế hoạch bảo trì, sửa chữa thiết bị và nhu cầu sử dụng hóa chất. Chất thải nguy hại được phân loại, lưu giữ và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng theo quy định. Khối lượng phát sinh của từng loại chất thải nguy hại được tổng hợp tại bảng dưới đây:

Bảng 11. Khối lượng CTNH của Cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, thành phần nguy hại)	Rắn	18 02 01	KS	500
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	50
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác (dầu nhớt thải)	Lỏng	17 02 04	NH	25
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	10
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	500
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	600
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	900
8	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/Lỏng	08 01 01	KS	250
9	Bùn thải từ HTXLNT	Rắn	12 02 02	KS	30.000
10	Axit tẩy thải	Lỏng	07 01 01	NH	10.000
11	Các loại axit tẩy thải khác	Lỏng	07 01 02	NH	5.000
12	Bùn thải của quá trình photpho hóa	Bùn	07 01 04	NH	4.000
13	Bùn thải và bã lọc có thành phần nguy hại	Bùn/rắn	07 01 05	NH	20.000
14	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Lỏng	07 01 07	KS	2.000
15	Dung dịch nước tẩy thải có thành phần nguy hại	Lỏng	07 01 06	KS	2.000
Tổng					75.835

IV. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án

4.1.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải

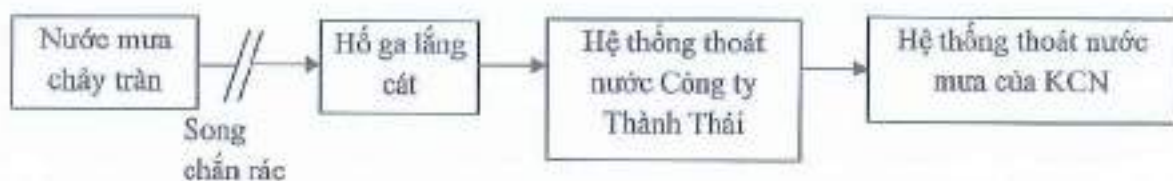
a. Phương án thu gom, thoát nước mưa:

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Thành Thái đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Nước mưa trên bề mặt được thu gom thông qua mạng lưới đường ống, rãnh thoát nước theo nguyên tắc tự chảy.

Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống BTCT có đường kính từ D200-500. Dọc hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga lắng cặn, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Quang Minh. Trên mặt bằng dự án có 31 hố ga bằng BTCT, có nắp dẩy bằng BTCT dày 10cm. Kích thước 8000x800 mm, chiều sâu từ 0,45-1,11m.

Ngoài ra định kỳ Công ty thực hiện thuê đơn vị có đầy đủ chức năng tiến hành nạo vét bùn cặn tại các hố ga và thu gom, xử lý theo đúng quy định. Đồng thời, các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom, phân loại và lưu giữ tại khu vực phù hợp, đảm bảo vệ sinh, hạn chế nguy cơ bị nước mưa cuốn trôi gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn tiếp nhận.

Sơ đồ thoát nước mưa của công ty Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam:

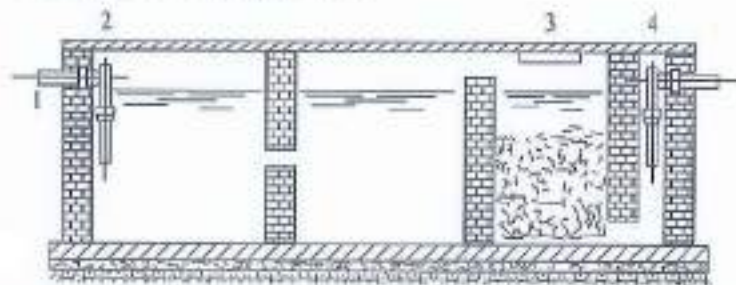


Hình 5. Hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn

b. Phương án thu gom, thoát nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ nhà vệ sinh: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn xây dựng phía dưới nhà xưởng. Nước thải từ việc rửa tay của nhân viên và giặt dụng cụ vệ sinh cũng được thu gom cùng nước thải nhà vệ sinh vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Toàn bộ nước thải sau bể tự hoại đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN Quang Minh.



Hình 6. Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn

Ghi chú:

1 - Ống dẫn nước thải vào bể.

2 - Ống thông hơi.

3 - Nắp thăm (để hút cặn).

4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn là xử lý cơ học kết hợp với xử lý sinh học. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 ÷ 6 tháng, dưới tác dụng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lắng thứ hai và thoát ra ngoài vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Quang Minh. Để tăng hiệu suất xử lý của bể tự hoại 3 ngăn, công ty sẽ sử dụng thêm men vi sinh, tần suất sử dụng 3 tháng/lần.

Bể tự hoại 3 ngăn có kích thước LxBxH = 3,5 x 2,8 x 1,5 (m). Số lượng: 01 bể, thể tích 15 m³.

- Đối với nước thải sản xuất:

❖ Giai đoạn hiện trạng

Nước thải phát sinh từ từ công đoạn mạ sẽ được thu gom về các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 150 m³/ngày. Sau xử lý, nước thải được lưu chứa tại bể chứa nước thải sau xử lý trong khuôn viên cơ sở. Định kỳ, Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*Phụ lục Hợp đồng số 01/2026/SC - CTPPVN*). Trong giai đoạn này, cơ sở không thực hiện đấu nối, xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN.

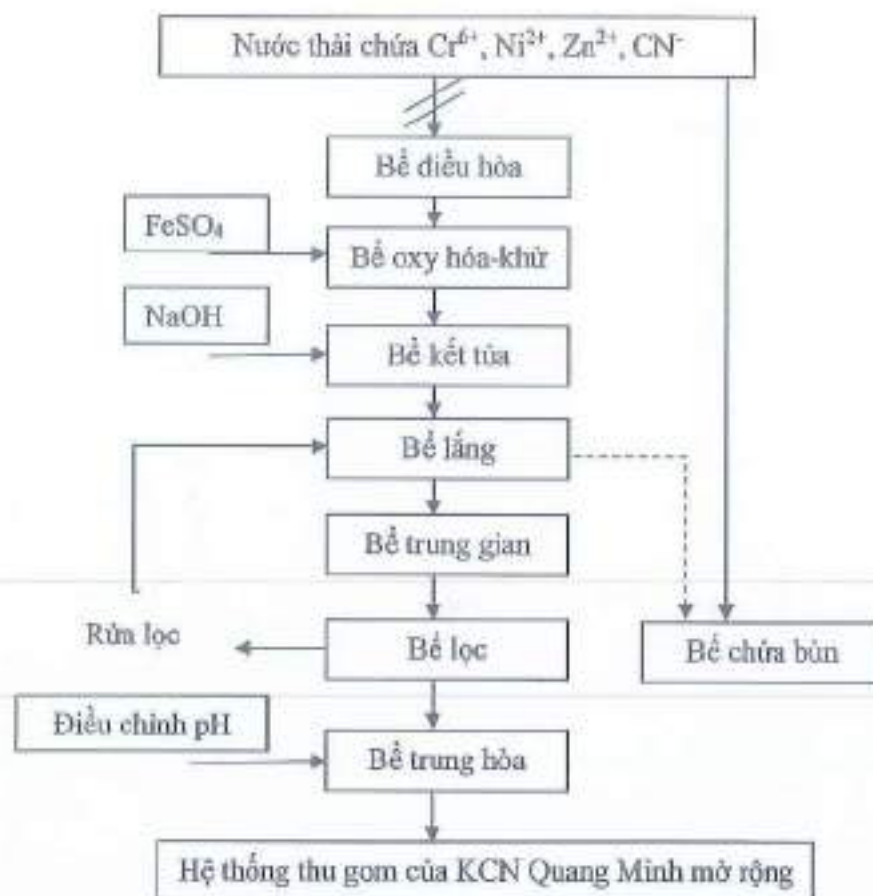
❖ Giai đoạn sau cải tạo

Trong thời gian tới, cơ sở sẽ thực hiện điều chỉnh quy trình vận hành, bổ sung các loại hóa chất xử lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Sau khi hệ thống xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận của KCN Quang Minh, nước thải sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Minh theo đúng quy định; cơ sở sẽ không tiếp tục thực hiện phương án chuyển giao toàn bộ nước thải cho đơn vị bên ngoài xử lý như hiện trạng.

Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày của Cơ sở:

Nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 150 m³/ngày đêm của Công ty.

Nước thải sản xuất bao gồm từ các nguồn như: Nước thải từ bồn mạ chứa Ni²⁺, Zn, Cr và nước thải từ quá trình làm sạch bề mặt trước mạ chứa nhiều dầu mỡ.



Hình 7. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ XLNT:

Nước thải sản xuất được dẫn theo đường thoát nước riêng ra hệ thống xử lý nước thải. Đồng thời tại song chắn rác (SCR) nhằm loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn như: giấy, gỗ, nilông, lá cây... để bảo vệ các máy móc thiết bị ở các công đoạn xử lý nước tiếp theo sẽ chảy vào hồ thu gom.

Nước thải từ hồ thu gom được bơm lên bể điều hòa nhằm điều hòa lưu lượng trước khi đi vào các công trình xử lý tiếp theo. Tại bể điều hòa có hệ thống cấp khí giảm mùi hôi của nước thải ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn trong bể. Nước thải sau khi qua bể điều hòa được bơm lên bể oxy hóa - khử.

Tại bể oxy hóa - khử châm hóa chất FeSO_4 với liều lượng nhất định và được kiểm soát chặt chẽ bằng bơm định lượng hóa chất. Dưới tác dụng của hệ thống cánh khuấy với tốc độ lớn được lắp đặt trong bể, hóa chất được hòa trộn nhanh và đều vào trong nước thải. Hỗn hợp nước thải này chảy qua bể kết tủa. Phản ứng khử Cr^{6+} và oxy hóa CN^- xảy ra trong bể phản ứng như sau:

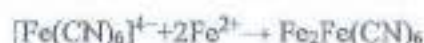
+ Đối với Crom(VI):



Dung dịch H_2SO_4 được đưa vào để ổn định pH = 2 – 3, đây là điều kiện cho quá trình oxy hóa Cr^{6+} tuy nhiên pH của nước thải bằng 3 nên lượng axit cho vào không đáng kể và có thể không cần bổ sung.

+ Đối với CN^- :

Phương trình phản ứng xảy ra như sau:



+ Đối với Crom(VI):



Dung dịch H_2SO_4 được đưa vào để ổn định pH = 2 – 3, đây là điều kiện cho quá trình oxy hóa Cr^{6+} tuy nhiên pH của nước thải bằng 3 nên lượng axit cho vào không đáng kể và có thể không cần bổ sung.

+ Đối với CN^- :

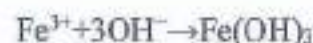
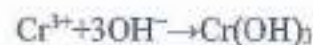
Phương trình phản ứng xảy ra như sau:



Tại bể kết tủa hóa chất NaOH được châm với liều lượng nhất định và hệ thống motor cánh khuấy với tốc độ chậm, các bông cặn li ti sẽ chuyển động, va chạm, dính kết và hình thành nên những bông cặn có kích thước và khối lượng lớn gấp nhiều lần các bông cặn ban đầu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng ở bể lắng đứng tiếp theo.

Phản ứng xảy ra trong bể keo tụ như sau:

Ban đầu nâng pH = 3 lên pH = 9 để kết tủa Zn^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{3+} , Cr^{3+} .



Nâng pH = 9 lên pH = 10 để kết tủa Ni^{2+} . Phương trình phản ứng xảy ra như sau:



Bể lắng được chọn là bể lắng đứng thiết kế đảm bảo giữ lại phần lớn cặn tạo ra từ bể kết tủa, hiệu suất lắng khoảng 60%.

Nước thải sau bể lắng sẽ chuyển qua bể trung gian, nước thải sau khi qua bể trung gian nhằm áp giảm áp lực trước khi vào bể lọc áp lực.

Nước thải bơm từ bể trung gian lên bể lọc áp lực, hiệu suất của bể lọc là 90%. Sau khi qua bể lọc các chất ô nhiễm đã được xử lý tuy nhiên pH của nước thải ra lớn

hơn so với trong quy chuẩn cho phép nên nước thải cần qua bể trung hòa để điều chỉnh pH, tại bể trung hòa nước thải được bổ sung hóa chất là H_2SO_4 để pH của nước thải nằm trong khoảng 5,5-9. Nước thải sau đó được đầu nối vào hệ thoát nước của KCN Quang Minh mở rộng, Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với đơn vị có chức năng thu gom để xử lý đạt cột B – QCVN 40:2011/BTNMT.

Bùn thải được bơm về bể chứa bùn, trong bể chứa bùn có bố trí thiết bị ép bùn nước thải chứa bùn được tuần hoàn lại để xử lý, bùn thải được các cơ quan chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

4.1.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.

- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Điều tiết và hạn chế tốc độ xe trong khu vực dự án để giảm lượng bụi trong không khí.

- Chọn thời điểm để vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông, kẹt đường chung với các phương tiện của các công ty, nhà máy khác làm ô nhiễm cục bộ môi trường không khí trong một thời gian.

- Duy trì chăm sóc hệ thống cây xanh trong khuôn viên cơ sở nhằm góp phần cải thiện vi khí hậu, giảm bụi và nâng cao chất lượng môi trường không khí.

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ quá trình sản xuất

b1./ Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực mạ 01

Khí thải phát sinh tại các bể Crom, bể thụ động Crom được thu gom bằng các chụp hút đặt trên thành các bể vào các ống hút dẫn khí D500 dẫn tới hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ để xử lý.

Công ty bố trí 01 hệ thống xử lý khí bằng phương pháp hấp thụ với công suất quạt hút 6677-13.353 m³/h.

Quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.



Hình 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải mạ 01

Tại các vị trí phát sinh khí thải sẽ lắp đặt các miệng hút khí D500 đặt trên thành các bể mạ dẫn tới hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ để xử lý.

Khí thải theo đường ống dẫn vào tháp hấp thụ, trong tháp chất hấp thụ sử dụng là nước. Chất lỏng chuyển động từ trên xuống bằng hệ thống phun sương, khí thải chuyển động từ dưới lên. Khí chất lỏng và khí tiếp xúc với nhau, các chất ô nhiễm dạng khí sẽ được hấp thụ bởi màng nước. Khí sau khi xử lý bằng tháp hấp thụ thải ra môi trường bằng hệ thống ống khói cao 10m đảm bảo đạt quy chuẩn QCTĐHN 01:2014/BTNMT. Dung dịch sau hấp thụ được tuần hoàn trở lại.

Bảng 12. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải mạ 01

STT	Tên thiết bị	Quy cách	Số lượng
1	Tháp hấp thụ	DxH = 1500x4800m	01
2	Quạt hút	Q = 6677 – 13.353 m ³ /h, 724-1139pa-7,5kW	01
3	Ống khói	D500, H = 10m	01

b2./ Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực mạ 02

Khí thải phát sinh tại các bể rửa axit HNO₃ 50%, bể tẩy dầu, bể tẩy Crom, bể rửa axit, bể kích hoạt inox, bể làm trắng và khu vực tẩy mốc treo được thu gom bằng các chụp hút đặt trên thành các bể mạ, vào các ống hút dẫn khí D300, D400, D700 dẫn tới hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ để xử lý.

Công ty bố trí 01 hệ thống xử lý khí bằng phương pháp hấp thụ với công suất quạt hút 27.000 m³/h.

Quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.



Hình 9. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải mạ 02

Tại các bể phát sinh khí thải sẽ lắp đặt các chụp hút khí đặt trên thành các bể vào các ống hút dẫn khí D400, D700 dẫn tới hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp thụ để xử lý. Tại khu vực tẩy móc treo sẽ lắp đặt các miệng hút dẫn vào ống hút khí D300 dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

Khí thải theo đường ống dẫn vào tháp hấp thụ, trong tháp chất hấp thụ sử dụng là nước. Chất lỏng chuyển động từ trên xuống bằng hệ thống phun sương, khí thải chuyển động từ dưới lên. Khi chất lỏng và khí tiếp xúc với nhau, các chất ô nhiễm dạng khí sẽ được hấp thụ bởi màng nước. Khí sau khi xử lý bằng tháp hấp thụ thải ra môi trường bằng hệ thống ống khói cao 10m đảm bảo đạt quy chuẩn QCTĐHN 01:2014/BTNMT. Dung dịch sau hấp thụ được tuần hoàn trở lại.

Bảng 13. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải mạ 02

STT	Tên thiết bị	Quy cách	Số lượng
1	Tháp hấp thụ	DxH = 2500x5000m	01
2	Quạt hút	Q = 27.000m ³ /h, 150PA	01
3	Ống khói	D700, H = 10m	01

b3./ Hệ thống xử lý khí thải từ khu vực phun sơn

Buồng phun sơn màng nước hoạt động dựa trên nguyên lý thu gom bụi sơn bằng màng nước tuần hoàn. Trong quá trình phun sơn, quạt hút được lắp đặt phía trên buồng sơn tạo áp suất âm, hình thành dòng khí chuyển động từ vị trí phun sơn về phía sau buồng sơn. Dòng khí mang theo bụi sơn và hơi dung môi được hút qua khu vực màn nước tuần hoàn. Tại đây, các hạt bụi sơn va chạm với màng nước, bị giữ lại và cuốn theo dòng nước chảy xuống máng thu phía dưới. Nước được bơm tuần hoàn trở

lại buồng sơn để tiếp tục thu gom bụi sơn. Khi sau khi đã được tách phần lớn bụi sơn tiếp tục được quạt hút dẫn qua ống khói và thải ra môi trường.

Bảng 14. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải khu vực phun sơn

STT	Tên thiết bị	Quy cách	Số lượng
1	Buồng sơn	LxBxH = 2,3x2,5x2,3 m	01
2	Quạt hút	Q = 5.000m ³ /h, 1000PA	01
3	Ống khói	D600, H = 10m	01

4.1.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh

Để giảm tác động của chất thải rắn sinh hoạt đến môi trường và sức khỏe con người, Công ty sẽ phân định, phân loại, thu gom và xử lý các chất thải phát sinh theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT/BTNMT ngày 10/01/2022.

Đối với chất thải sinh hoạt, sẽ bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích chứa 30 - 60 lít tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, khu vực sản xuất. Cuối ngày tổ vệ sinh của Công ty sẽ thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng tới thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định với tần suất 2 lần/tuần.

4.1.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp dự kiến phát sinh

Để quản lý chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Tại các khu vực nhà xưởng sản xuất sẽ đặt khoảng 10 thùng rác bằng nhựa có thể tích 60 lít/thùng để lưu chứa rác thải.

Cơ sở bố trí kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường riêng biệt có diện tích khoảng 8,4 m² để thu gom và lưu giữ tạm thời chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Khu vực lưu giữ được bố trí trong phạm vi nhà xưởng, có mái che, nền bê tông, đảm bảo thuận tiện cho công tác thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải trước khi chuyển giao.

Công ty sẽ ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng tới thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định với tần suất 1 tháng/lần.

4.1.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn nguy hại dự kiến phát sinh

- Tất cả CTNH phát sinh từ Công ty được phân loại, thu gom và lưu giữ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ - CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Tiến hành thống kê định kỳ khối lượng từng loại CTNH phát sinh. Kho

chất thải nguy hại khoảng 7,2 m³ được xây dựng với nền bê tông chống thấm, tường xây gạch và bố trí bờ bao nhằm ngăn ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ chất thải ra môi trường.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về PCCC theo quy định của pháp luật và PCCC.

+ Trang bị vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

+ Trang bị biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng rác dung tích 120 lít có nắp đậy. Các thùng chứa có dán nhãn, mã CTNH theo quy định.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tần suất vận chuyển rác thải nguy hại dự kiến là 2 lần/năm.

V. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

5.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của bản đăng ký môi trường

Chủ Dự án cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong bản đăng ký môi trường. Nếu có gì sai trái, Chủ Dự án cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Trong đó lưu ý các cam kết với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng quản lý nhà nước về môi trường bao gồm:

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025

- Chủ Dự án cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường đối với dự án, các tiêu chuẩn khác có liên quan.

5.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Chúng tôi xin cam kết về bảo vệ môi trường của Dự án như sau:

- Tuân thủ đúng luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các quy định liên quan về đăng ký môi trường, thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu, khống chế ô nhiễm đã đề ra để đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường;

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong đăng ký môi trường;

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của nhà máy và chịu hoàn toàn trách nhiệm, bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường do hoạt động vận hành nhà máy gây nên;

- Trong quá trình vận hành, Chủ Dự án cam kết đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn Việt Nam về yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Cơ sở cam kết chỉ thực hiện đầu nổi và xả nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN khi chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng đầy đủ yêu cầu tiếp nhận của KCN. Trường hợp chất lượng nước thải chưa đáp ứng yêu cầu, cơ sở tiếp tục thu gom, lưu chứa và chuyển giao toàn bộ nước thải cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý; không xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra môi trường.

+ Cam kết áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo đúng QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Cam kết quản lý chất thải theo đúng quy định pháp luật, không phát tán ra môi trường, không để tồn lưu gây nguy cơ ô nhiễm. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do cơ sở gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của

Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật.

+ Duy trì các biển báo, biển cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn; thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình sản xuất và vận hành thiết bị.

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, kiểm soát và xử lý các nguồn chất thải phát sinh, bảo đảm các chất thải được quản lý theo đúng quy định trước khi thải ra môi trường hoặc chuyển giao xử lý.

+ Thực hiện chương trình quan trắc môi trường (nếu thuộc đối tượng phải quan trắc) và lưu giữ đầy đủ hồ sơ, kết quả quan trắc theo quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm kinh phí cho việc vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị bảo vệ môi trường nhằm duy trì hiệu quả xử lý các nguồn thải phát sinh.

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc thiệt hại về môi trường do hoạt động của cơ sở, Công ty cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

+ Trong quá trình hoạt động, nếu có sự thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc các nội dung của hồ sơ đăng ký môi trường thuộc trường hợp phải đăng ký lại hoặc điều chỉnh theo quy định của pháp luật, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi triển khai.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của Cơ sở "Công ty PPV" /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM**



**GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU**

PHỤ LỤC

I. Thông tin chung về cơ sở.....	2
1.1. Tên cơ sở.....	2
1.2. Địa điểm thực hiện cơ sở, nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.....	2
1.2.1. Địa điểm thực hiện của cơ sở.....	2
1.2.2. Nguồn vốn.....	3
1.2.3. Tiến độ thực hiện của cơ sở.....	3
1.3. Quy mô, công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở.....	3
1.3.1. Quy mô, công suất.....	3
1.3.1.1. Quy mô diện tích.....	3
1.3.1.2. Quy mô công suất.....	4
1.3.2. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở.....	5
II. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở.....	10
2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu.....	10
2.1.1. Nguyên liệu, nhiên liệu của cơ sở.....	10
2.1.2. Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị.....	11
2.2. Nhu cầu về điện.....	14
2.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	15
2.4. Sản phẩm của cơ sở.....	15
III. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở.....	16
3.1. Nguồn và khối lượng khí thải dự kiến phát sinh.....	16
3.2. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh.....	20
3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh.....	24
3.3.1. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh.....	24
3.3.2. Loại và khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh.....	24
IV. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	25
4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án.....	25
4.1.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải.....	26
4.1.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý khí thải.....	30

4.1.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh	33
4.1.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp dự kiến phát sinh	33
4.1.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn nguy hại dự kiến phát sinh	33
V. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:	34
5.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của bản đăng ký môi trường	34
5.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	35

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2500557674

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 12 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 22 tháng 05 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM PRECIOUS PLATING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PPV VIETNAM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Thị trấn Chí Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978240827

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CHAO, MU-SHENG	Zhang Hua Shi, Zhong Shan Lu, San Duan 121 Xiang, 117 Nong, 15 Zhi 6 Hao, ĐÀI LOAN	8.400.000.000	56,000	351717171	
2	HUANG, SUNG-YU	Zhang Hua Shi, Zhong Shan Lu, San Duan 121 Xiang, 117 Nong, 15 Zhi 6 Hao, Đài Loan, TRUNG QUỐC	4.500.000.000	30,000	351515948	
3	CHANG, CHIEN-CHOU	Zhang Hua Shi, Liu Pu Li, Yi Xin Nan Jie, 83 Hao, ĐÀI LOAN	1.200.000.000	8,000	303224855	
4	NGUYỄN HUY VINH	Xóm Cầu, thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	3,000	001082024113	

5	NGUYỄN THỊ THÚY	Khu 5, Xóm Cầu, Xã Mễ Linh, Huyện Mễ Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	3.000	034182003396	
---	-----------------	---	-------------	-------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHAO, MU-SHENG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/05/1961*

Dân tộc:

Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *351717171*

Ngày cấp: *06/03/2019*

Nơi cấp: *Bộ Ngoại Giao*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Zhang Hua Shi, Zhong Shan Lu, San Duan 121*

Xiang, 117 Nong, 15 Zhi 6 Hao, ĐÀI LOAN

Chỗ ở hiện tại: *Số 3, đường Vĩnh Phúc, khu biệt thự Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mễ Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Kim Tuyền

CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM
Đre : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, TT Chí
Đông, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam
Số : 01/UQ-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Căn cứ vào các văn bản pháp luật liên hành.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2021. Tại văn phòng công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

I. BÊN ỦY QUYỀN: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

- Địa chỉ: Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Thị trấn Chí Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Đại diện : Ông : **CHAO, MU - SHENG** Chức vụ : Tổng Giám Đốc
- MST: 2500557674

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Họ và tên : **HUANG, SUNG - YU** Chức vụ: Giám đốc kinh doanh
- Số hộ chiếu : 351515948 Cấp ngày: 21/01/2019 Nơi cấp : Bộ ngoại giao
- Quốc tịch : Trung Quốc

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

1. Ông Huang, Sung - Yu là giám đốc kinh doanh công ty có quyền ký vào toàn bộ các văn bản giấy tờ phục vụ cho việc hoạt động sản xuất của công ty.
2. Được quyền quyết định và ký kết các hợp đồng kinh tế, giấy tờ về hải quan liên quan đến nhập xuất khẩu hàng hóa của công ty.
3. Được quyền ký hợp đồng lao động với công nhân viên của công ty
4. Được quyền ký vào Hợp đơn GTGT của công ty, và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến cơ quan thuế
5. Được Quyền ký vào chứng từ liên quan đến ngân hàng của công ty.
6. Được quyền ký các hồ sơ giấy tờ cần thiết liên quan đến việc xuất nhập cảnh.
7. Được quyền ký vào các chứng từ liên quan đến Bảo hiểm xã hội của công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi tổng giám đốc có quyết định thay thế.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN ỦY QUYỀN



ĐẠI DIỆN BÊN ỦY QUYỀN



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHAO, MU - SHENG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

Số: PPV 20160310/HĐTX-2016

- Căn cứ bộ luật dân sự năm số 33/2005/QH11 được Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 03 năm 2016, tại văn phòng Công ty TNHH Thành Thái đại diện hai bên gồm có:

BÊN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG: CÔNG TY TNHH THÀNH THÁI

- Đăng ký kinh doanh số: 2500213056 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 10/09/2012.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu CN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.
- Điện thoại / Fax: 04.3813 4004.
- Tài khoản: 2802201011373
- Tại Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Mê Linh
- Mã số thuế: 2500213056
- Đại diện: Ông Trịnh Văn Thành
- Chức vụ: Giám đốc

(Trong hợp đồng này gọi tắt là Bên A)

BÊN THUÊ NHÀ XƯỞNG: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

- Đăng ký kinh doanh số: 2500557674 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đang ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 03 năm 2016 (DN chuyển trụ sở từ tỉnh Vĩnh Phúc về Hà Nội).
- Điện thoại / Fax:
- Tài khoản: 102010002480109
- Tại Ngân hàng: Vietinbank chi nhánh Quang Minh.
- Mã số thuế: 2500557674
- Đại diện: Ông Zhao Mu Sheng
- Chức vụ: Tổng giám đốc

(Trong Hợp đồng này gọi tắt là Bên B)

Sau khi thỏa thuận hai bên cùng nhau lập và ký kết Hợp đồng cho thuê và thuê nhà xưởng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A là người có quyền sử dụng đất và là chủ hợp pháp đối với nhà xưởng trên thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Bằng hợp đồng này, bên A đồng ý cho bên B thuê và bên B đồng ý thuê toàn bộ diện tích của nhà xưởng bao gồm $850m^2$ (Tám trăm năm mươi mét vuông) và $588m^2$ (Năm trăm tám mươi tám mét vuông) nhà xưởng phụ trợ.

1.1. Mục đích: Dùng làm xưởng sản xuất gia công và kinh doanh

1.2. Đặc điểm của nhà xưởng:

- Tổng diện tích sử dụng: $850m^2$ xưởng sản xuất và $588m^2$ nhà xưởng phụ trợ bao gồm: công trình xử lý nước thải, nhà vệ sinh, nhà để xe.

- Kết cấu: Khung thép Jamil tiêu chuẩn xưởng công nghiệp theo bản vẽ yêu cầu của bên B.

- Vị trí xưởng: Thuộc thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Khu Cn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

- Tình trạng: Tốt

ĐIỀU 2: THỜI HẠN VÀ GIA HẠN THỜI GIAN THUÊ NHÀ XƯỞNG

2.1. Thời hạn thuê và cho thuê là: 05 - 10 (năm đến mười) năm bắt đầu kể từ ngày ký hợp đồng này.

2.2. Khi hết hạn hợp đồng, nếu Bên A vẫn có nhu cầu cho thuê và bên B vẫn có nhu cầu thuê thì bên A sẽ ưu tiên cho Bên B thuê tiếp. Giá cả do hai bên thỏa thuận theo giá thị trường tại thời điểm cho thuê.

2.3. Trường hợp một trong hai bên dừng thực hiện hợp đồng trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 12 tháng.

2.4. Trong trường hợp Hợp đồng kết thúc trước thời hạn thì Bên A có trách nhiệm hoàn lại số tiền mà bên B đã trả trước (nếu có) sau khi trừ đi các khoản tiền thuê nhà xưởng. Bên B nhận lại toàn bộ trang thiết bị do mình mua sắm.

ĐIỀU 3: GIÁ THUÊ NHÀ XƯỞNG

3.1. Giá tiền thuê nhà xưởng sản xuất là: 50.000 đồng / $1m^2$ / tháng (Năm mươi ngàn đồng trên một mét vuông trên một tháng) và giá tiền thuê nhà xưởng phụ trợ là: 22.000 đồng / $1m^2$ / tháng (Hai mươi hai ngàn đồng trên một mét vuông trên một tháng).

- Giá trên đã bao gồm 10% thuế GTGT và đã bao gồm nghĩa vụ tài chính về tiền thuế sử dụng đất hàng năm đối với nhà nước.

3.2. Bên B đồng ý trả tiền thuê xưởng cho bên A là 02 (hai) năm để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Số tiền này do hai bên thỏa thuận trừ vào tiền thuê nhà xưởng.

3.2. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc Bên B sử dụng nhà xưởng được thuê như: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền gas, tiền cước điện thoại, fax, cước internet, tiền vệ sinh môi trường, tiền an ninh khu vực và các khoản phí khác phải đóng cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định chung thì Bên B có trách nhiệm thanh toán và không được khấu trừ vào tiền thuê nhà xưởng.

ĐIỀU 4: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TIỀN THUÊ NHÀ XƯỞNG

4.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam hiện hành.

4.2. Phương thức thanh toán:

- Đợt 1: Bên B thanh toán cho bên A số tiền 02 (hai năm) thuê nhà xưởng sau 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

- Đợt 2: Bên B sẽ tiếp tục thanh toán cho bên A số tiền theo quý hoặc theo tháng thuê nhà xưởng sản xuất và xưởng phụ trợ kể từ năm thứ 03 (ba) trở đi và giá sẽ được thảo luận tăng giảm kể từ năm thứ 05 (năm) của hợp đồng , giá thời điểm tăng khoảng 5% - 15%/12 tháng.

- Đợt 3: Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hết hạn hợp đồng 05 (năm) năm đầu tiên của hợp đồng hai bên sẽ tiến hành họp thỏa thuận giá thuê thời gian tiếp theo. Sau khi thỏa thuận được giá thuê mới (giá thời điểm mới sẽ tăng hoặc giảm trong khoảng 5%-15%/12 tháng) tháng còn lại của hợp đồng sẽ được thỏa thuận lại như thanh toán vào đợt hai. Việc giao nhận số tiền trên do hai bên tự thực hiện.

4.3. Nếu đến kỳ hạn thanh toán mà bên B thanh toán chậm quá 15 ngày, bên B sẽ phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Nếu chậm quá một tháng bên A có quyền chấm dứt hợp đồng(trừ trường hợp được sự đồng ý của bên A).

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN NHÀ XƯỞNG

5.1. Ngay sau khi hai bên ký hợp đồng này Bên A phải có trách nhiệm bàn giao nhà xưởng cho Bên B. Việc bàn giao không vượt quá thời gian là 45 ngày kể từ ngày ký.

5.2. Việc bàn giao hiện trạng nhà xưởng, thiết bị và nhận nhà được lập biên bản bàn giao nhà giữa hai bên. Biên bản bàn giao được hai bên ký xác nhận. Sau khi hợp đồng thuê nhà xưởng kết thúc, bên B có trách nhiệm giao trả lại nhà xưởng và toàn bộ thiết bị đúng hiện trạng như lúc bên B nhận.

5.3. Sửa chữa nhà và bảo vệ tài sản:

- Kể từ ngày Bên B nhận nhà xưởng, Bên B tự trang thiết bị nội thất theo yêu cầu của Bên B chi phí do Bên B quyết định, chi trả và thực hiện.

- Bên A có trách nhiệm sửa chữa mọi hư hỏng liên quan đến kết cấu và cơ sở hạ tầng nhà xưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận thông báo hư hỏng từ bên B.

- Kể từ ngày bên B nhận nhà xưởng, Bên B có trách nhiệm tự bảo vệ và bảo quản tài sản bên trong nhà xưởng Bên A đã bàn giao.

5.4. Bên A cam kết đảm bảo nhà xưởng được xây dựng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quy hoạch, kết cấu xây dựng. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện giấy phép xây dựng sai hay nhà xưởng xây dựng trái với các quy định của luật xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan thì bên cho thuê phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5.5. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký bên A phải có trách nhiệm hoàn thành xây dựng xong nhà xưởng nếu cố tình chậm trễ và kéo dài việc xây dựng ảnh hưởng đến tình trạng sản xuất cũng như khách hàng của bên B thì bên A phải bồi thường hoàn toàn thiệt hại do bên B phải chịu, và số tiền tạm ứng nhà xưởng bên A phải tính bồi thường lãi theo quy định của ngân hàng.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

6.1 Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê:

- Được thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê.
- Yêu cầu bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng thuê.
- Bảo đảm việc sử dụng hợp pháp nhà xưởng của bên thuê trong suốt quá trình thực hiện.
- Tạo mọi điều kiện để bên thuê có thể sửa chữa nội, ngoại thất và các sửa chữa khác nhằm phục vụ yêu cầu kinh doanh hợp pháp của mình, trong trường hợp những sửa chữa này không ảnh hưởng đến kết cấu và không làm ảnh hưởng đến sự vững bền của nhà xưởng.
- Bàn giao nhà xưởng cho bên thuê theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ mọi khoản thuế, phí lệ phí của nhà nước quy định về việc cho thuê nhà xưởng.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra
- Phải cung cấp đủ dòng điện cho bên b sử dụng với công suất sử dụng là 560KVA và đường nối nước thải ra Ban quản lý Khu công nghiệp.
- Trong trường hợp Bên A thay đổi chủ sở hữu, Bên A phải có trách nhiệm thỏa thuận với chủ sở hữu mới để đảm bảo cho Bên B về thời gian thuê nhà xưởng nêu trên như hai bên đã thỏa thuận trong bản hợp đồng này.
- Thuê bảo vệ để bảo vệ vòng ngoài nhà máy 2.000.000đ/tháng không bao gồm VAT.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê:

- Toàn quyền sử dụng nhà xưởng trong thời hạn thuê với điều kiện thanh toán đầy đủ và thanh toán đúng hạn tiền thuê nhà xưởng.
- Sửa đổi thiết kế nội ngoại thất phù hợp với yêu cầu sử dụng, mục đích kinh doanh hợp pháp của mình với điều kiện mọi sửa đổi không gây hư hại đến kết cấu sự

bên vững của nhà xưởng ,nếu có thì phải xin ý kiến chấp thuận bằng văn bản của bên cho thuê.

- Yêu cầu bên a bồi thường thiệt hại do lỗi của bên A gây ra.

- Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận của bên A trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu.

- Thực hiện đầy đủ biện pháp phòng cháy nổ cho nhà xưởng, chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với bên cho thuê và bên thứ ba khác về hậu quả, mọi hư hỏng tổn thất trong việc thiếu trách nhiệm về việc phòng chống cháy nổ , phòng chống tai nạn trong quá trình sử dụng nhà xưởng của bản thân người thuê hoặc cán bộ, nhân viên khách hàng của người thuê.

- Thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ về vệ sinh, an toàn và trật tự an ninh của người sử dụng nhà xưởng trong khuôn viên khu công nghiệp ttrong thời gian sử dụng nhà xưởng.

- Chịu trách nhiệm về hư hỏng đối với nhà xưởng trong quá trình liên quan đến sửa chữa , sử dụng cũng như phải bồi thường đối với các thiệt hại gây ra cho nhà xưởng do việc sửa chữa , sử dụng có liên quan đến kết cấu của nhà xưởng nhưng không được người cho thuê đồng ý.

- Bên B có trách nhiệm xin phép các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật Việt Nam để đảm bảo các hoạt động kinh doanh tại nhà xưởng là hợp pháp và không được sử dụng vào bất kỳ mục đích kinh doanh nào khác khi chưa có sự thỏa thuận với Bên A bằng văn bản.

- Tự sửa chữa những hỏng hóc hư hại đối với nhà xưởng cũng như thiết bị, tiện nghi gắn liền với nhà xưởng trong quá trình sử dụng của mình; tự mua bảo hiểm cho các tài sản mà bên thuê tự đầu tư , trang bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Hoàn trả nhà xưởng cho bên cho thuê khi chấm dứt hợp đồng thuê hoặc khi bên thuê vi phạm nghiêm trọng hợp đồng thuê buộc phải chấm dứt trước thời hạn.

- Không được chuyển nhượng thuê nhà hoặc cho người khác thuê lại. Khi cần sửa chữa cái tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải được sự đồng ý của bên A và phải tuân thủ các quy định về xây dựng cơ bản của Việt Nam.

- Đóng tiền phí quản lý trạm biến áp dựa vào tổng số tiền điện hàng tháng sử dụng là 10%.

ĐIỀU 7: SỬA ĐỔI, BỔ XUNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Sửa đổi, bổ sung:

- Nội dung hợp đồng này là thỏa thuận hoàn chỉnh và duy nhất giữa hai bên, thay thế mọi thỏa thuận, ghi nhớ bằng lời nói. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có phát sinh mọi vấn đề liên quan mà trong hợp đồng này chưa qui định thì hai bên có thể sửa đổi và phải được hai bên đồng ý bằng văn bản trong vòng 30 ngày.

7.2. Chấm dứt hợp đồng:

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau mà không bên nào phải bồi thường thiệt hại.

- Hai bên cùng đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản.

- Thời hạn thuê đã hết không được các bên gia hạn.

- Một trong hai bên đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và đã có thông báo đề nghị chấm dứt trước 06 tháng kể từ ngày chấm dứt.

- Sự kiện bất khả kháng được nêu tại điều 8 trong hợp đồng này.

- Bên thuê không xin được giấy phép đầu tư dẫn đến việc không thể sử dụng nhà xưởng đã thuê theo mục đích ban đầu.

7.3 Đơn phương chấm dứt hợp đồng

Bên A có thể chấm dứt hợp đồng thuê này và yêu cầu bên thanh toán một khoản tiền phạt Hợp đồng có giá trị tương đương với 3 tháng tiền thuê nhà khi bên B vi phạm hàng vi sau:

- Không trả tiền nhà kể từ 30 ngày hết hạn thanh toán (trừ trường hợp được sự đồng ý của bên A);

- Đơn phương hủy hợp đồng mà không thuộc lỗi của bên A theo quy định trong hợp đồng này.

Bên B có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Bên A thanh toán một khoản tiền phạt cụ thể tương ứng với khoản tiền bên B phải trả cho việc di chuyển đến địa điểm mới khi bên A vi phạm một trong những hành vi sau:

- Không sửa chữa nhà xưởng khi nhà xưởng không đảm bảo an toàn để sử dụng hoặc gây thiệt hại cho bên B.

- Quyền quản lý, sử dụng nhà xưởng cho Bên thuê bị hạn chế do bên thứ 3 xâm phạm trực tiếp đến lợi ích của Bên B;

- Tăng giá thuê nhà xưởng một cách bất hợp lý;

- Đơn phương hủy hợp đồng mà không thuộc lỗi của Bên B theo quy định trong hợp đồng này;

- Bên B thực hiện hành vi chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia biết trước 60 ngày bằng văn bản.

ĐIỀU 8: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Do hậu quả của một sự việc không thể lường trước được như: bão, lũ lụt, thiên tai

- Việc một bên thực hiện được hoặc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng này sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu do sự việc bất khả kháng gây ra. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng nhanh chóng gửi thông báo cho bên kia khi nhận thấy mình không thể thực hiện được nghĩa vụ do trường hợp bất khả kháng gây ra.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Bất kỳ một tranh chấp, khiếu nại nào phát sinh liên quan đến hợp đồng cho thuê này hoặc mọi hành vi vi phạm, việc chấm dứt trước hạn hợp đồng cho thuê sẽ được bên cho thuê và bên thuê giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu những tranh chấp, khiếu nại này không thể giải quyết thông qua thương lượng thì bất kỳ bên nào cũng có quyền khởi kiện bên kia tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam và quyết định của tòa án sẽ là cuối cùng và ràng buộc giữa hai bên.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Bên A cam kết nhà xưởng cho thuê thuộc quyền sử hữu hợp pháp của mình, không có tranh chấp về quyền sở hữu không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không thuộc diện bị thu hồi hoặc giải tỏa); cam kết nhà ở đảm bảo chất lượng an toàn cho bên B và có giấy chứng nhận giấy phép xây dựng đầy đủ cũng như hợp pháp hóa các điều kiện về phòng cháy chữa cháy của nhà xưởng.

- Việc ký kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện , không bị ép buộc , lừa dối. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung nội dung của hợp đồng này thì các bên lập thêm phụ lục hợp đồng có chữ ký của cả hai bên, phụ lục hợp đồng có giá trị như hợp đồng và không được tách khỏi hợp đồng này.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này và tạo mọi điều kiện cho nhau trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Hai bên đã đọc lại nguyên văn bản hợp đồng này và hoàn toàn nhất trí với các nội dung trên và cùng ký tên làm bằng chứng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Được lập thành 04 (bốn) bản có hiệu lực như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
[Signature]

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
CHAO, MU - SHENG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

Số: 01/2026/PLHĐTX/TT-PPV

- Căn cứ hợp đồng thuê xưởng số: PPV20160310/HĐTX-2016 ký ngày 10/03/2016 giữa Công ty TNHH Thành Thái và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

- Căn cứ vào đơn giá thực tế tại thời điểm thuê và cho thuê.

Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại văn phòng Công ty TNHH Thành Thái đại diện hai bên gồm có:

I. BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên A)

Tên tổ chức : CÔNG TY TNHH THÀNH THÁI
MSDN : 2500213056
Trụ sở : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Đại diện : Ông Trịnh Văn Thành - Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0966.547.655
Số tài khoản : 2802 201 011 373, tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mê Linh
110 000 029 837, tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Phúc Yên.



II. BÊN THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên B)

Tên tổ chức : CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM
MSDN : 2500557674
Trụ sở : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đại diện : Ông Huang, Sung - Yu Chức vụ: Giám đốc kinh doanh
Số tài khoản : 118000171565, tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Quang Minh

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất thống nhất ký kết phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng số: PPV20160310/HĐTX-2016 ký ngày 10/03/2016 với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời hạn hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng được gia hạn thêm 5 năm nữa từ 10/3/2026 đến hết 31/3/2031.
- Đơn giá thuê xưởng sẽ được hai bên thoả thuận và ký phụ lục hợp đồng.

2. Đơn giá thuê:

- Đơn giá thuê nhà xưởng là: 85.000đồng/m²/tháng (Tám mươi lăm nghìn đồng trên một mét vuông trên một tháng)
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%.

3. Thời gian thực hiện đơn giá thuê xưởng:

- Đơn giá thuê xưởng trên được tính bắt đầu từ ngày 01/01/2026 cho đến khi có phụ lục mới
- Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi thay đổi giá thì hai bên tiến hành thỏa thuận giá thuê xưởng, giá mới được áp dụng theo giá thị trường của thời điểm hiện tại giữa bên thuê và bên cho thuê.

4. Điều khoản chung:

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thuê xưởng số: PPV20160310/HĐTX-2016 ký ngày 10/03/2016 giữa Công ty TNHH Thành Thái và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

- Toàn bộ các điều khoản còn lại không được nêu trong phụ lục hợp đồng này thì vẫn được thực hiện theo hợp đồng thuê xưởng số: PPV20160310/HĐTX-2016 ký ngày 10/03/2016.

- Phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01(một) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thành

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG
Số: 20210515/HĐTX/TT-PPV

- ❖ Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- ❖ Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;
- ❖ Căn cứ vào khả năng cung cấp của Công ty TNHH Thành Thái và nhu cầu của Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

Hôm nay, ngày 15 tháng 05 năm 2021, tại khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm có:

I. BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên A)

Tên tổ chức : Công ty TNHH Thành Thái
MSDN : 2500213056
Trụ sở : Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội
Đại diện : Ông Trịnh Văn Thành Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0966.547.655
Số tài khoản : 2802201011373, tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mê Linh

II. BÊN THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên B)

Tên tổ chức : Công ty TNHH PRECIOUS PLATING Việt Nam
MSDN : 2500557674
Trụ sở : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đại diện : Ông Chao Mu Sheng Chức vụ: Tổng Giám đốc
Số tài khoản : 118000171565, tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Quang Minh

Trên cơ sở tài liệu, hồ sơ các bên cung cấp, với tinh thần thiện chí, hợp tác hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng cho thuê nhà xưởng này với các điều khoản và điều kiện sau đây

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC ĐÍCH HỢP ĐỒNG

Bên A là người có quyền sử dụng đất và là chủ hợp pháp đối với nhà xưởng trên thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23 có diện tích 8.980m² tại địa chỉ: Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.1. Bằng hợp đồng này, bên A đồng ý cho bên B thuê và bên B đồng ý thuê 360m² nhà xưởng của Bên A để bên B sử dụng vào mục đích làm kho để hàng hóa gia công mạ.

1.2. Đặc điểm của nhà xưởng:

- Tổng diện tích sàn sử dụng: 360m² (Ba trăm sáu mươi mét vuông) nhà xưởng;
- Kết cấu: Khung thép tiêu chuẩn xưởng công nghiệp đảm bảo phù hợp cho Bên B sản xuất, kinh doanh;
- Vị trí xưởng: Thuộc thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Lô 660, khu Công Nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội;
- Tình trạng: Tốt.

1.3. Điều kiện phụ trợ:

- Bên A tạo điều kiện cho CBCNV và khách của bên B để phương tiện giao thông và đi chung cổng với Bên A.
- Bên A đảm bảo cho bên B dẫn đường ống nước sinh hoạt và đường điện sản xuất đến đầu xưởng mà bên B thuê, và cung cấp đầy đủ thủ tục giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường mà bên A đã có cho bên B.

ĐIỀU 2. THỜI HẠN VÀ GIA HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

2.1. Thời hạn thuê và cho thuê là: 05 (năm) năm bắt đầu kể từ ngày 18 tháng 05 năm 2021 đến hết ngày 17 tháng 05 năm 2026.

2.2. Bên B được quyền thuê nhà xưởng của Bên A trong thời hạn 05 năm và Bên A không được phép hủy ngang quyền thuê của Bên B trong thời hạn hợp đồng nếu không thuộc các trường hợp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.3. Khi hết hạn hợp đồng, nếu Bên A vẫn có nhu cầu cho thuê và Bên B vẫn có nhu cầu thuê thì bên A ưu tiên cho bên B thuê tiếp. Giá cả do hai bên thỏa thuận. Các bên tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng đối với nội dung này.

2.4. Trường hợp một trong các bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì phải báo cho bên còn lại bằng văn bản trước khi chấm dứt hợp đồng trước ít nhất 06 (sáu) tháng.

2.5. Trong trường hợp Hợp đồng kết thúc trước thời hạn thì Bên A có trách nhiệm hoàn lại số tiền mà Bên B đã đặt cọc (nếu có) sau khi đã trừ các khoản tiền thuê nhà xưởng và các chi phí khác (nếu có); Bên B được nhận lại toàn bộ trang thiết bị do mình mua sắm.

ĐIỀU 3. GIÁ THUÊ

3.1. Giá tiền thuê nhà xưởng là 55.000 đồng/1m²/tháng (Năm mươi lăm nghìn đồng trên một mét vuông trên một tháng)

Giá trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT và đã bao gồm nghĩa vụ tài chính về tiền thuê sử dụng đất hàng năm đối với nhà nước.

Tiền thuê nhà xưởng được tính từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao nhà xưởng. Đơn giá trên được áp dụng trong vòng 02 năm đầu tiên của hợp đồng tính từ ngày hai

hên ký biên bản bàn giao nhà xưởng. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hết thời hạn 05 (năm) năm đầu tiên của Hợp đồng hai Bên sẽ tiến hành họp thỏa thuận giá thuê thời gian tiếp theo. Sau khi thỏa thuận được giá thuê mới, (Giá thời điểm thuê mới sẽ tăng trong khoảng 5% - 15%/ 12 tháng).

3.2. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc Bên B sử dụng nhà xưởng được thuê như: tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiền gas, tiền cước điện thoại, fax, cước internet, tiền vệ sinh môi trường, tiền an ninh khu vực và các khoản phí khác phải đóng cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định chung thì Bên B có trách nhiệm thanh toán và không được khấu trừ vào tiền thuê nhà xưởng.

3.3. Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc có vi phạm nghĩa vụ phát sinh thiệt hại thì Bên A có quyền sử dụng tiền đặt cọc khấu trừ cho nghĩa vụ của Bên A phải thực hiện khi đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại cho Bên A.

ĐIỀU 4: HÌNH THỨC, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Hình thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam hiện hành.

4.2. Thời hạn và phương thức thanh toán:

- Bên B đồng ý đặt cọc cho bên A 02 tháng tiền thuê nhà xưởng tương ứng với số tiền là **43.560.000 đồng** (Bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) ngay sau khi hai bên ký hợp đồng này. Số tiền đặt cọc này được hai bên thống nhất trừ vào tiền thuê nhà xưởng của 02 tháng đầu tiên tính từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao nhà xưởng. Kể từ tháng thứ 03 trở đi, bên B thanh toán cho bên A số tiền thuê nhà xưởng theo tháng, mỗi tháng là **21.780.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng); Thời điểm thanh toán vào ngày 01-03 của mỗi tháng.

4.3. Nếu bên B thanh toán chậm quá 15 ngày, bên B sẽ phải trả lãi tiền chậm thanh toán theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm đến kỳ thanh toán. Nếu chậm quá một tháng, bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và không phải thanh toán lại cho Bên B tiền đặt cọc.

ĐIỀU 5. GIAO NHẬN NHÀ XƯỞNG

5.1. Ngay sau khi hai bên ký hợp đồng này Bên A phải có trách nhiệm bàn giao nhà xưởng cho Bên B.

5.2. Việc bàn giao hiện trạng nhà xưởng, thiết bị và nhận nhà được lập biên bản bàn giao giữa hai bên. Biên bản bàn giao được hai bên ký xác nhận. Sau khi hợp đồng thuê nhà xưởng kết thúc, Bên B có trách nhiệm giao trả lại nhà xưởng và toàn bộ thiết bị đúng hiện trạng như lúc bên B nhận.

5.3. Sửa chữa nhà và bảo vệ tài sản:

- Kể từ ngày Bên B nhận nhà xưởng, Bên B tự trang thiết bị nội thất theo yêu cầu của Bên B và chi phí do Bên B chịu trách nhiệm chi trả;

- Bên A có trách nhiệm sửa chữa mọi hư hỏng liên quan đến kết cấu và cơ sở hạ tầng nhà xưởng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận thông báo hư hỏng từ

bên B với điều kiện hư hỏng này không phải do lỗi của Bên B. Nếu hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên A vẫn sẽ sửa chữa nhưng Bên B có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa cho Bên A.

- Kể từ ngày bên B nhận nhà xưởng, Bên B có trách nhiệm tự bảo vệ và bảo quản tài sản bên trong nhà xưởng Bên A đã bàn giao.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Được thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản tiền thuê theo hợp đồng;
- Yêu cầu bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng thuê;
- Bảo đảm việc sử dụng hợp pháp nhà xưởng của Bên B trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng;
- Yêu cầu Bên B bảo quản, sử dụng nhà xưởng theo công năng, thiết kế và các thỏa thuận được nêu tại Hợp đồng này;
- Đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng khi Bên B vi phạm điều kiện để đơn phương chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng;
- Tạo mọi điều kiện để bên Bên B có thể sửa chữa nội, ngoại thất và các sửa chữa khác nhằm phục vụ yêu cầu kinh doanh hợp pháp của mình, trong trường hợp những sửa chữa này không ảnh hưởng đến kết cấu và không làm ảnh hưởng đến sự vững bền của nhà xưởng;
- Bàn giao nhà xưởng cho Bên B theo đúng thỏa thuận;
- Thanh toán đầy đủ mọi khoản thuế có liên quan đến việc thuê nhà;
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- Xuất hóa đơn hợp pháp cho bên B theo tháng, theo quý, hoặc 6 tháng/lần tùy theo yêu cầu của bên B.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Toàn quyền sử dụng nhà xưởng trong thời hạn thuê với điều kiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền thuê nhà xưởng;
- Sửa đổi thiết kế nội ngoại thất phù hợp với yêu cầu sử dụng, mục đích kinh doanh hợp pháp của mình với điều kiện mọi sửa đổi không gây hư hại đến kết cấu, sự bền vững của nhà xưởng, nếu có thì phải xin ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bên A;
- Chịu trách nhiệm lắp đặt trang thiết bị, nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền về PCCC ở bên trong nhà xưởng. Thực hiện đầy đủ biện pháp phòng chống cháy nổ cho nhà xưởng, chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với Bên A và bên thứ ba khác về hậu quả, mọi hư hỏng tổn thất trong việc thiếu trách nhiệm về việc phòng chống cháy nổ, an toàn lao động trong quá trình sử dụng nhà xưởng của bản thân người thuê hoặc cán bộ, nhân viên khách hàng của người thuê;
- Thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ về vệ sinh, an toàn và trật tự an ninh của người sử dụng nhà xưởng trong khuôn viên khu công nghiệp trong thời gian sử dụng nhà xưởng;

- Chịu trách nhiệm về hư hỏng đối với nhà xưởng trong quá trình liên quan đến sửa chữa, sử dụng cũng như phải bồi thường đối với các thiệt hại gây ra cho nhà xưởng do việc sửa chữa, sử dụng có liên quan đến kết cấu của nhà xưởng khi không được Bên A đồng ý;

- Bên B có trách nhiệm xin phép các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật Việt Nam để đảm bảo các hoạt động kinh doanh tại nhà xưởng là hợp pháp và không được sử dụng vào bất kỳ mục đích kinh doanh nào khác khi chưa có sự thỏa thuận với Bên A bằng văn bản;

- Tự sửa chữa những hỏng hóc hư hại đối với nhà xưởng cũng như thiết bị, tiện nghi gắn liền với nhà xưởng trong quá trình sử dụng của mình; tự mua bảo hiểm cho các tài sản mà Bên B tự đầu tư, trang bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình;

- Hoàn trả nhà xưởng cho Bên A khi chấm dứt hợp đồng thuê hoặc khi Bên B vi phạm nghiêm trọng hợp đồng thuê buộc phải chấm dứt trước thời hạn;

- Không được chuyển nhượng thuê nhà xưởng hoặc cho người khác thuê lại. Khi cần sửa chữa cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A và phải tuân thủ các quy định về xây dựng cơ bản của Việt Nam

- Bên B tự chịu trách nhiệm trông coi, bảo quản hàng hóa trong kho của mình và chịu trách nhiệm trong phần diện tích thuê của Bên A;

- Bên B cam kết thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký. Mọi phát sinh ngoài nội dung hợp đồng này Bên B phải có văn bản đề nghị và phải được Bên A chấp nhận bằng văn bản.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng:

- Nội dung hợp đồng này là thỏa thuận hoàn chỉnh và duy nhất giữa hai bên, thay thế mọi thỏa thuận, ghi nhớ bằng lời nói. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có phát sinh mọi vấn đề liên quan mà trong hợp đồng này chưa qui định thì hai bên có thể sửa đổi và phải được hai bên đồng ý bằng văn bản trong vòng 30 ngày. Những nội dung các bên sửa đổi được xem là phụ lục hợp đồng này.

7.2. Chấm dứt hợp đồng:

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau mà không bên nào phải bồi thường thiệt hại:

- Hai bên cùng đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản;
- Thời hạn thuê đã hết không được các bên gia hạn;
- Sự kiện bất khả kháng được nêu tại điều 8 trong hợp đồng này;

7.3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng:

- Bên A có thể chấm dứt hợp đồng thuê này và yêu cầu bên B thanh toán một khoản tiền phạt Hợp đồng có giá trị tương đương với 3 tháng tiền thuê nhà khi bên B vi phạm các nội dung sau:

+ Quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà bên B không thanh toán tiền thuê nhà xưởng cho Bên A (trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A);

+ Đơn phương hủy hợp đồng mà không thuộc lỗi của bên A theo quy định trong hợp đồng này;

- Bên B có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Bên A thanh toán một khoản tiền phạt tương đương với 03 tháng tiền thuê nhà cho việc di chuyển đến địa điểm mới khi Bên A vi phạm một trong những nội dung sau:

- Không sửa chữa nhà xưởng khi nhà xưởng không đảm bảo an toàn để sử dụng hoặc gây thiệt hại cho bên B nếu những hư hỏng của nhà xưởng không thuộc lỗi của Bên B;

- Tăng giá thuê nhà xưởng một cách bất hợp lý;

- Quyền quản lý, sử dụng nhà xưởng cho Bên thuê bị hạn chế do bên thứ 3 xâm phạm trực tiếp đến lợi ích của Bên B;

- Đơn phương hủy hợp đồng mà không thuộc lỗi của Bên B theo quy định trong hợp đồng này.

ĐIỀU 8. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Do hậu quả của một sự việc không thể lường trước được như: bão, lũ lụt, thiên tai, dịch bệnh,

- Việc một bên thực hiện được hoặc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng này sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng nếu do sự việc bất khả kháng gây ra. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng nhanh chóng gửi thông báo cho bên kia khi nhận thấy mình không thể thực hiện được nghĩa vụ do trường hợp bất khả kháng gây ra.

- Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho một trong các bên không thể biết về quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình.

ĐIỀU 9. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Sau khi Hợp đồng này đã được ký kết, không bên nào được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà không tuân theo các lý do được quy định tại Hợp đồng này hoặc theo quy định pháp luật Việt Nam. Bên nào vi phạm cam kết này sẽ chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho bên bị thiệt hại, bao gồm những chi phí phải thanh toán hoặc bồi thường thiệt hại bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của vi phạm hợp đồng này. Bên cạnh việc bồi thường thiệt hại bên vi phạm còn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng. Với mức phạt vi phạm không quá 8% tổng giá trị hợp đồng

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ một tranh chấp, khiếu nại nào phát sinh liên quan đến hợp đồng cho thuê này hoặc mọi hành vi vi phạm, việc chấm dứt trước thời hạn hợp đồng cho thuê sẽ được Bên A và Bên B giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu những tranh chấp, khiếu nại này không thể giải quyết thông qua thương lượng thì bất kỳ bên nào cũng có quyền khởi kiện bên kia tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam và quyết định của tòa án sẽ là cuối cùng và ràng buộc giữa hai bên. Mọi phí tổn do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Bên A cam kết nhà xưởng, kho bãi cho thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không có tranh chấp về quyền sử dụng, không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*không thuộc diện bị thu hồi hoặc không bị giải tỏa*). Cam kết nhà ở đảm bảo chất lượng, an toàn cho bên B và có giấy chứng nhận giấy phép xây dựng đầy đủ cũng như hợp pháp hóa các điều kiện về phòng cháy chữa cháy của nhà xưởng;

- Các thông báo, thông tin và thư từ giao dịch giữa hai Bên có thể được thực hiện bằng hình thức gửi trực tiếp, gửi thư, gửi qua email hoặc gọi điện thoại, nhắn tin theo thông tin hai Bên tại phần đầu Hợp đồng này hoặc thông tin được cung cấp hay giao dịch sau khi ký kết Hợp đồng này. Trong trường hợp một Bên có thay đổi thông tin liên lạc, Bên có thay đổi có trách nhiệm thông báo cho Bên còn lại, trường hợp không thông báo hoặc chậm trễ thông báo thì các thông báo, thông tin và thư từ giao dịch giữa hai Bên do Bên còn lại gửi đến vẫn được xem là Bên có thay đổi đã nhận được đầy đủ;

- Việc ký kết hợp đồng này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thay đổi bổ sung nội dung của hợp đồng này thì các bên thỏa thuận lập thêm phụ lục hợp đồng có chữ ký của hai bên, phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý như hợp đồng này;

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này và tạo mọi điều kiện cho nhau trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Hai bên đã đọc lại toàn bộ hợp đồng này, hoàn toàn nhất trí với các nội dung trên và cùng ký tên làm bằng chứng;

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bản gồm 07 (bảy) trang có hiệu lực như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

CHAO, MU - SHENG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG
Số: 01/PLHĐTX/TT-PPV

- Căn cứ hợp đồng thuê xưởng số: PPV 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021 giữa Công ty TNHH Thành Thái và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

- Căn cứ vào đơn giá thực tế tại thời điểm thuê và cho thuê.

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024, tại văn phòng Công ty TNHH Thành Thái đại diện hai bên gồm có:

I. BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên A)

Tên tổ chức : **CÔNG TY TNHH THÀNH THÁI**
MSDN : 2500213056
Trụ sở : Lô 660, KCN Quang Minh, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Đại diện : Ông Trịnh Văn Thành - Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0966.547.655
Số tài khoản : 2802 201 011 373, tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mê Linh.

II. BÊN THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên B)

Tên tổ chức : **CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM**
MSDN : 2500557674
Trụ sở : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Đại diện : Ông Huang, Sung - Yu Chức vụ: Giám đốc kinh doanh
Số tài khoản : 118000171565, tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Quang Minh

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất thống nhất ký kết phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021 với nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn giá thuê:

- Đơn giá thuê nhà xưởng là: **65.000 đồng/m²/tháng** (Sáu mươi lăm nghìn đồng trên một mét vuông trên một tháng)

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%.



2. Thời gian thực hiện đơn giá thuê xưởng:

- Đơn giá thuê xưởng trên được tính bắt đầu từ ngày 01/04/2024 đến hết ngày 17/05/2026.

- Trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước khi hết hạn hợp đồng thuê nhà xưởng, nếu bên B có nhu cầu thuê nhà xưởng tiếp thì hai bên tiến hành thỏa thuận giá thuê xưởng, giá mới được áp dụng theo giá thị trường của thời điểm hiện tại giữa bên thuê và bên cho thuê (Giá được áp dụng theo giá cho thuê nhà xưởng trong khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

3. Điều khoản chung:

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thuê xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021 giữa Công ty TNHH Thành Thái và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

- Toàn bộ các điều khoản còn lại không được nêu trong phụ lục hợp đồng này thì vẫn được thực hiện theo hợp đồng thuê xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021.

- Phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Thà

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG
Số: 02/2026/PLHĐTX/TT-PPV

- Căn cứ hợp đồng thuê xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021 giữa Công ty TNHH Thành Thái và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.

- Căn cứ vào đơn giá thực tế tại thời điểm thuê và cho thuê.

Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại văn phòng Công ty TNHH Thành Thái đại diện hai bên gồm có:

I. BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên A)

Tên tổ chức : **CÔNG TY TNHH THÀNH THÁI**
MSDN : 2500213056
Trụ sở : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.
Đại diện : Ông Trịnh Văn Thành - Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0966.547.655
Số tài khoản : 2802 201 011 373, tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Mê Linh
110 000 029 837, tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Phúc Yên.



II. BÊN THUÊ (Sau đây gọi tắt là Bên B)

Tên tổ chức : **CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM**
MSDN : 2500557674
Trụ sở : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đại diện : Ông Huang, Sung - Yu - Chức vụ: Giám đốc kinh doanh
Số tài khoản : 118000171565, tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Quang Minh

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất thống nhất ký kết phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021 với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời hạn hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng được gia hạn từ 17/05/2026 đến hết 30/11/2026

2. Đơn giá thuê:

- Đơn giá thuê nhà xưởng là: 85.000 đồng/m²/tháng (Tám mươi lăm nghìn đồng trên một mét vuông trên một tháng)
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%.

3. Thời gian thực hiện đơn giá thuê xưởng:

- Đơn giá thuê xưởng trên được tính bắt đầu từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 30/11/2026.
- Trong vòng 30 (Ba mươi) ngày trước khi hết hạn hợp đồng thuê nhà xưởng, nếu bên B có nhu cầu thuê nhà xưởng tiếp thì hai bên tiến hành thỏa thuận giá thuê xưởng, giá mới được áp dụng theo giá thị trường của thời điểm hiện tại giữa bên thuê và bên cho thuê (Giá được áp dụng theo giá cho thuê nhà xưởng trong khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam).

4. Điều khoản chung:

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thuê xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021 giữa Công ty TNHH Thành Thái và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam.
- Toàn bộ các điều khoản còn lại không được nêu trong phụ lục hợp đồng này thì vẫn được thực hiện theo hợp đồng thuê xưởng số: 20210515/HĐTX/TT-PPV ký ngày 15/05/2021.
- Phụ lục hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thành

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG - YU

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
“Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện điện thoại,
ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh”

Địa điểm: Thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23, Khu công nghiệp Quang Minh,
huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện, điện thoại, ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh” họp ngày 27 tháng 10 năm 2016 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện, điện thoại, ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 3012/CV-ĐTMM ngày 30/12/2016 của Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 138/TTr-STNMT-KTTV&BDKH ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện, điện thoại, ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà máy xử lý và tráng phủ kim loại linh kiện, điện thoại, ô tô xe máy và thiết bị vệ sinh” tại Thửa đất số 660, tờ bản đồ số 23, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chủ Dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

Quy mô công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm, bao gồm: Linh kiện điện thoại (230 tấn sản phẩm/năm); Linh kiện ô tô xe máy (400 tấn sản phẩm/năm); Thiết bị nhà vệ sinh (800 tấn sản phẩm/năm); Các thiết bị khác (70 tấn sản phẩm/năm).

Chỉ tiết được nêu trong hồ sơ, báo cáo đầu tư của dự án.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án: Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động của dự án;

Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp, bảo đảm hạn chế tối đa các tác động xấu đến cộng đồng khu vực Dự án trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; Đảm bảo tuân thủ các quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội;

2.2. Trong quá trình thực hiện dự án phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

2.3. Thực hiện các biện pháp giảm ô nhiễm bụi và khí thải, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2009/BTNMT về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật QCTĐHN 01:2014/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; Quyết định số 02/2005/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2005 của UBND Thành phố quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Quyết định số 241/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND Thành phố về việc sửa đổi một số nội dung quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố.

2.4. Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại và các loại chất thải khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo đúng các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm

2013 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2.5. Quản lý và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải bảo đảm các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải hiện hành trước khi thải ra môi trường; QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội; QCVN 14:2008/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.6. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường; Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị; gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để kiểm tra và giám sát.

3. Các điều kiện kèm theo :

3.1. Phối hợp với chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ và thực hiện các biện pháp giáo dục nâng cao nhận thức cho lực lượng thi công xây dựng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

3.2. Thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan và người dân khu vực Dự án biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

3.3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

3.4. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ Môi trường.

3.5. Chủ dự án phải đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ Dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Chủ tịch UBND thị trấn Chi Đông; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Thế Hùng;
- VPUBTP: PCVP Phạm Văn Chiến,
các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT (4), ĐT.

CVD: 95
MHS: 82975.ktv

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 9-39/2022/HĐKT-CCNS

Về việc cung cấp và sử dụng nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Quyết định số 39/2013/UBND ngày 19/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 16/3/2022 tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO, chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN (Bên A): CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO.

- Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

- Tài khoản : 6711.000.00.90747 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đồng Nai

- Mã số thuế : 3600257771

- Điện thoại : 02513 560.475 Fax: 02513 560477

- Đại diện : Ông Phan Công Nhân Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 03/UQ-CT ngày 01/3/2018 của Giám đốc Công ty)

II. BÊN MUA (Bên B): CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM.

- Địa chỉ : Lô 660 khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

- Tài khoản : 118000171565 tại NN TMCP CT Việt Nam. CN Quang Minh.

- Mã số thuế : 2500557674

- Điện thoại : 0978240827 Fax:

- Đại diện : Ông Huang, Sung – Yu Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung cấp, Bên B đồng ý mua nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh cho mục đích sử dụng sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

ĐIỀU 2: XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

- Toàn bộ lượng nước tiêu thụ hàng tháng của bên B được xác định theo chỉ số tại các đồng hồ đo lưu lượng nước của bên A được gắn tại điểm đầu nối nguồn cung cấp nước đã được 02 bên thống nhất.

- Vào ngày 15 hàng tháng, 02 bên cử đại diện cùng tham gia chốt chỉ số tại các đồng hồ tổng, xác lập biên bản làm căn cứ cho việc thanh toán.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá: Bao gồm đơn giá mua bán nước sạch và đơn giá thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước, trong đó:

- Đơn giá mua bán nước sạch: Được áp dụng khung giá của “Đơn vị sản xuất vật chất” theo Quyết định số 39/2013/UBND ngày 19/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội, cụ thể đơn giá áp dụng từ 01/10/2015 là: **11.615 đ/m³**.

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT và phí bảo vệ môi trường).

- Đơn giá thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước:

+ Đối với đồng hồ đo lưu lượng nước $\leq D50$ là: 100.000đ/tháng.

+ Đối với đồng hồ đo lưu lượng nước $> D50$ là: 200.000đ/tháng.

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT theo quy định hiện hành).

3.2. Điều chỉnh đơn giá:

- Đơn giá mua bán nước sạch trong Hợp đồng sẽ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

+ Theo đúng lộ trình thời gian được quy định tại Mục 3.1

+ Giá bán nước sạch trên địa bàn có sự thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trừ trường hợp điều chỉnh đơn giá theo lộ trình thời gian được quy định tại Mục 3.1, mọi trường hợp điều chỉnh đơn giá khác sẽ được bên A thông báo cho bên B bằng văn bản.

3.3. Giá trị thanh toán:

3.3.1. Tiền nước:

Công thức xác định giá trị thanh toán hàng tháng: $T_n = Q_n \times Đ_n$

Trong đó:

- T_n : Số tiền nước bên B phải thanh toán hàng tháng cho bên A.

- Q_n : Tổng khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng qua các đồng hồ đo lưu lượng được 02 bên xác nhận.

- $Đ_n$: Đơn giá 01m³ nước sạch.

3.3.2. Tiền thuê bao đồng hồ

Công thức xác định giá trị thanh toán hàng tháng: $T_{tb} = Q_{tb} \times Đ_{tb}$

Trong đó:

- T_{tb} : Tiền thuê bao đồng hồ bên B phải thanh toán hàng tháng cho bên A.
- Q_{tb} : Số lượng đồng hồ đo lưu lượng nước cấp cho bên B.
- D_{tb} : Đơn giá thuê bao đồng hồ.

3.3.3. Tổng giá trị thanh toán hàng tháng: $T = T_n + T_{tb}$

3.4. Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán toàn bộ số tiền phát sinh hàng tháng cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt, bên B thực hiện thanh toán tại: Nhà máy nước Quang Minh - Lô 8A khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
- Thời gian thanh toán: Mỗi tháng một lần, chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi bên B nhận được thông báo thanh toán tiền nước của bên A phát hành nhưng không quá ngày thứ 5 của tháng kế tiếp.

ĐIỀU 4: LƯU LƯỢNG, THỜI GIAN, ÁP LỰC VÀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

4.1. Lưu lượng cấp nước:

- Lưu lượng nước cung cấp: Theo đăng ký bằng văn bản của bên B và được sự chấp thuận của bên A.
- Trường hợp có sự thay đổi về nhu cầu sử dụng so với lưu lượng nước đã đăng ký, bên B phải có trách nhiệm đăng ký lại với bên A để bên A kịp thời có kế hoạch điều phối việc sản xuất, đảm bảo việc cấp nước được phù hợp.

4.2. Thời gian cấp nước: Cấp nước liên tục 24/24 giờ hàng ngày (kể cả ngày lễ và chủ nhật).

4.3. Áp lực cấp: Áp lực tại điểm tiếp nhận cấp nước (sau đồng hồ đo lưu lượng), theo áp lực tuyến ống cấp nước của Nhà máy nước Quang Minh.

4.4. Chất lượng nước:

- Chất lượng nước cấp đến vị trí đồng hồ đo lưu lượng mà bên A lắp đặt cho bên B được thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống.
- Chất lượng nước từ phía sau đồng hồ đo lưu lượng hoàn toàn do bên B chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 5: ĐO LƯỜNG NƯỚC

- Đồng hồ sử dụng cho việc đo lường nước phải có chứng nhận xuất xứ của nhà sản xuất.
- Đồng hồ được kẹp chì niêm phong, là tài sản của bên A và do bên A quản lý.
- Trong trường hợp Bên B nghi ngờ độ chính xác của đồng hồ (tại một thời điểm nào đó), Bên B có quyền yêu cầu kiểm tra độ chính xác của đồng hồ theo quy định hiện hành và được giải quyết theo nguyên tắc sau:

+ Nếu đồng hồ vẫn đảm bảo độ chính xác: Kinh phí kiểm định do bên B chịu.
+ Nếu đồng hồ không đảm bảo chính xác: Kinh phí kiểm định do bên A chịu.
- Trường hợp đồng hồ được xác định là không đảm bảo độ chính xác, bị sự cố hư hỏng hoặc không hoạt động, việc đo lường và xử lý khắc phục được thực hiện như sau:

+ Lượng nước tiêu thụ từ ngày chốt số gần nhất đến thời điểm phát sinh sự cố được xác định trên cơ sở lượng nước tiêu thụ bình quân/ngày của tháng liền kề trước đó, cụ thể: Lượng nước tiêu thụ = Lượng nước tiêu thụ bình quân/ngày của tháng trước x số ngày sử dụng.

+ Nếu tại thời điểm chốt số mà phát hiện đồng hồ có sự cố, lượng nước sử dụng trong tháng sẽ được xác định bằng lượng nước sử dụng của tháng liền kề trước đó.

+ Thời gian cho việc khắc phục sự cố của đồng hồ không quá 03 ngày, việc sửa chữa khắc phục sự cố do bên A thực hiện và có sự phối hợp chứng kiến của bên B. Trong thời gian khắc phục sự cố, tùy trường hợp cụ thể, bên A có thể sẽ tiếp tục cấp nước cho bên B, lượng nước tiêu thụ trong thời gian này cũng được xác định như với lượng nước tiêu thụ từ ngày chốt số gần nhất đến thời điểm phát sinh sự cố.

ĐIỀU 6: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

- Hàng tháng, Bên A có trách nhiệm phối hợp với đơn vị có chức năng tiến hành thực hiện việc xét nghiệm kiểm định chất lượng nước sạch theo quy định hiện hành, việc lấy mẫu nước được thực hiện bởi đơn vị kiểm định.

- Hàng quý, kết quả xét nghiệm được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền của Thành phố Hà Nội.

- Trường hợp bên B có nhu cầu, bên A sẽ gửi cho bên B bản sao kết quả kiểm định chất lượng nước.

- Trường hợp bên B nghi ngờ chất lượng nước, hai bên tiến hành lấy mẫu và thí nghiệm tại một đơn vị đo lường chất lượng có chức năng theo quy định. Bên nào sai phải thanh toán toàn bộ chi phí thí nghiệm và các chi phí liên quan khác.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KIỆN TẠM NGỪNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

- Xảy ra các sự cố bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, mất điện lưới, hư hỏng thiết bị đột xuất, bực vỡ đường ống do các nguyên nhân khách quan, ... mà bên A buộc phải ngừng hoạt động cung cấp nước để sửa chữa khắc phục, bên A sẽ thông báo cho bên B thời gian ngừng cung cấp và thời gian cấp nước trở lại (bằng các hình thức liên lạc khác nhau để có được sự kịp thời và chủ động của hai bên: điện thoại, fax, thư tín...).

- Không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định và các biện pháp khắc phục cần thiết đã được thực hiện nhưng vẫn không đảm bảo được chất lượng nước.

- Bên A thực hiện duy tu, bảo dưỡng hệ thống thiết bị, đường ống theo định kỳ, việc tạm ngừng cung cấp nước sẽ được bên A sẽ thông báo cho bên B trước 05 ngày làm việc để bên B có kế hoạch dự trữ nước phục vụ sản xuất liên tục.

ĐIỀU 8: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

8.1. Trách nhiệm, quyền hạn của Bên A:

- Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng và duy trì trạng thái hoạt động tốt nhất của hệ thống cấp nước cũng như chất lượng nước.

- Phát hành hoá đơn tải chính (hóa đơn điện từ) hàng tháng cho bên B.

- Trường hợp có sự cố về thiết bị bơm và đường ống do khách quan mà bên A phải tạm ngưng cung cấp nước thì bên A sẽ thông báo cho bên B thời gian ngưng cung cấp nước để xử lý khắc phục sự cố và thời gian cung cấp nước trở lại.

- Tạm ngưng cung cấp nước trong trường hợp bên B chậm thanh toán cho đến khi bên B thực hiện dứt điểm các nghĩa vụ tài chính cho bên A.

8.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Bên B:

- Sử dụng nước tiết kiệm và đúng mục đích như nêu tại Điều 1.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến Phí bảo vệ môi trường theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Sử dụng đúng mục đích và đúng mức nước đã đăng ký. Nếu mức nước sử dụng sai khác quá $\pm 10\%$ của mức nước đã đăng ký làm phải thay đường ống và phụ kiện đo đếm thì bên B phải thanh toán cho bên A toàn bộ chi phí để thay thế. Trường hợp cung cấp nước cho mục đích khác phải có sự đồng ý của bên A bằng văn bản.

- Nghiêm cấm bên B đặt máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống của bên A. Nếu bên A phát hiện bên B dùng máy bơm hút nước trực tiếp bên B phải bồi thường cho bên A toàn bộ chi phí lắp đặt đồng hồ và phụ kiện hồ ga đồng hồ.

- Không được tự ý di dời, dịch chuyển vị trí đồng hồ nước mà bên A đã lắp đặt cho bên B.

- Bên B phải có bể nước dự phòng để đảm bảo cung cấp nước trong trường hợp có sự cố của của hệ thống cấp nước hoặc trong thời gian duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đường ống của bên A.

- Không được sử dụng bất kỳ nguồn nước nào khác ngoài nguồn nước do Nhà máy nước Quang Minh cung cấp.

- Trường hợp bên B tự ý khoan và khai thác nước ngầm để phục vụ sinh hoạt, sản xuất hoặc bất cứ nhu cầu nào khác đều phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và phải thông báo cho bên A bằng văn bản trong vòng 03 ngày kể từ khi được chấp thuận.

- Trường hợp bên B tự ý khoan và khai thác nước ngầm để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất hoặc bất cứ nhu cầu nào khác mà chưa được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên B có trách nhiệm trám lấp ngay các giếng khoan trái phép của mình với sự chứng kiến của các bên liên quan, trong đó phải có sự chứng kiến của Ban quản lý khu công nghiệp Quang Minh và Nhà máy nước Quang Minh.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền nước hàng tháng theo Điều 3. Trường hợp chậm thanh toán cho bên A, số tiền chậm thanh toán phải chịu lãi suất nợ quá hạn, thời gian tối đa cho việc chậm thanh toán không quá 15 ngày, quá thời hạn này được coi là bên B đã vi phạm nghiêm trọng điều khoản của Hợp đồng. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày kết thúc hạn thanh toán theo Điều 3 cho đến khi bên B thanh toán hết nợ cho bên A. Lãi suất nợ quá hạn được áp dụng là lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng mà Bên A mở tài khoản giao dịch quy định tại thời điểm bắt đầu tính lãi.

- Phối hợp với bên A quản lý, bảo vệ và phát hiện kịp thời mọi vi phạm, sự cố liên quan đến đồng hồ đo lưu lượng nước.

ĐIỀU 9: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Trường hợp chấm dứt hợp đồng khi còn hiệu lực, 02 bên phải có sự thống nhất bằng văn bản theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản được quy định trong hợp đồng.

- Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực hợp đồng.

- Trường hợp bất khả kháng phải được 02 bên cùng chấp thuận chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hiệu lực của Hợp đồng: kể từ ngày 16/3/2022.

- Khi phát sinh tranh chấp các bên sẽ tự thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng có lợi nhưng không trái với quy định của pháp luật, nếu không tự giải quyết được sẽ được thông qua tòa án. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh ngoài các nội dung đã được quy định trong Hợp đồng, các bên sẽ thỏa thuận và

thống nhất thành Phụ lục và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, có giá trị pháp lý như Hợp đồng.

- Các cam kết tại Hợp đồng chỉ liên quan ràng buộc và chi phối bởi mục đích của Hợp đồng, không ràng buộc và chi phối các Hợp đồng khác trong sản xuất kinh doanh riêng khác của mỗi bên.

- Sự thay đổi mô hình doanh nghiệp, sở hữu doanh nghiệp của cả hai bên đều không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng. Đơn vị mới có trách nhiệm thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của bên ký hợp đồng trước đó đã bị thay đổi mô hình hoặc sở hữu doanh nghiệp.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A


GIÁM ĐỐC CÔNG TY
PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Công Nhân

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(kèm theo Hợp đồng kinh tế số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022)

Số phụ lục: 8-79/2022/HĐKT-CCNS/PL-01

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Nghị định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch của Chính phủ ban hành, được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Hợp đồng Cung cấp nước sạch Số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ký ngày 16/03/2022 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022");

Căn cứ Quyết định số 3541/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2024, tại Trụ sở Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và khu công nghiệp IDICO, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. BÊN CUNG CẤP NƯỚC (BÊN A):

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO (IDICO-URBIZ)

- Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: 0251.3560475

Fax: 0251.3560477

- Mã số thuế: 3600257771

- Tài khoản số: 671.00.90747 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Đồng Đồng Nai

- Người đại diện: **NGUYỄN ANH DŨNG** Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo giấy Ủy quyền số: 125/UQ-CT ngày 15/12/2023)

- Email xuất hóa đơn điện tử: ketoanurbiz@gmail.com

II. BÊN SỬ DỤNG NƯỚC (BÊN B):

CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

- Trụ sở: Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 097 8240827

Fax:

- Mã số thuế: 2500557674

- Số tài khoản:

- Email nhận hóa đơn điện tử:
- Người đại diện: Chức vụ:

Cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục của Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022 theo các điều khoản dưới đây:

Điều 1. Sửa đổi khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022, như sau:

“3.1. Đơn giá:

- Đơn giá nước sạch áp dụng từ ngày 16/08/2024: **16.000 đồng/m³**
- Đơn giá thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước:
- + Đối với đồng hồ có kích cỡ $\leq$ DN50 là: 90.909 VND/tháng;
- + Đối với đồng hồ có kích cỡ $>$ DN50 là: 200.000 VND/tháng.
- Các đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các khoản phí, lệ phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Sửa đổi khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022, như sau:

“3.2. Điều chỉnh đơn giá

Giá nước sạch được điều chỉnh khi có sự thay đổi giá cung cấp nước trên địa bàn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Khi có sự điều chỉnh đơn giá nước, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản và mặc nhiên đơn giá mới được hai bên thực hiện kể từ ngày đơn giá mới có hiệu lực mà không cần ký phụ lục hợp đồng.”

Điều 3. Sửa đổi khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022, như sau:

“3.4. Phương thức thanh toán:

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn tiền nước, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A theo hình thức chuyển khoản, phí chuyển khoản do Bên B chịu.

Thông tin chuyển khoản như sau:

- Tài khoản số: 671.00.90747 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Đồng Đăng Nai
- Tên tài khoản: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO”

Điều 4. Bổ sung khoản 3.5 vào Điều 3 của Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022, như sau:

“3.5 Đặt cọc

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, Bên B đặt cọc cho Bên A một khoản tiền là: **71.000.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu đồng)** trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phụ lục hợp đồng này có hiệu lực.

Tiền đặt cọc sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B hoặc khấu trừ công nợ (nếu có) khi hai bên thanh lý hợp đồng.”

Điều 5. Điều khoản chung

Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 16/08/2024.

Phụ lục hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022, và không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều khoản, điều kiện khác được quy định tại Hợp đồng số 8-79/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/03/2022, các điều khoản khác không được sửa đổi, bổ sung tại bản Phụ lục này tiếp tục có hiệu lực thực hiện đối với hai bên.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt Nam, có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Phó Giám đốc




NGUYỄN ANH DŨNG

ĐẠI DIỆN BÊN B




TRƯƠNG SUNG-YU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

(Bên Bán điện)

và

CÔNG TY TNHH PRECIOUS PTATING VIỆT NAM

(Bên Mua điện)

Số hợp đồng: 26 / 000200

M.S.D.A.

MỤC LỤC

- ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA
- ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG
- ĐIỀU 3: THOẢ THUẬN CỤ THỂ
- ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
- ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG
- ĐIỀU 6: ĐO ĐEM ĐIỆN NĂNG
- ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ
- ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
- ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN
- ĐIỀU 10: THANH TOÁN
- ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN
- ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN
- ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A
- ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B
- ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG
- ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI
- ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG
- ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
- ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG
- ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Số hợp đồng:	2	6	/	0	0	0	2	0	0
--------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hôm nay, ngày 19/03/2026 tại Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc, chúng tôi gồm:

A. BÊN BÁN ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

- Mã số thuế: 2500292749

- Đăng ký kinh doanh doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7: 2500292749 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/12/2025

- Địa chỉ trụ sở: Số 10S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

- Tài khoản: 112000034683 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh hoặc tài khoản: 4270037716 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh

- Điện thoại: 0211 2211 888

Fax: 0211 3710 509

Email:

- Đại diện là ông: **Phạm Đức Thắng**

Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Theo văn bản ủy quyền số: 68/UQ-NPC ngày 20/6/2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc)

Dưới đây gọi tắt là "**Bên A**"

Và

B. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PTATING VIỆT NAM

- Mã số thuế: 2500557674

- Đăng ký doanh nghiệp số: 2500557674 do Sở Tài chính TP Hà Nội cấp ngày 22/02/2019 (Thay đổi lần thứ 5)

- Địa chỉ trụ sở: Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài khoản: 118000171565 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Quang Minh

- Điện thoại: 0243 2007631

Fax:

Email:

- Đại diện là ông (bà): **HUANG, SUNG-YU**

Chức vụ: **Giám đốc kinh doanh**

+ Số chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/HC): 351515948 cấp ngày 21/01/2019, Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Đài Loan (Trung Quốc)

+ Theo văn bản ủy quyền số: 01/UQ-2021 ngày 15 tháng 09 năm 2021

Dưới đây gọi tắt là "**Bên B**"

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**" Các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng với những điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Trong phạm vi Hợp Đồng này (trừ khi được Các Bên thống nhất mô tả hoặc quy định khác đi), các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Biên bản theo mẫu do Bên A quy định, có nội dung ghi nhận các thông tin về kết quả treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số Công Tơ vào thời điểm treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện;

1.2 Biện Pháp Bảo Đảm là biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng nêu tại Điều 3.1;

1.3 Cơ Quan Nhà Nước là các cơ quan, chính quyền các cấp của Việt Nam hay người có thẩm quyền của các cơ quan đó, có quyền, trách nhiệm cấp các văn bản hành chính liên quan đến Hợp Đồng hoặc yêu cầu Các Bên cung cấp, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật;

1.4 Công Tơ là công tơ đo đếm, là thiết bị đo đếm điện năng thực hiện tích phân công suất theo thời gian, lưu và hiển thị giá trị điện năng đo đếm được;

1.5 Địa Điểm Sử Dụng Điện là địa điểm được Bên B đăng ký với Bên A để Bên A cấp điện và Bên B sử dụng điện theo quy định của Hợp Đồng;

1.6 Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm là giá trị của tài sản bảo đảm được Các Bên ghi nhận tại Điều 3.1.a;

1.7 Hợp Đồng là Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số: 26/000200 được ký kết giữa Các Bên và các bên phụ lục sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;

1.8 Lãi Suất Chậm Trả là mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng tại thời điểm phát sinh Nghĩa Vụ Thanh Toán, được Bên A thông báo cho Bên B khi phát sinh việc áp dụng Lãi Suất Chậm Trả theo quy định của Hợp Đồng;

1.9 Nghĩa Vụ Thanh Toán là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của Bên B đối với việc thanh toán khoản tiền phát sinh từ Hợp Đồng cho Bên A, không chỉ bao gồm tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền lãi chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm, chỉ phí tạm ngừng, ngừng, cấp điện trở lại, bổ sung Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm theo đúng quy định tại Hợp Đồng;

1.10 Pháp Luật là toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan đến hoặc điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên A và Bên B theo Hợp Đồng, bao gồm những quy định được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

1.11 Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng là quy trình được áp dụng để xử lý việc chấm dứt Hợp Đồng, được quy định tại Điều 17.2;

1.12 Thiết Bị Đo Đếm Điện là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo;

1.13 Thời Hạn là thời hạn của Hợp Đồng được xác định theo Điều 3.4.b;

1.14 Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán là hành vi của Bên B không thực hiện đầy đủ và/hoặc không thực hiện đúng Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

- 2.1 Địa điểm sử dụng điện: KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội.
- 2.2 Mục đích sử dụng điện: Sản xuất, gia công cơ khí
- 2.3 Cấp điện áp: 400V
- 2.4 Công suất, điện năng sử dụng:
- Công suất: Cực đại P_{max} : 430 kW Trung bình P_{TB} : 148 kW Nhỏ nhất P_{min} : 10kW
 - Điện năng sử dụng trung bình A_{tb} : 92.352kWh/tháng.
 - Mua công suất phản kháng: Có
- 2.5 Điểm đấu nối cấp điện: Tủ điện 400V - TBA 560kVA-22/0,4kV Công ty TNHH Thành Thái
- 2.6 Đo đếm điện năng:
- Số điểm đo: 01 điểm
- a.1. Điểm đo đếm điện năng thứ nhất:
- Mã điểm đo: NPC01_02701
 - Vị trí đo đếm: Đặt tại đầu cực hạ thế máy biến áp kVA-22/0,4kV.
 - Thông số điểm đo:

Điểm đo	Thiết bị đo đếm	Loại/ Tỷ số	Cấp chính xác	Sở hữu	Trách nhiệm quản lý
1	Công tơ	3x5(10)A	0,5	Bên A	Các bên
	Biến dòng điện (TI)	500/5A	0,5	Bên A	Các bên
	Hệ số nhân	100 lần (Một trăm lần)			

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện kèm theo Hợp Đồng.

- Vị trí xác định chất lượng điện: Trong điều kiện bình thường, được xác định tại phía thứ cấp của máy biến áp cấp điện cho Bên B hoặc tại vị trí đặt hệ thống đo.

2.7 Ghi chỉ số Công Tơ:

- Ký ghi chỉ số điện năng: Cầu cứ các quy định hiện hành và sản lượng điện tiêu thụ thực tế của Bên B. Bên A sẽ thực hiện ghi chỉ số điện năng 01 kỳ vào ngày cuối cùng của tháng, có thể ghi trước hoặc sau 01 đến 02 ngày nếu trùng với ngày nghỉ lễ hoặc có kế hoạch đột xuất
- Hình thức ghi chỉ số Công Tơ: Ghi trực tiếp hoặc ghi từ xa qua "Hệ thống quản lý đo đếm điện từ xa AMLONE". Dữ liệu công tơ được thu thập và tải lên Website: <http://mbac.amlone.vn>.

- Bên mua điện có thể đăng nhập vào Website trên với tài khoản (Lưu ý: Viết đúng chữ in hoa, in thường, dấu gạch ngang như ở dưới đây)

+ Tên tài khoản: NPC01_027

+ Mật khẩu: 123456@A

- Vào các ngày ghi chỉ số điện năng, Bên A thực hiện chốt chỉ số điện năng tại các điểm đo đếm điện năng đang thực hiện mua bán điện qua "Hệ thống quản lý đo đếm điện từ xa AMLONE" vào thời điểm lúc 08h30'. Chỉ số chốt này sẽ được lưu lại trên hệ thống. Bên B có thể truy cập vào Website với tài khoản đăng nhập như ở trên để kiểm tra, giám sát chỉ số điện năng của các điểm đo đếm.

- Trường hợp, lỗi hệ thống hoặc lỗi đường truyền dẫn tới việc không chốt chỉ số được vào lúc 08h30' thì Bên A sẽ chốt chỉ số vào thời điểm khác gần thời điểm chốt lúc 8h30' nhất có thể, ưu tiên lấy sau thời điểm chốt.

2.8 Giá bán điện: Áp dụng từ ngày 10/5/2025 theo Quyết định số: 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công thương, biểu giá điện cụ thể sau:

Mục đích sử dụng điện	Mã điểm đo	Cấp điện áp đặt đo đếm	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế VAT (đ/kWh)		
				Giờ BT	Giờ CB	Giờ TD
1- Sản xuất	NPC01_02701	Dưới 6kV	100%	1.987	3.640	1.300

Từ thứ 2 đến thứ 7: Giờ bình thường (BT): (4h+9h30'; 11h30+17h; 20h+22h), Giờ cao điểm (CB): (9h30'+11h30'; 17h+20h) Giờ thấp điểm (TD): (22h + 4h ngày hôm sau)

Ngày chủ nhật không có giờ cao điểm; Giờ bình thường: (4h+22h); Giờ thấp điểm: (22h-04h sáng hôm sau).

- Các biên bản xác định tỷ lệ % điện năng hoặc lượng điện năng theo đối tượng áp dụng giá bán điện được lưu kèm theo hợp đồng này.

2.9 Ranh giới sở hữu tài sản: Phần công trình điện kể từ điểm đầu nối về đến nơi sử dụng điện là tài sản của bên B.

2.10 Ranh giới quản lý vận hành: Bên A và Bên B tự chịu trách nhiệm quản lý an toàn phần công trình điện thuộc sở hữu tài sản của mình đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của Pháp luật. Trường hợp có thỏa thuận khác về quản lý vận hành công trình điện, hai bên sẽ thống nhất nội dung và ký kết hợp đồng riêng.

ĐIỀU 3: THỎA THUẬN CỤ THỂ

3.1 Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng: Có

3.1.1. Bên mua điện là đơn vị thuê nhà xưởng của đơn vị khác do vậy bên mua điện đồng ý thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

3.1.2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện:

Căn cứ vào sản lượng điện tiêu thụ thực tế của bên mua điện, hai bên tính toán và thống nhất giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện tương đương 1 kỳ ghi chỉ số với số tiền: **230.000.000đ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng)**. Trong đó:

+ Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng chuyển tiếp từ hợp đồng mua bán điện số 24/000200 ký ngày 21/03/2024: 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng)

+ Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bổ sung: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)

3.1.3. Hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng: Đến hết ngày 22/02/2031 (Thời hạn của hợp đồng + 01 tháng).

3.1.4. Hình thức thực hiện: Đặt cọc tiền mặt (Chuyển khoản vào tài khoản của Bên Bán điện) hoặc Thư bảo lãnh của Ngân hàng.

Tiền đặt cọc hay Thư bảo lãnh đảm bảo thực hiện hợp đồng là không hủy ngang và Bên mua điện phải duy trì bảo đảm thực hiện hợp đồng trong suốt thời hạn như quy định tại khoản 3.1.3 với giá trị như quy định tại khoản 3.1.2.

3.2 Thanh toán:

a. Quy định này áp dụng đối với mọi khoản thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng.

b. Thời hạn thanh toán: 03 ngày (ba ngày) kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu theo hình thức được quy định tại Điều 3.3.

c. Phương thức thanh toán: ☒ Chuyển khoản; ☒ Tiền mặt; ☒ Hình thức khác phù hợp với quy định hiện hành.

- Thông tin tài khoản:

+ Tài khoản: 112000034683 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh hoặc tài khoản số: 4270037716 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh.

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc.

- Địa chỉ nộp tiền mặt: P303 tòa nhà Licogi 18.6, km9 đường Võ Văn Kiệt, Xã Quang Minh, TP Hà Nội.

3.3 Hình thức thông báo

a. Thanh toán tiền điện, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng: Bằng một trong các hình thức: Văn bản, tin nhắn, email, website.

b. Tạm ngừng, giám cung cấp điện: Bằng một trong các hình thức: Văn bản, điện thoại, tin nhắn tổng đài Brandname, ứng dụng Zalo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác

c. Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp đồng:

☐ Số ĐT nhận tin nhắn : ☐ Email :

☒ Hình thức khác: Điện thoại, Văn bản, tin nhắn, email, ứng dụng Zalo

d. Địa chỉ nhận thông báo, văn bản:

- Bên A:

+ Trụ sở: Số 10S1-KĐT Hà Tiên - Phường Vĩnh Phúc - Tỉnh Phú Thọ

+ Trục QLVH lưới điện KCN Quang Minh: P303 tòa nhà Licogi 18.6, km9 đường Võ Văn Kiệt, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Hà Nội

+ Số điện thoại trực QLVH: 02112211888/02422452888

- Bên B:

+ Địa chỉ nhận thông báo: Tại địa điểm sử dụng điện. Nếu là địa chỉ khác thì Bên B thông báo để các bên thống nhất.

+ Thông tin người nhận thông báo qua điện thoại, tin nhắn tổng đài Brandname, ứng dụng Zalo, Email, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng:

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	SĐT di động	Email
1	Nguyễn Huy Vinh	TP Nhân sự	0978 240 827	
2	Hoàng Thị Thắc	Nhân viên	0986865138	

Khi thay đổi thông tin người, số điện thoại nhận thông báo, Bên B phải thông báo trước 05 ngày để Bên A cập nhật lại cho kịp thời.

Bên A có trách nhiệm liên hệ với Bên B theo thông tin ở trên. Trong trường hợp Bên A liên hệ nhưng không thành mà do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

e. Tra cứu, tải về thông báo thanh toán tiền điện, bảng kê chi tiết và hóa đơn điện từ:

Bên B có thể tra cứu, tải thông báo thanh toán tiền điện lần 1 và bảng kê chi tiết được Bên A đăng tải trên Website: <http://tracuuhd.dienluemienbac.vn> vào các ngày ghi chỉ số điện năng.

Sau khi thanh toán tiền điện phát sinh của kỳ ghi chỉ số, Bên B có thể tra cứu và tải về hóa đơn điện tử tại Website: <http://tracuuhd.dienlucmienbac.vn>

Tài khoản đăng nhập như sau:

- Tên đăng nhập: <Mã KH> (Mã KH đang được thể hiện trên bảng kê chi tiết hóa đơn tiền điện)

- Mật khẩu: <Mã KH>

(Lưu ý: Viết đúng chữ in hoa, in thường, dấu gạch ngang)

3.4 Hiệu lực và thời hạn Hợp Đồng:

a. Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày: 19/03/2026

b. Hợp Đồng có Thời hạn: Kể từ ngày 19/03/2026 đến ngày 22/01/2031

3.5 Các thỏa thuận cụ thể khác:

- Trường hợp có thay đổi lịch ghi chỉ số, Bên A có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B về ngày thực hiện việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ. Việc thông báo được thực hiện theo quy định.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán điện này khi bên B không còn quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với địa điểm mua điện nêu tại Hợp đồng này.

- Trường hợp có tranh chấp về địa điểm sử dụng điện/chủ sở hữu địa điểm sử dụng điện không đồng ý bằng văn bản cho Bên B được ký HDMBD, Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Khi có sự thay đổi về thông tin chủ thể hợp đồng mua bán điện, Bên B phải thông báo cho bên A trước 15 ngày để hai bên cùng nhau thực hiện thanh lý hợp đồng cũ và ký lại hợp đồng mua bán điện mới.

- Bên B sử dụng đúng công suất như đã đăng ký tại ghi tại khoản 2.4 Điều 2 của hợp đồng. Nếu Bên B có sự thay đổi công suất sử dụng điện thì bên B phải gửi thông báo cho Bên A biết và đồng thời phải đăng ký lại biểu đồ đăng ký công suất sử dụng điện trong ngày trước 30 ngày.

- Trước ngày 30/11 hàng năm, Bên B phải gửi cho Bên A biểu đồ đăng ký công suất dự kiến sử dụng trong ngày của năm kế tiếp.

- Khi có yêu cầu về tiết giảm công suất do thiếu nguồn điện thì Bên B phải thực hiện việc tiết giảm theo các mức tiết giảm công suất mà Bên A yêu cầu để đảm bảo an toàn vận hành của Hệ thống điện.

- Bên B cần trang bị nguồn điện dự phòng để tự cấp điện trong trường hợp lưới điện bị sự cố gây mất điện đột xuất hoặc dao động điện áp.

- Trường hợp hệ thống đo đếm điện năng bị sự cố thì căn cứ vào tình hình thực tế, hai bên cùng nhau xem xét tính toán truy thu điện năng. Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A số tiền điện truy thu.

+ Trường hợp hệ thống đo đếm điện năng bị mất hoặc hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải:

- Bồi thường phần tiền điện sử dụng trong thời gian hệ thống đếm điện bị mất hoặc hư hỏng.

- Bồi thường phần giá trị (kể cả tiền công) để Bên A khôi phục lại hệ thống đo đếm điện.
- Thực hiện các bồi thường khác theo quy định của pháp luật.
- Khi Bên B làm việc hoặc thao tác đóng cắt điện ở điện áp 22kV thì Bên B phải đăng ký với Bên A theo quy định an toàn điện và quy trình thao tác hệ thống điện. Trong trường hợp Bên B không thực hiện thì được coi là vi phạm hợp đồng mua bán điện. Nếu để xảy ra mất an toàn, sự cố lưới điện thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các đơn vị liên quan.
- Nếu Bên B sử dụng công suất trung bình nhỏ hơn 60% công suất định mức của máy biến áp thì trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo, Bên B phải có trách nhiệm thay máy biến áp có công suất phù hợp với công suất sử dụng.
- Do kết cấu nguồn và lưới điện nên điện áp thực tế trong điều kiện bình thường sẽ dao động từ (+5; -10%)Udm. Trong điều kiện sự cố hệ thống điện, điện áp dao động ngoài giới hạn trên, Bên B cần báo cho Bên A biết để hai bên tìm giải pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất để đảm bảo chất lượng điện cung cấp như đã thỏa thuận ở hợp đồng này.
- Bên B không tự ý thay đổi phương thức cấp điện giữa các điểm đo đếm điện, không tự ý cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện khác qua công trình điện của mình mà không được sự cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc thoả thuận đồng ý bằng văn bản của bên A.
- Bên B có trách nhiệm bảo vệ sự nguyên vẹn của hệ thống đo đếm điện. Trường hợp công tơ điện bị mất phải bồi thường.
- Trong mọi trường hợp sự cố lưới điện gây gián đoạn cung cấp điện hoặc dao động điện áp (được bên bán điện xác định do lỗi khách quan hoặc sự cố bất khả kháng) ảnh hưởng đến sản xuất của Bên B thì được coi là rủi ro trong sản xuất/kinh doanh dịch vụ. Các Bên không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhau. Việc này phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam về bồi thường thiệt hại.
- Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động mua bán điện giữa hai bên không nêu trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

5.1 Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c của Hợp Đồng.

5.2 Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định của Hợp Đồng. Thông báo của Bên A về giá trị khoản tiền mua công suất phản kháng và hoá đơn mua công suất phản kháng cho Bên B sẽ được gửi cùng với thông báo thanh toán lần đầu theo quy định tại Điều 3.2.

5.3 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng mua công suất phản kháng và/hoặc (ii) điều chỉnh việc mua công suất phản kháng khi có thay đổi. Bên A thông báo cho Bên B việc chấp thuận các nội dung thỏa thuận và phương án xử lý trên cơ sở thông báo của Bên B. Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

6.1 Hoạt động đo đếm điện năng được Các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Điện năng sử dụng được xác định thông qua chỉ số Công Tơ và hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện. Hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện được thống nhất và ghi nhận tại Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện.

6.2 Khi treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm ghi nhận đầy đủ kết quả và các thông tin cần thiết vào Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện phải có chữ ký của đại diện Các Bên khi hoàn thành công tác treo tháo. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện được đính kèm Hợp Đồng này. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ Thiết Bị Đo Đếm Điện trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện Thiết Bị Đo Đếm Điện bị mất hoặc hư hỏng, Các Bên lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của Các Bên có liên quan trong việc sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường.

6.3 Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Công Tơ. Bên B phải được sự đồng ý của Bên A khi có nhu cầu di chuyển Công Tơ sang vị trí khác và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình di chuyển.

6.4 Khi thay đổi Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số Công Tơ.

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ

Căn cứ theo quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất ghi nhận ngày ghi, số ký ghi và hình thức ghi chỉ số Công Tơ tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Trường hợp ngày, số ký ghi chỉ số Công Tơ và hình thức ghi chỉ số Công Tơ thay đổi so với quy định tại Điều 2.7 Hợp Đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước 05 ngày kể từ ngày có sự thay đổi theo hình thức thông báo được quy định tại Điều 3.3. Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

8.1 Phạm vi bảo đảm: Các Bên thống nhất rằng Bên B xác lập Biện Pháp Bảo Đảm với phạm vi bảo đảm là toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán.

8.2 Việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thống nhất áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Các Bên căn cứ vào thỏa thuận về Thời Hạn tại Điều 3.4.b, Điều 19 và các quy định tại Điều này để xác định và ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng tại Điều 3.1.

8.3 Trong trường hợp Bên B không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng tại khoản 3.1 - Điều 3 thì Hợp Đồng sẽ không có hiệu lực.

8.4 Giá trị Tài Sản Bảo Đảm sẽ được Các Bên thống nhất điều chỉnh mỗi năm 01 (một) lần căn cứ vào sản lượng điện mua bán thực tế của năm trước liền kề. Các Bên điều

chính và thông báo cho nhau về Giá trị Tài Sản Bảo Đám mỗi năm sau khi điều chỉnh để thực hiện theo quy định của Hợp Đồng.

8.5 Thời hạn bảo đảm:

Biện Pháp Bảo Đám được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 30 (ba mươi) ngày.

8.6 Xử lý tài sản bảo đảm:

a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.6, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:

(i) Đối với Biện Pháp Bảo Đám là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).

Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cho Bên A;

(ii) Đối với Biện Pháp Bảo Đám là đặt cọc bằng tiền: ngay lập tức khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền đặt cọc của Bên B cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;

b. Khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm mà theo Điều 8.7 này được thanh toán cho Bên A thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp Đồng được gọi là Khoản Khấu Trừ.

c. Quyền, nghĩa vụ của Các Bên sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo Điều này sẽ được thực hiện theo Điều 10 của Hợp Đồng. Các Bên đồng ý rằng việc khấu trừ Khoản Khấu Trừ theo Điều này không đồng nghĩa với việc Bên B không bị coi là Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán, và vẫn phải chịu trách nhiệm với khoản phạt vi phạm theo Điều 10.

8.7 Bên A có quyền ngừng cấp điện nếu Bên B không duy trì Biện Pháp Bảo Đám trong thời hạn bảo đảm hoặc ngừng cấp điện do Bên B không bổ sung Khoản Khấu Trừ theo quy định tại Điều 10.4.

8.8 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Điều này, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng thực hiện Biện Pháp Bảo Đám và/hoặc (ii) điều chỉnh Giá trị Tài Sản Bảo Đám. Bên A thông báo cho Bên B về việc chấp thuận các nội dung thỏa thuận theo Điều này và phương án xử lý/thay đổi Giá trị Tài Sản Bảo Đám.

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

9.1 Giá điện thực hiện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước về mức giá điện. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên B theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng, Các Bên ghi nhận việc áp dụng mức giá điện tương ứng tại Điều 2.8 của Hợp Đồng.

9.2 Trong trường hợp Bên B có nhiều hơn một mục đích sử dụng điện, Các Bên thỏa thuận về tỷ lệ mục đích sử dụng điện cho mỗi loại mục đích.

9.3 Trong quá trình sử dụng điện, nếu Bên B có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng điện hoặc mức sử dụng điện của từng mục đích dẫn đến việc thay đổi giá điện quy định tại Điều 2.8, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước 10 (mười) ngày kể từ thời điểm hoạt động sử dụng điện của Bên B có sự thay đổi trên thực tế. Bên A xác định và thông báo áp dụng mức giá điện mới cho Bên B.

9.4 Trong trường hợp mức giá điện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước có sự thay đổi thì mức giá điện mới ngay lập tức được áp dụng kể từ thời điểm quy định mới của Cơ Quan Nhà Nước có hiệu lực.

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

10.1 Hóa đơn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng được lập theo chu kỳ ghi chỉ số Công Tơ quy định tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Bên A thông báo cho Bên B về việc thanh toán tiền điện tương ứng với số lần ghi chỉ số Công Tơ theo hình thức thông báo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.

10.2 Việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán sẽ bằng đồng Việt Nam.

10.3 Hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán được Các Bên thỏa thuận và ghi tại Điều 3.2 của Hợp Đồng.

10.4 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền điện, tiền mua công suất phản kháng ghi trong hóa đơn được Bên A phát hành trong thời hạn ghi nhận tại Điều 3.2. Trường hợp Bên B có Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Điều 10.4 này thì:

a. Trường hợp Bên B thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán khi phát sinh vi phạm và thực hiện theo quy định tại Điều 8.7 của Hợp Đồng.

(ii) Nếu Khoản Khấu Trừ đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm.

(iii) Nếu Khoản Khấu Trừ không đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm;
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền chênh lệch giữa giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm và Khoản Khấu Trừ (sau đây được gọi là Khoản Còn Thiếu) và tiền lãi chậm trả đối với Khoản Còn Thiếu;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng Khoản Còn Thiếu nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c và 11.1.a.

(iv) Tới ngày thứ 9 (chín) trong thời hạn quy định tại Điều 10.4.a.(ii) và Điều

10.4.a.(iii), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;

- Thời điểm ngừng cấp điện. Thời điểm ngừng cấp điện phải là thời điểm thỏa mãn:

(i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ

Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, bao gồm cả các khoản sau:

- Khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;

- Khoản tiền lãi chậm trả đối với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c. và Điều 11.1.a.

(ii) Tới ngày thứ 9 (Chín) trong thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A thông báo về việc ngừng cấp điện cho Bên B. Nội dung thông báo ngừng cấp điện thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10.4.a.(v).

c. Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện theo nội dung thông báo ngừng cấp điện gửi cho Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào của Bên B và các bên liên quan do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B đã hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này.

10.5 Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận về việc thanh toán trước tiền điện, trong trường hợp Bên B thanh toán tiền điện thừa cho Bên A, Bên B có thể yêu cầu Bên A hoàn trả hoặc chuyển tiền điện thừa cho các kỳ thanh toán kế tiếp.

ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN

11.1 Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

a. Theo quy định tại Điều 10.4 và các quy định khác của Hợp Đồng;

b. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực hoặc quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.

c. Bên A được quyền ngừng cấp điện theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Thủ đô ngày 28/6/2024 để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

11.2 Khi các sự kiện theo Điều 11.1 phát sinh trên thực tế, Bên A thực hiện quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

12.1 Có đủ năng lực và chức năng theo quy định của Pháp Luật để ký kết và thực hiện Hợp Đồng.

12.2 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực, tự nguyện và không bị cưỡng ép, đe dọa bởi bất cứ chủ thể nào.

12.3 Các thông tin được Các Bên cung cấp phục vụ cho việc ký kết Hợp Đồng và được ghi nhận tại Hợp Đồng này là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, đúng sự thật.

12.4 Các Bên đã đọc, đã hiểu các quy định của Hợp Đồng và các quy định của Pháp Luật có liên quan. Các Bên xác nhận Hợp Đồng có hiệu lực ràng buộc và khả năng thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

13.1 Quyền của Bên A:

- a. Yêu cầu Bên B thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán đầy đủ và đúng hạn;
- b. Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số Công Tơ và liên hệ với Bên B theo quy định của Pháp Luật;
- c. Được tạm ngừng, ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- d. Được Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan và phục vụ cho việc thực hiện Hợp Đồng;
- e. Được thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng;
- f. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17;
- g. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

13.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Cung cấp điện năng bảo đảm chất lượng điện năng và chất lượng dịch vụ khách hàng theo Điều 4 của Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của Cơ quan Điều tiết Điện lực hoặc các trường hợp theo quy định của Pháp Luật;
- b. Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện sau 02 (hai) giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên B về sự cố lưới điện Bên A quản lý; trường hợp không thực hiện được việc xử lý sự cố trong thời hạn nêu trên thì phải thông báo cho Bên B nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;
- c. Cấp điện trở lại sau khi Bên B đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Điều 10;

- d. Giải toà bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biện Pháp Bảo Đảm (nếu có) cho Bên B khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Dếm Điện theo quy định của Pháp Luật;
- f. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các khiếu nại của Bên B liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ điện theo quy định tại Hợp Đồng;
- g. Kiểm tra lại tiền điện theo yêu cầu của Bên B tại Điều 14.1.e;
- h. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình kí kết, thực hiện Hợp Đồng;
- i. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

14.1 Quyền của Bên B:

- a. Yêu cầu người của Bên A khi thực hiện quyền theo quy định tại Điều 13.1.a phải xuất trình thẻ Kiểm tra viên điện lực hoặc thẻ cán bộ nhân viên hoặc văn bản, tài liệu khác theo quy định của Pháp Luật.
- b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c. Yêu cầu Bên A cấp điện trở lại sau khi đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- d. Yêu cầu Bên A giải toà bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biện Pháp Bảo Đảm (nếu có) khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- e. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Dếm Điện, số tiền điện phải thanh toán theo quy định của Pháp Luật;
- f. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

14.2 Nghĩa vụ của Bên B:

- a. Sử dụng điện năng đúng mục đích và định mức đã thỏa thuận tại Hợp Đồng;
- b. Thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định của Hợp Đồng;
- c. Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên A trong các trường hợp Bên A ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- d. Thông báo cho Bên A chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày trước thời điểm tạm ngừng sử dụng điện năng khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện;
- e. Thông báo ngay lập tức cho Bên A (i) về việc Bên B không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; (ii) khi có các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; và (iii) khi Bên B bị thu hồi giấy phép, chấm dứt hoạt động, ra quyết định giải thể, chuyển nhượng dự án/tài sản có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc tuyên bố phá sản;
- f. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;
- g. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng, ghi chỉ số Công Tơ và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng;

- h. Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện; thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của Đơn vị Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia theo quy định của Pháp Luật;
- i. Không được chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng cho bất kỳ chủ thể nào khác nếu không thông báo và được Bên A chấp thuận;
- j. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình kí kết, thực hiện Hợp Đồng;
- k. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật.

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

15.1 Các hành vi vi phạm của Bên A bao gồm:

- a. Trì hoãn việc cấp điện theo Hợp Đồng, trừ trường hợp nguyên nhân của việc trì hoãn là do lỗi của Bên B;
- b. Không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp Đồng;
- c. Trì hoãn hoặc không bồi thường cho Bên B theo Điều 16;
- d. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.2 Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

- a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;
- b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;
- c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;
- d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;
- e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;
- g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;
- h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện;
- i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;
- j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.3 Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

16.1 Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm khi có những hành vi vi phạm Hợp Đồng. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

16.2 Khi có bất cứ hành vi vi phạm nghĩa vụ nào, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.3 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.4 Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

(i) Đối với khoản tiền phạt vi phạm phát sinh theo Điều 10.4: Nếu Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn được nêu tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) hoặc thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

(ii) Đối với các khoản tiền phạt vi phạm khác phát sinh từ việc Bên B vi phạm Hợp Đồng: Bên B phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên A về nghĩa vụ phạt vi phạm của Bên B. Quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm, Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

b. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

Bên B có Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Bên A khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Trường hợp Bên B chậm thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại, Bên vi phạm sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả trên khoản tiền bồi thường thiệt hại cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

c. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền phạt vi phạm do Bên A vi phạm Hợp Đồng:

(i) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm của Bên A đối với Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường và tiền phạt mà hai Bên đã thống nhất trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chính thức của Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên A chưa thanh toán đủ thì Bên B có quyền chậm thanh toán tiền điện với giá trị không quá khoản tiền Bên A chậm thanh toán cho đến khi Bên A thanh toán và Bên B không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào do chậm thanh toán tiền điện trong phạm vi Điều này.

(ii) Nếu Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại, khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn nêu tại Điều 16.4.c.(i), Bên B phải thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán Nghĩa Vụ Thanh Toán bình thường theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Hợp Đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

a. Kết thúc Thời Hạn mà Các Bên không thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng hoặc Bên B không có phản hồi theo Điều 19.4.

b. Các Bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn.

c. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn khi Bên A có

hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên A về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng.

d. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn trong các trường hợp dưới đây:

- (i) Bên B có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3;
- (ii) Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị giải thể, chuyển nhượng tài sản/dự án có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện, mất khả năng thanh toán, bị phá sản hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật; là cá nhân mất tích, chết không có người thay thế hợp pháp. Bên A có quyền thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát sinh các sự kiện theo quy định này.

17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại Điều 17.1, Bên A tiến hành:

- (i) Gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng.
- (ii) Ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.
- (iii) Xác định chỉ số Công Tơ, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.
- (iv) Các Bên tiến hành hoàn tất toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.
- (v) Xử lý tài sản bảo đảm: Các Bên tổng kết về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày chấm dứt thời hạn bảo đảm, ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B. Ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B có thể là ngày sau khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng:

- (i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, các Bên thống nhất Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt và không phải ký Biên bản chấm dứt Hợp đồng.
- (ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lý do, Bên A có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc quy trình theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau tiến hành thương lượng để tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp tối ưu. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà Các Bên không đạt được thỏa thuận, một trong Các Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

19.1 Hiệu lực của Hợp Đồng

a. Hiệu lực của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận. Trong trường hợp Các Bên thỏa thuận lựa chọn việc áp dụng bảo đảm thực hiện Hợp Đồng tại Điều 3.1, ngày có hiệu lực của Hợp Đồng được xác định là (i) Ngày Xác Nhận Bảo Đảm theo Điều 3.1.c hoặc (ii) ngày nghiệm thu đóng điện, phụ thuộc vào thời điểm nào xảy ra sớm hơn.

b. Căn cứ theo Điều 19.1.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận ngày có hiệu lực của Hợp Đồng tại Điều 3.4.a.

19.2 Thời Hạn của Hợp Đồng:

a. Thời Hạn của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận nhưng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện.

Việc xác định quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Bên B đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện căn cứ vào các tài liệu được Bên B chủ động cung cấp hoặc theo yêu cầu của Bên A. Các tài liệu này sẽ được đính kèm Hợp Đồng.

b. Căn cứ theo Điều 19.2.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận Thời Hạn của Hợp Đồng tại Điều 3.4.b.

19.3 Thời Hạn có thể được điều chỉnh hoặc gia hạn theo thỏa thuận giữa Các Bên và phải được quy định thành phụ lục đính kèm Hợp Đồng.

19.4 Bên A thông báo trước cho Bên B về việc hết Thời Hạn ít nhất 10 ngày trước ngày Hợp Đồng này hết hiệu lực để Các Bên tiến hành việc thỏa thuận gia hạn, ký lại Hợp Đồng mới hoặc chấm dứt Hợp Đồng. Bên B phản hồi lại về việc gia hạn, ký lại Hợp Đồng mới hoặc chấm dứt Hợp Đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Bên A thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết Thời Hạn nếu không nhận được phản hồi từ Bên B.

19.5 Đối với trường hợp tại Điều 19.4, Các Bên thống nhất về việc gia hạn Hợp Đồng:

a. Các Bên hoàn thành việc ký phụ lục gia hạn Hợp Đồng hoặc ký hợp đồng mua bán điện mới trước ngày Hợp Đồng hết hiệu lực;

b. Đối với trường hợp có áp dụng Biện Pháp Bảo Đảm, Các Bên có nghĩa vụ hoàn tất việc gia hạn đối với thời hạn bảo đảm của Biện Pháp Bảo Đảm hoặc hoàn tất việc áp dụng biện pháp bảo đảm mới, bảo đảm phù hợp với hiệu lực của Hợp Đồng và Thời Hạn gia hạn hoặc phù hợp với hiệu lực và thời hạn của hợp đồng mua bán điện mới theo quy định của Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Các Bên căn cứ Thời Hạn gia hạn, thời

hạn của hợp đồng mua bán điện mới, sản lượng điện xác định theo quy định tại Điều 8.3 đối với từng trường hợp để xác định Giá trị Tài Sản Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng cho Thời Hạn gia hạn hoặc giá trị tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện mới.

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

20.1 Thông báo và liên lạc

a. Một thông báo được đưa ra theo Hợp Đồng này phải bằng văn bản và gửi cho người nhận là cá nhân, tổ chức có liên quan đến địa chỉ được quy định tại Điều 3.3.b (hoặc địa chỉ hoặc người nhận khác theo thông báo của mỗi Bên cho Bên còn lại trong từng trường hợp) bằng các hình thức tại Điều 3.3.c.

b. Căn cứ theo quy định này, Các Bên thỏa thuận và ghi nhận các nội dung quy định về hình thức thông báo và địa chỉ gửi thông báo tại Điều 3.3.

20.2 Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được thực hiện bằng cách ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hoặc theo thông báo của Bên A.

20.3 Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

20.4 Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

20.5 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

20.6 Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quang Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2026

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN
RÁC THẢI SINH HOẠT**
Số: 067/2026/HĐVSMT/QM

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số: 436/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Quang Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 4: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 ÷ 2028 (03 năm) thuộc dịch vụ sự nghiệp công; Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 - 2028 (03 năm).
- Căn cứ Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 – 2027.
- Chức năng nhiệm vụ nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên,

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2026, tại Công ty cổ phần công trình đô thị Long Biên, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

- Người đại diện: **HUANG, SUNG - YU** - Chức vụ: Giám Đốc Kinh Doanh
- Địa chỉ: Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Mã số thuế: 2500557674

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ LONG BIÊN

- Người đại diện là: Ông *Nguyễn Tiến Dũng* - Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 90, Phố Kê Tạnh, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.8756817 Fax: 043.8756817
- Mã số thuế: 0104267103
- Số tài khoản: 22 222 238 222
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Nội dung công việc

- Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt do Bên A là chủ nguồn thải.

- Đối tượng hợp đồng không bao gồm: chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

1.2. Phương thức thực hiện:

- Bên A trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.

- Bên A phân loại rác thải sinh hoạt đảm bảo không lẫn các loại như: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

- Bên B sử dụng phương tiện thu gom rác theo phương án cơ giới hóa thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn xã Quang Minh đã được phê duyệt tiếp nhận rác từ các dụng cụ lưu chứa rác của Bên A để vận chuyển.

- Tần suất thực hiện: 02 lần/ tuần

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026

- Địa điểm thực hiện tại Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐIỀU 3. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

3.2 Giá trị hợp đồng: Đơn giá : 1.175 đồng/kg (theo Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội, giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

TT	Nội dung	Thành tiền (đồng)
1	Giá trị hợp đồng/tháng	2.000.000
2	Giá trị hợp đồng/ năm	24.000.000

(Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT, thuế xuất sẽ theo từng thời điểm do nhà nước quy định)

3.3 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B: hàng Quý(3 tháng 1 lần)
- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A chưa thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá hạn là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.
- Chứng từ thanh toán: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản. Bên A chịu mọi loại chi phí chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hằng ngày của đơn vị duy trì.
- Hằng ngày có trách nhiệm đổ rác thải sinh hoạt lên phương tiện thu gom của đơn vị duy trì hoặc đưa rác ra các điểm tập kết rác theo quy định, tự bảo quản và vệ sinh dụng cụ lưu chứa rác.
- Bổ sung giá trị hợp đồng khi có khối lượng phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời gian cho Bên B như đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng này.
- Phối hợp với Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Được thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở giá trị đã được các bên thống nhất.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC BÊN

- Từ chối không thu gom, vận chuyển nếu phát hiện rác thải sinh hoạt lẫn các loại: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không nộp tiền hoặc chậm thanh toán theo điều 3 của hợp đồng, không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

- Xuất đầy đủ hóa đơn, chứng từ làm cơ sở thanh toán- Phối hợp với Bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Bố trí lao động, phương tiện thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng phương án cơ giới hóa công tác thu gom, vận chuyển rác đã được phê duyệt hoặc từ điểm tập kết theo quy định về bãi xử lý.

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi xử lý.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng/giảm khi UBND Thành Phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá, bất kỳ sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.

- Sau khi hết thời hạn hợp đồng nếu 2 bên không có văn bản gì bổ sung thì hợp đồng tự động gia hạn thêm 01 năm nữa.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở để triển khai thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG - YU**



**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Dũng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 85 /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY TNHH PRECIUOS PLATING VIỆT NAM
(Bên sử dụng dịch vụ)

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số: .85/2018/HĐ-XLNT

* Căn cứ vào:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : 0978240827- Fax:

Mã số thuế: 2500557674

Số tài khoản: 118000171565

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Minh

Đại diện PL: Ông CHAO MU SHENG -- Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

* Do vì:

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.

- Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.

- Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.

Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.

1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI:

2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.

- Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.

3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt mức nước giá trị C Cột B theo QCVN 40: 2011/BTNMT (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

4.2 Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

4.3 Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.

4.4 Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước

thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

*** Đơn giá dịch vụ XLNT: 12.000VNĐ/m³**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông

báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 24.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là "Người Của Bên B") liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "Hối Lộ"), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là "Người Của Bên A") hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là "Gian Lận").

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập và thay thế cho Hợp đồng số 188/2016/HĐ-XLNT ký ngày 15/06/2016.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



**TỔNG GIÁM ĐỐC
CHAO, MU - SHENG**

2438
GTY
MƯỜI
TƯ VÀ
V HAT
ĐỨC
TP X

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC I

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM
TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ TRỊ C CỘT B QCVN 40: 2011/BTNMT)**
"Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số /2018/HĐ-XLNT"

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chi	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	4	6

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 04

Đính kèm Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 85/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018
V/v gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải Số 85/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng");
- Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu của các Bên.

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0978240827

Mã số thuế: 2500557674

Số tài khoản: 118000171565

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Minh

Đại diện: Ông CHAO MU SHENG

- Chức vụ: Tổng giám đốc

Hôm nay, ngày 15/12/2023, các Bên trên đây cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung Phụ lục.

1. Hai bên đồng ý gia hạn thời hạn của Hợp đồng tại Điều 8: Gia hạn thời hạn của Hợp đồng kể từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2027 (Ngày hết hạn).

2. Điều chỉnh đơn giá dịch vụ Xử lý nước thải tại Điều 6.1 của Hợp đồng:

Kể từ kỳ nước tháng 1/2024 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 14.300 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

Kể từ kỳ nước tháng 1/2026 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 15.500 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 31.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

Điều 2. Điều khoản chung

1. Phụ lục 04 này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng.
2. Ngoài nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Phụ Lục 04, các nội dung khác của Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có) vẫn giữ nguyên hiệu lực áp dụng. Trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa Phụ Lục 04 với Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có), thì nội dung của Phụ Lục 04 được ưu tiên áp dụng.
3. Phụ lục này được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.

Dại diện Bên A



Nguyễn Khắc Sơn

Dại diện Bên B



**TỔNG GIÁM ĐỐC
CHAO, MU - SHENG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97.22/SC - CTPPVN

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.
- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường
- Căn cứ đề nghị của Công Ty TNHH Precious Plating Việt Nam về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

Hôm nay, ngày 05 tháng 05 năm 2022

Tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Sông Công. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, thị trấn Thi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện : **Ông Huang, Sung - Yu** Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Điện thoại : 0243.2007.631 Fax:

Tài khoản : 118000171565 Tại ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) – chi nhánh Quang Minh

Mã số thuế : 2500557674

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG

Địa chỉ : Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện : **Bà Bùi Thị Hương** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Điện thoại : 0243-2068067 Fax: 0243-2068067

Tài khoản : 0961000555888 Tại ngân hàng Vietcombank – CN Đông Anh

Mã số thuế : 4601328385

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp (bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình hoạt động của Công Ty TNHH Precious Plating Việt Nam theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Người lập: Đinh Công Hoàng

Người kiểm tra: Châu Công Quyền

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp (Bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công Ty TNHH Precious Plating Việt Nam Các chất thải có thể ở dạng rắn, bùn hoặc lỏng.

2. Địa điểm giao nhận chất thải tại Công Ty TNHH Precious Plating Việt Nam, địa chỉ: Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, thị trấn Thi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Sông Công, địa chỉ: thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên..

4. Thời gian giao nhận: Bên A báo trước cho Bên B mỗi giai đoạn thực hiện trước 01 ngày.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp.

Điều 3: Đơn giá và thể thức thanh toán:

1. Đơn giá cụ thể theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Ghi chú
1	Axit tẩy thải	Kg	07 01 01	3.000	
2	Các loại Axit thải khác	Kg	07 01 02	3.000	
3	Bazo tẩy thải	Kg	07 01 03	3.000	
4	Bùn thải từ quá trình photphat hóa	Kg	07 01 04	2.400	
5	Bùn thải và bã lọc có thành phần nguy hại	Kg	07 01 05	2.400	
6	Dung dịch nước tẩy thải có thành phần nguy hại	Kg	07 01 06	3.000	
7	Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhơn	Kg	07 01 07	3.000	
8	Các chất thải khác có thành phần nguy hại	Kg	07 01 10	3.000	
9	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải	Kg	07 02 01	2.500	
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Kg	18 01 02	2.700	
11	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Kg	18 01 03	2.700	
12	Vật liệu lọc, giẻ lau gang tay nhiễm thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	5.000	
13	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	4.500	
14	Bóng đèn huỳnh quang và các thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	6.000	

Ghi chú:

➤ Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 8%

Người lập: Đinh Công Hoàng

Người kiểm tra: Chữ Công Quyền

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển cho khối lượng ≥ 02 tấn/lần giao nhận. Nếu khối lượng < 02 tấn/lần giao nhận, thì chi phí vận chuyển được tính thêm là 2.000.000 VNĐ/lần giao nhận chưa bao gồm thuế VAT.
- Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.
2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.
3. Phương thức thanh toán:
- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VND).
 - Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, căn cứ trên khối lượng được thu gom, vận chuyển và xử lý nạo vét theo biên bản giao nhận giữa hai Bên.
 - Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện sau 10 (mười) ngày kể từ ngày hai bên tiến hành chốt công nợ hàng tháng và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

- Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định.
- Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng.
- Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.
- Bố trí xe nâng hỗ trợ bên B xếp các thùng đựng chất thải nặng lên phương tiện vận chuyển.
- Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.
- Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.
- Cử người hướng dẫn nội quy, quy định Công Ty TNHH Precious Plating Việt Nam cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
- Lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B sau mỗi lần bên B vận chuyển chất thải theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT
- Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

- Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.
- Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:
 - Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP.
 - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10 tháng 01 năm 2022
 - Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 72/2020/QH14, Hiệu lực ngày 01/01/2022.
- Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.
- Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

Người lập: Đinh Công Hoàng

Người kiểm tra: Chử Công Quyền

an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.

c. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

f. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

g. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

Điều 5: Bảo mật thông tin

a. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng. Không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba nào khác (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật)

b. Khi hợp đồng chấm dứt, tất cả các bên không được tiết lộ bất cứ bí mật về hoạt động thương mại, bí mật kinh doanh trong thời gian thực hiện hợp đồng của hai bên.

Điều 6: Trọng tài

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có thay đổi, vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án Kinh tế Thành phố Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 8: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng.

3. Mọi sửa đổi bổ xung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại tòa án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua kiện chịu.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có ý kiến gì bổ xung, thì mặc nhiên hợp đồng được gia hạn thêm cho các năm tiếp theo.

Người lập: Đinh Công Hoàng

Người kiểm tra: Chử Công Quyền

2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

Điều 10: Thông tin liên hệ thực hiện hợp đồng:

1. Mọi thông tin cần trao đổi về nội dung thực hiện hợp đồng, Quý công ty vui lòng liên hệ bộ phận KD: Mr.Hoàng ĐT: 0962795033 Email: hoang.mtsongcong@gmail.com

ĐẠI DIỆN BÊN A



**GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU**

ĐẠI DIỆN BÊN B



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Hương**

**SÔNG CÔNG
ENVIRONMENT CO. LTD**

Người lập: Đinh Công Hoàng

Người kiểm tra: Châu Công Quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 01/2026/SC – CTPPVN

- Căn cứ vào Hợp đồng số: 297.22/SC – CTPPVN ký kết ngày 05 tháng 05 năm 2022 giữa: Công ty TNHH Môi Trường Sông Công và Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2026. Tại trụ sở Công ty TNHH Môi Trường Sông Công, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 660, Khu công nghiệp Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Người đại diện : Ông Huang, Sung - Yu Chức vụ: Giám Đốc kinh doanh

Điện thoại : 0243.2007.631

Mã số thuế : 2500557674



BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG.

Địa chỉ : Thôn Tân Mỹ 2, Phường Bách Quang, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Người đại diện : Ông Hoàng Chí Thúc Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại : 0989691668 Fax:

Tài khoản : 0961000555888 Tại: Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Đông Anh

Mã số thuế : 4601328385



Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng với nội dung sau:

Căn cứ theo hợp đồng số: 297.22/SC – CTPPVN đã ký ngày 05/05/2022, hai bên cùng thỏa thuận và đồng ý ký kết phụ lục hợp đồng số 01/2026/SC – CTPPVN với nội dung như sau:

Điều 1: Đơn giá xử lý

1. Đơn giá cụ thể theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1.	Nước thải từ quá trình mạ	Kg	07 02 03	4.500

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm VAT.
- Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển cho khối lượng ≥ 5 tấn/chuyến giao nhận. Nếu khối lượng < 5 tấn/chuyến giao nhận, thì chi phí vận chuyển được tính thêm là 3.000.000 VNĐ/chuyến, chưa bao gồm VAT.
- Quý công ty có trách nhiệm phân loại từng loại chất thải theo danh mục, đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo. Chất thải phải được phân loại triệt để, tuyệt đối không được lẫn lộn các loại chất thải với nhau. Trong trường hợp chất thải để lẫn lộn, chúng tôi sẽ từ chối thu gom.

Điều 2: Các điều khoản và nội dung khác:

1. Các điều khoản và nội dung khác của hợp đồng số 297.22/SC – CTPPVN ký kết ngày 05 tháng 05 năm 2022 không thay đổi
2. Phụ lục hợp đồng này được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng số: 297.22/SC – CTPPVN ký kết ngày 05 tháng 05 năm 2022

Điều 3: Hiệu lực của phụ lục:

1. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký
2. Phụ lục hợp đồng được thành lập 04 bản Tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH
HUANG, SUNG-YU

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Thúc

MSDS	
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT	
Tên chất: SƠN NƯỚC Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: SƠN NƯỚC	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: ZG 615	
- Tên khác (không là tên khoa học): "chưa có thông tin"	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH Sơn Miền Bắc	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC, Thôn Lục Điền, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên TEL: 02213589170
- Địa chỉ: Thôn Lục Điền, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Tên nhà sản xuất: Công ty TNHH Sơn Miền Bắc	
- Địa chỉ: Thôn Lục Điền, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Mục đích sử dụng: Sản xuất sơn.	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1: Polyester Resin	341-522-1	B6A2	30 ~ 36
Thành phần 2: Additive	248-51-8	H4A3	5 ~ 10
Thành phần 3: Hexane fluid	534-72-2	C6H14	6 ~ 14
Thành phần 4: Methylene chloride	75-09-2	CH2CL2	7 ~ 15
Thành phần 5: Pearl-Alumina pigment	60-35-4	H8CH2	15 ~ 25

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): "chưa có thông tin"

2. Cảnh báo nguy hiểm :



- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có kích ứng đến mắt và có thể tác động đột ngột lên giác mạc

- Đường thở Kích ứng lên đường hô hấp, gây mê.

- Đường da Kích ứng nhẹ, không làm rách da.

- Đường tiêu hóa : Có thể gây đau bụng, nôn mửa, tiêu chảy, mất cảm giác, tác động đến miệng, cổ họng và bụng.

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Chớp mắt vào nước sạch ít nhất 15 phút, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Nhanh chóng rửa sạch bằng nước với xà phòng hoặc rượu, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng..

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa bệnh nhân đến nơi thoáng khí.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Xúc miệng nhiều lần bằng nước sạch.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

Trang 1/4

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):



2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: "Chưa có thông tin"
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): "Chưa có thông tin"
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: CO₂, Xà phòng, cát, trùm kín đám cháy, không cho vật bị cháy tiếp xúc với không khí.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: mặc quần áo bảo hộ
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Lau sạch vật dụng bị dính hóa chất, cho vào thùng kín và bỏ đi.

Trang bị các dụng cụ bảo hộ hợp lý theo quy định trong phần dụng cụ bảo hộ.

Cảnh báo cho công nhân biết về tình trạng rò rỉ hóa chất.

Tăng độ thông gió của môi trường chứa hóa chất.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):

Đảm bảo thùng chứa hóa chất được đóng kín khi chưa sử dụng đến.

Chỉ sử dụng hóa chất trong môi trường thông gió.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Thùng chứa phải được đóng kín và khóa chặt.

Cất trữ thùng chứa đã khóa chặt tại nơi có điều kiện môi trường thông gió.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)

Tránh để hóa chất tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: sử dụng kính an toàn.

- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ khi tiếp xúc với hóa chất, vứt bỏ quần áo đã bị lây hóa chất.

- Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay nhựa

- Bảo vệ chân: "chưa có thông tin"

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Chưa có thông tin

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: thể lỏng	Điểm sôi Chưa có thông tin
Màu sắc: chưa có thông tin	Điểm nóng chảy Chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: chưa có thông tin	Điểm bùng cháy (24°C) (Flash point) theo phương pháp xác định Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy chưa có thông tin

Tỷ trọng lỏng (nước = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0.89 ~ 0.95 (trọng lượng nước là 1)	Giới hạn nồng độ cháy trên 10.8 Vol %
Độ hòa tan trong nước : Tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy dưới: 1.5 vol %
Độ PH: Chưa có thông tin	Tỷ lệ hoá hơi: Chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): "Chưa có thông tin"	Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không xảy ra phản ứng phân hủy.
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Tránh tiếp xúc với các chất kiềm.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Tránh nguồn có thể gây cháy.
- Phản ứng trùng hợp: Không phản ứng.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1: Polyester Resin	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 2: Additive	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 3: Hexane fluid	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 4: Methylene chloride	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 5: Pearl-Alumina pigment	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): "chưa có thông tin"				
2. Các ảnh hưởng độc khác				

Trang 2/4

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1: Polyester Resin	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 2: Additive	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 3: Hexane fluid	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 4: Methylene chloride	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 5: Pearl-Alumina pigment	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/IT-BCN						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 17/11/2020

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Tên chất: **DUNG MÔI**

Số CAS:
Số UN:
Số đăng ký EC:
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: DUNG MÔI	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: MX	
- Tên khác (không là tên khoa học): "chưa có thông tin"	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH Sơn Miền Bắc	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH SON MIỀN BẮC, Thôn Lục Diên, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên TEL: 02213589170
- Địa chỉ: Thôn Lục Diên, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Tên nhà sản xuất: Công ty TNHH Sơn Miền Bắc	
- Địa chỉ: Thôn Lục Diên, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Mục đích sử dụng: Sản xuất sơn.	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Cyclohe Xanone	325-510-0	B4A1	15~24
Ethyl acetate	105-63-3	B3A6	35~40
Iso butanol	68-32-4	B6A2	40~45

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): “chưa có thông tin”

2. Cảnh báo nguy hiểm :



- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có kích ứng đến mắt và có thể tác động đột ngột lên giác mạc
- Đường thở: Kích ứng lên đường hô hấp, gây mê.
- Đường da: Kích ứng nhẹ, không làm rách da.
- Đường tiêu hóa : Có thể gây đau bụng, nôn mửa, tiêu chảy, mất cảm giác, tác động đến ni-lặng, cổ họng và bụng.

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dũa vào mắt): Chớp mắt vào nước sạch ít nhất 15 phút, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dũa vào da): Nhanh chóng rửa sạch bằng nước với xà phòng hoặc rượu, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng..
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa bệnh nhân đến nơi thoáng khí.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Xúc miệng nhiều lần bằng nước sạch.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có)

Trang 1/4

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):



2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: "Chưa có thông tin"
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): "Chưa có thông tin"
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: CO₂, Xà phòng, cát, trùm kín đám cháy, không cho vật bị cháy tiếp xúc với không khí.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: mặc quần áo bảo hộ
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Lau sạch vật dụng bị dính hóa chất, cho vào thùng kín và bỏ đi.

Trang bị các dụng cụ bảo hộ hợp lý theo quy định trong phần dụng cụ bảo hộ.

Cảnh báo cho công nhân biết về tình trạng rò rỉ hóa chất.

Tăng độ thông gió của môi trường chứa hóa chất.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):

Đảm bảo thùng chứa hóa chất được đóng kín khi chưa sử dụng đến.

Chỉ sử dụng hóa chất trong môi trường thông gió.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Thùng chứa phải được đóng kín và khóa chặt.

Cất trữ thùng chứa đã khóa chặt tại nơi có điều kiện môi trường thông gió.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)

Tránh để hóa chất tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: sử dụng kính an toàn.

- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ khi tiếp xúc với hóa chất, vứt bỏ quần áo đã bị lây hóa chất.

- Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay nhựa

- Bảo vệ chân: "chưa có thông tin"

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Chưa có thông tin

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: thể lỏng	Điểm sôi Chưa có thông tin
Màu sắc: chưa có thông tin	Điểm nóng chảy Chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: chưa có thông tin	Điểm bùng cháy (24°C) (Flash point) theo phương pháp xác định Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy chưa có thông tin

Tỷ trọng lỏng (nước = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0.89 ~ 0.95 (trọng lượng nước là 1)	Giới hạn nồng độ cháy trên 10.8 Vol %
Độ hòa tan trong nước : Tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy dưới: 1.5 vol %
Độ PH: Chưa có thông tin	Tỷ lệ hoá hơi: Chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): "Chưa có thông tin"	Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không xảy ra phản ứng phân hủy.
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Tránh tiếp xúc với các chất kiềm.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Tránh nguồn có thể gây cháy.
- Phản ứng trùng hợp: Không phản ứng.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Cyclohe Xanone	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Ethyl acetate	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Iso butanol	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): "chưa có thông tin"				
2. Các ảnh hưởng độc khác				

Trang 2/4

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Cyclohe Xanone	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Ethyl acetate	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Iso butanol	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 04/09/2023

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

MSDS PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT	 SON MIEN BAC
Tên chất: SƠN NƯỚC	
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký đánh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: SƠN NƯỚC	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: KQ 610	
- Tên khác (không là tên khoa học): "chưa có thông tin"	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH Sơn Miên Bắc	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH SON MIEN BAC, Thôn Lục Diên, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên TEL: 02213589170
- Địa chỉ: Thôn Lục Diên, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Tên nhà sản xuất: Công ty TNHH Sơn Miên Bắc	
- Địa chỉ: Thôn Lục Diên, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Mục đích sử dụng: Sản xuất sơn.	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1: Melamine Resin	9003-08-1	<chem>C3H6N6CH2O</chem>	57 ~ 60
Thành phần 2: Cyclohexanone	108-94-1	<chem>C6H10O</chem>	13 ~ 15
Thành phần 3: Methylene chloride	75-09-02	<chem>CH2CL2</chem>	14 ~ 17
Thành phần 4: Exxsol Hexane	110-54-3	<chem>CH3(CH2)4CH3</chem>	11 ~ 13

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): "chưa có thông tin"

2. Cảnh báo nguy hiểm :



- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có kích ứng đến mắt và có thể tác động đột ngột lên giác mạc
- Đường thở: Kích ứng lên đường hô hấp, gây mê.
- Đường da: Kích ứng nhẹ, không làm rách da.
- Đường tiêu hóa: Có thể gây đau bụng, nôn mửa, tiêu chảy, mất cảm giác, tác động đến miệng, cổ họng và bụng.

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Chớp mắt vào nước sạch ít nhất 15 phút, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Nhanh chóng rửa sạch bằng nước với xà phòng hoặc rượu, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng..
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa bệnh nhân đến nơi thoáng khí.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Xúc miệng nhiều lần bằng nước sạch.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có)

Trang 1/4

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):



2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: “Chưa có thông tin”
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): “Chưa có thông tin”
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: CO₂, Xà phòng, cát, trùm kín đám cháy, không cho vật bị cháy tiếp xúc với không khí.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: mặc quần áo bảo hộ
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Lau sạch vật dụng bị dính hóa chất, cho vào thùng kín và bỏ đi.

Trang bị các dụng cụ bảo hộ hợp lý theo quy định trong phần dụng cụ bảo hộ.

Cảnh báo cho công nhân biết về tình trạng rò rỉ hóa chất.

Tăng độ thông gió của môi trường chứa hóa chất.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):

Đảm bảo thùng chứa hóa chất được đóng kín khi chưa sử dụng đến.

Chỉ sử dụng hóa chất trong môi trường thông gió.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Thùng chứa phải được đóng kín và khóa chặt.

Cất trữ thùng chứa đã khóa chặt tại nơi có điều kiện môi trường thông gió.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)

Tránh để hóa chất tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: sử dụng kính an toàn.

- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ khi tiếp xúc với hóa chất, vứt bỏ quần áo đã bị lây hóa chất.

- Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay nhựa

- Bảo vệ chân: “chưa có thông tin”

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Chưa có thông tin

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: thể lỏng	Điểm sôi Chưa có thông tin
Màu sắc: đỏ	Điểm nóng chảy Chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: chưa có thông tin	Điểm bùng cháy (24°C) (Flash point) theo phương pháp xác định Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự chảy chưa có thông tin

Tỷ trọng lỏng (nước = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0.89 ~ 0.95 (trọng lượng nước là 1)	Giới hạn nồng độ cháy trên 10.8 Vol %
Độ hòa tan trong nước : Tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy dưới: 1.5 vol %
Độ PH: Chưa có thông tin	Tỷ lệ hoá hơi: Chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): "Chưa có thông tin"	Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không xảy ra phản ứng phân hủy.
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Tránh tiếp xúc với các chất kiềm.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Tránh nguồn có thể gây cháy.
- Phản ứng trùng hợp: Không phản ứng.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1: Melamine Resin	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 2: Cyclohe xanone	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 3: Methylene chloride	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 4: Exxsol Hexane	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): "chưa có thông tin"				
2. Các ảnh hưởng độc khác				

Trang 2/4

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần 1: Melamine Resin	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 2: Cyclohexanone	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 3: Methylene chloride	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
Thành phần 4: Exxsol Hexane	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15/12/2021

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

MSDS	 SON MIEN BAC
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT	
Tên chất: SƠN NƯỚC Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: SƠN NƯỚC	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: KQ 622	
- Tên khác (không là tên khoa học): "chưa có thông tin"	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu: Công ty TNHH Sơn Miền Bắc	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC , Thôn Lực Điện, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên TEL: 02213589170
- Địa chỉ: Thôn Lực Điện, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Tên nhà sản xuất: Công ty TNHH Sơn Miền Bắc	
- Địa chỉ: Thôn Lực Điện, Xã Minh Châu, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	
- Mục đích sử dụng: Sản xuất sơn.	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Thành phần 1: Polyester Resin	113669-95-7	B6A2	35 – 38
Thành phần 2: Additive	148-52-3	B8A3	8 ~ 10
Thành phần 3: Hexane fluid	110-54-3	B2A14	13~ 14
Thành phần 4: Toluene	108-88-03	B7A8	13 ~ 15
Thành phần 5: Pearl-Alumina pigment	59-38-5	B5A12	22 ~ 25

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ cơ sở của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): “chưa có thông tin”

2. Cảnh báo nguy hiểm :



- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có kích ứng đến mắt và có thể tác động đột ngột lên giác mạc

- Đường thở: Kích ứng lên đường hô hấp, gây mê.

- Đường da: Kích ứng nhẹ, không làm rách da.

- Đường tiêu hóa: Có thể gây đau bụng, nôn mửa, tiêu chảy, mất cảm giác, tác động đến miệng, cổ họng và bụng.

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Chớp mắt vào nước sạch ít nhất 15 phút, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Nhanh chóng rửa sạch bằng nước với xà phòng hoặc rượu, sử dụng thuốc chữa nếu vẫn còn triệu chứng kích ứng.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa bệnh nhân đến nơi thoáng khí.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Xúc miệng nhiều lần bằng nước sạch.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

Trang 1/4

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):



2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: "Chưa có thông tin"
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): "Chưa có thông tin"
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: CO₂, Xà phòng, cát, trùm kín đám cháy, không cho vật bị cháy tiếp xúc với không khí.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: mặc quần áo bảo hộ
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Lau sạch vật dụng bị dính hóa chất, cho vào thùng kín và bỏ đi.

Trang bị các dụng cụ bảo hộ hợp lý theo quy định trong phần dụng cụ bảo hộ.

Cảnh báo cho công nhân biết về tình trạng rò rỉ hóa chất.

Tăng độ thông gió của môi trường chứa hóa chất.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):

Đảm bảo thùng chứa hóa chất được đóng kín khi chưa sử dụng đến.

Chỉ sử dụng hóa chất trong môi trường thông gió.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Thùng chứa phải được đóng kín và khóa chặt.

Cắt trừ thùng chứa đã khóa chặt tại nơi có điều kiện môi trường thông gió.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)

Tránh để hóa chất tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: sử dụng kính an toàn.

- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ khi tiếp xúc với hóa chất, vứt bỏ quần áo đã bị lây hóa chất.

- Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay nhựa

- Bảo vệ chân: "chưa có thông tin"

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Chưa có thông tin

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: thể lỏng	Điểm sôi Chưa có thông tin
Màu sắc: trắng	Điểm nóng chảy Chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: chưa có thông tin	Điểm bùng cháy (24°C) (Flash point) theo phương pháp xác định Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy chưa có thông tin

Tỷ trọng lỏng (nước = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 0.89 ~ 0.95 (trọng lượng nước là 1)	Giới hạn nồng độ cháy trên 10.8 Vol %
Độ hòa tan trong nước : Tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy dưới: 1.5 vol %
Độ PH: Chưa có thông tin	Tỷ lệ hoá hơi: Chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): “Chưa có thông tin”	Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không xảy ra phản ứng phân hủy.
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Tránh tiếp xúc với các chất kiềm.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Tránh nguồn có thể gây cháy.
- Phản ứng trùng hợp: Không phản ứng.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
THÀNH PHẦN 1: POLYESTER RESIN	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”
THÀNH PHẦN 2: ADDITIVE	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”
THÀNH PHẦN 3: HEXANE FLUID	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”
THÀNH PHẦN 4: TOLUENE	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”
THÀNH PHẦN 5: PEARL-ALUMINA PIGMENT	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”	“Chưa có thông tin”
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): “chưa có thông tin”				
2. Các ảnh hưởng độc khác				

Trang 2/4

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
THÀNH PHẦN 1: POLYESTER RESIN	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
THÀNH PHẦN 2: ADDITIVE	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
THÀNH PHẦN 3: HEXANE FLUID	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
THÀNH PHẦN 4: TOLUENE	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"
THÀNH PHẦN 5: PEARL-ALUMINA PIGMENT	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"	"Chưa có thông tin"

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất**1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)****2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải****3. Biện pháp tiêu hủy****4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý****PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp**1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)****2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký****PHẦN XVI: Thông tin khác**

Ngày tháng biên soạn phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 19/03/2022

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH SƠN MIỀN BẮC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.



THỊNH TRƯỜNG PHÁT
THÀNH CÔNG - HẠNG ĐẦU

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Email: tlp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 00842/2026/PKQ(26.71)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam
- Địa chỉ : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 10/01/2026
- Ngày trả kết quả : 30/01/2026
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT100126-021	OK1	Khí thải ống khói sau khi qua xử lý (234555,1; 577642,6)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đầu với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MQL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích không quy định.
- (t) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.

BM/TT.6-01

Bản hành bản: 04

Ngày có hiệu lực: 01/07/2025

Trang 1/2



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				OK1	Giá trị C	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(m)	°C	TTP.SĐN.KT.01	31	-	-
2	Lưu huỳnh điôxit, SO ₂ ^(m)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.05	0	500	-
3	Nitơ oxit, (NO _x) (tính theo NO ₂) ^(m)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.06	0	-	-
4	Toluen ^(m)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	-	750
5	Xylen ^(m)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,6)	-	870
6	Cacbon monoxit, CO ^(m)	mg/Nm ³	TTP.SĐN.KT.04	0,764	1.000	-
7	n-Heptane ^(m)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL = 0,60)	-	2.000

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vincerts;
- QCTĐHN 01:2014/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
- Giá trị C: Là giá trị của bụi tổng và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp
- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- Nồng độ tối đa: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

P. GIÁM ĐỐC



Hưng Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quen trực của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. 7. (-): Không phân tích không quy định
- (B) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

EM/TT7.6-01

Bản hành bản: 04

Ngày có hiệu lực: 01/01/2025

Trang 2/2



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 00840/2026/PKQ(26.71)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam
2. Địa chỉ : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội
3. Địa điểm lấy mẫu : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội
4. Ngày lấy mẫu : 10/01/2026
5. Ngày trả kết quả : 30/01/2026
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KXQ100126-008	K1	Khu vực đầu xưởng sản xuất (2345556,3; 577643,6)	Không khí xung quanh
2	KXQ100126-009	K2	Khu vực cuối xưởng sản xuất (2345555,1; 577644,9)	Không khí xung quanh
3	KXQ100126-010	K3	Khu vực lò hơi (2345553,6; 577644,1)	Không khí xung quanh
4	KXQ100126-011	K4	Khu vực kho chứa nguyên, vật liệu (2345555,9; 577642,9)	Không khí xung quanh

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về kết quả tại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. 7. (-): Không phân tích/ không quy định.
8. (B) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ				QCVN 05:2023/ BTNMT
				K1	K2	K3	K4	TB 1h
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	22,8	22,7	23,5	22,1	-
2	Độ ẩm ^(a)	%RH	QCVN 46:2022/BTNMT	51,3	51,1	48,6	50,7	-
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,4	0,4	0,5	0,3	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	115,1	134,8	108,8	114,9	300
5	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	55,2	56,8	61,6	54,7	200
6	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	31,0	57,7	46,0	54,0	350
7	CO ^(a)	µg/Nm ³	TTP.SPT.KXQ.01	KPH (MDL = 3.480)	KPH (MDL = 3.480)	KPH (MDL = 3.480)	KPH (MDL = 3.480)	30.000
8	Benzen ^(a)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (MDL = 5,50)	KPH (MDL = 5,50)	KPH (MDL = 5,50)	KPH (MDL = 5,50)	22 ⁽¹⁾
9	Tiếng ồn (LAeq) ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	68,1	68,7	62,9	67,2	70 ⁽²⁾

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vincerts;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- TB 1h: là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- (1): Bảng 2: Giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh. 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. 7. (-): Không phân tích/ không quy định.
- (*) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.

BM/T17.5.01

Bản hành bản: 04

Ngày có hiệu lực: 01/07/2025

Trang 2/2





VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 00841/2026/PKQ(26.71)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Precious Plating Việt Nam
- Địa chỉ : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội
- Địa điểm lấy mẫu : Lô 660, KCN Quang Minh mở rộng, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội
- Ngày lấy mẫu : 10/01/2026
- Ngày trả kết quả : 30/01/2026
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NT100126-015	NT1	Nước thải tại bể thu gom chưa qua hệ thống xử lý (2345552,6; 577643,9)	Nước thải
2	NT100126-016	NT2	Nước thải tại hố ga cuối trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu công nghiệp (2345552,9; 577643,2)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. ICPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. 7. (-): Không phân tích/ không quy định.
8. (M) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



BM/T17.8-01

Bản hành lần: 04

Ngày có hiệu lực: 01/07/2025

Trang 1/3

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT
				NT1	NT2	Cột B	Cột B
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,56	7,28	5,5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(a)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	89,8	22,7	50	50
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(a)	mg/l	SMEWW 5220C:2023	264,5	63,8	150	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/l	TCVN 6625:2000	161	28	100	100
5	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114B:2023	KPH (MDL = 0,001)	KPH (MDL = 0,001)	0,1	0,1
6	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/l	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL = 0,0003)	KPH (MDL = 0,0003)	0,01	0,01
7	DO ^e	mg/l	TCVN 7325:2016	3,2	3,9	-	-
8	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,03)	KPH (MDL = 0,03)	0,5	0,5
9	NO ₃ ⁻ -N ^(a)	mg/l	SMEWW 4500.NO3-.E:2023	KPH (MDL = 0,070)	3,52	-	-
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,004)	KPH (MDL = 0,004)	0,1	0,1
11	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/l	SMEWW 3500.Cr:2023	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	0,1	0,1
12	Cr ³⁺ ^(b)	mg/l	TCVN 6222:2008 + SMEWW 3500- Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,06)	KPH (MDL = 0,06)	1	1
13	Đồng (Cu) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,06)	KPH (MDL = 0,06)	2	2
14	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,11)	KPH (MDL = 0,11)	3	3
15	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B: 2023	KPH (MDL = 0,03)	KPH (MDL = 0,03)	0,5	0,5
16	PO ₄ ³⁻ -P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	2,78	0,81	-	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. 7. (-): Không phân tích/ không quy định.
8. (B) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



17	Mangan (Mn) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,06)	KPH (MDL = 0,06)	1	1
18	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,06)	KPH (MDL = 0,06)	5	5
19	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	8,8	2,2	10	10
20	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	24,1	0,40	10	10
21	Thiếc (Sn) ^(b)	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL = 0,010)	KPH (MDL = 0,010)	-	-
22	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	39,0	15,1	40	40
23	Tổng P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,04	1,17	6	6
24	Coliforms ^(b)	MPN/10 0ml	SMEWW 9221B:2023	4,9 x 10 ⁵	2,1 x 10 ³	5.000	5.000

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimeris;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- QCTEHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.



TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mai Hoàng Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026
P.GIÁM ĐỐC



Hà Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quản trực của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hồ sơ thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. 7. (-): Không phân tích không quy định.
8. (b) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng.



CÔNG TY TNHH CNMT ĐẠI DƯƠNG XANH



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG TRẠM XỬ LÝ
NƯỚC THẢI XI MẠ CÔNG SUẤT 150 M3/NGÀY**

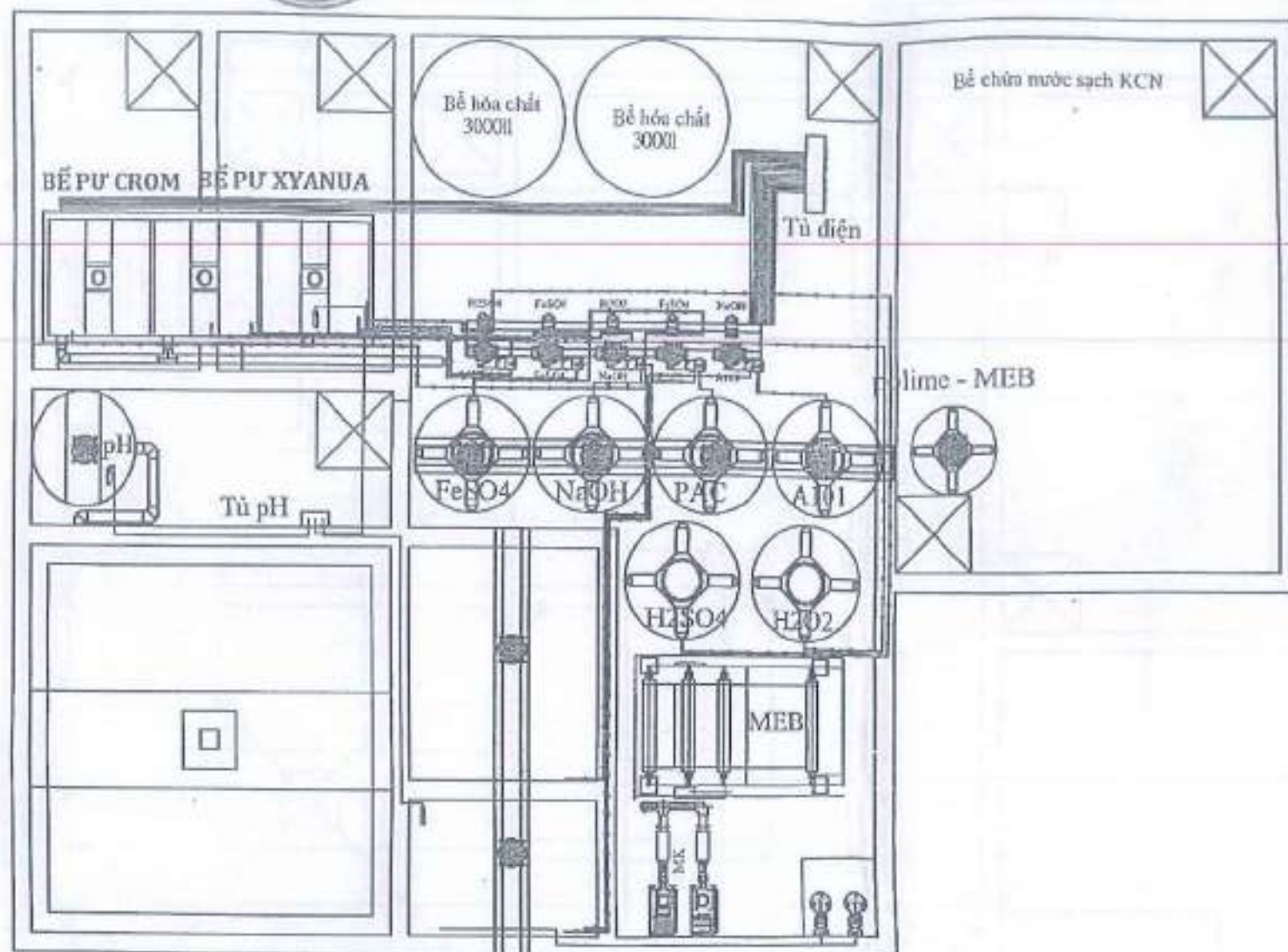
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM

VỊ TRÍ: KCN QUANG MINH - MÊ LINH - HÀ NỘI

HÀ NỘI - 2017



MẶT BẰNG HỆ THỐNG



KẾT QUẢ THIẾT KẾ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI XÍ MÀU CÔNG NGHIỆP XÚT LUY 13 MỆNH	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẠI TRƯỜNG XANH	
169 THUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI Tel: +84 3564 2977, Fax: +84 3564 2977	
CÔNG TY NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẠI TRƯỜNG XANH QUAN LẬP HUY NGUYỄN HUY HƯNG T. HỒ - TP	
CHỦ ĐẦU TƯ NGUYỄN BIÊN CƯỜNG	
THIẾT KẾ NGUYỄN BIÊN CƯỜNG	
Kiểm NGUYỄN TRUNG KIẾN	
NỘI DUNG BẢN VẼ	
VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG:
HT: 2014	
TKKTC	HC-01



DANH MỤC BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

MẶT BẰNG HỆ THỐNG

TỔNG THỂ MẶT BẰNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG

MẶT CẮT A - A

MẶT CẮT B - B

MẶT CẮT C - C

MẶT CẮT D - D

MẶT CẮT E - E

CHỖ ĐÁNH DẤU

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI XÍ MÀ
CÔNG SUẤT XỬ LÝ 15 M3/H

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH

189, THUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI
Tel: +84 3564 2977; Fax: +84 3564 2977

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN AN

QUẢN LÝ THI CÔNG
NGUYỄN VĂN AN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
NGUYỄN VĂN AN

THIẾT KẾ
NGUYỄN VĂN AN

KÊM
NGUYỄN VĂN AN

NỘI DUNG BẢN VẼ

VẬT LIỆU

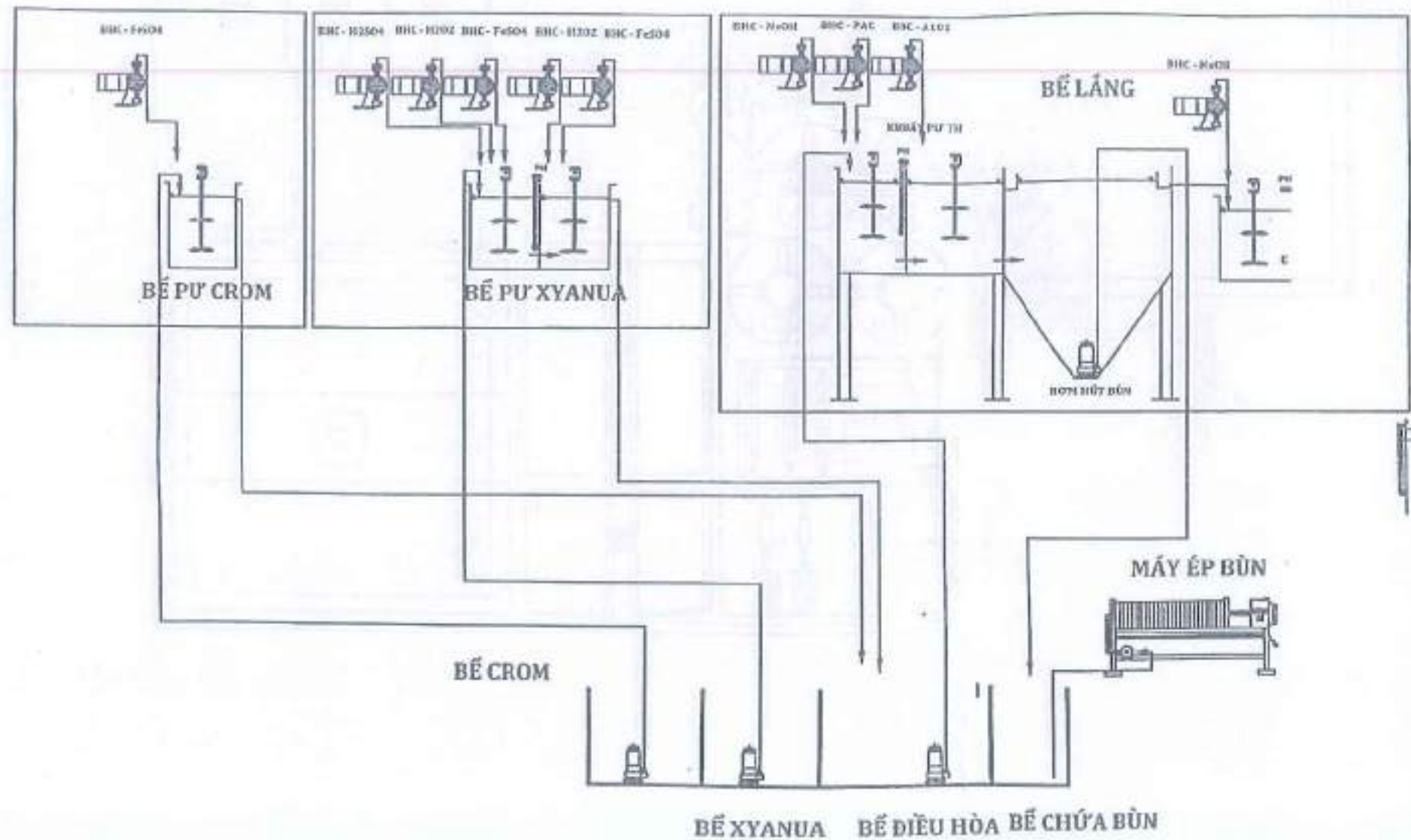
SỐ LƯỢNG:

HT: 2014

TKKTC



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI XI MẠ



CƠ SỞ DỮ LIỆU

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI XI MẠ
CÔNG SUẤT XỬ LÝ 13 M3/H

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG NAM HẢI

189, THUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI
Tel: +84 3564 2977, Fax: +84 3564 2977

CHẠM BÓNG
NGUYỄN THANH HIỆP

QUẢN LÝ THIẾT KẾ
NGUYỄN ĐỨC HÙNG

CHỖ THÌ THIẾT KẾ
NGUYỄN ĐỨC HÙNG

VIẾT KẾ
NGUYỄN ĐỨC HÙNG

KÈM
NGUYỄN TRUNG KIẾN

NỘI DUNG BẢN VẼ

VẬT LIỆU

SỐ LƯỢNG:

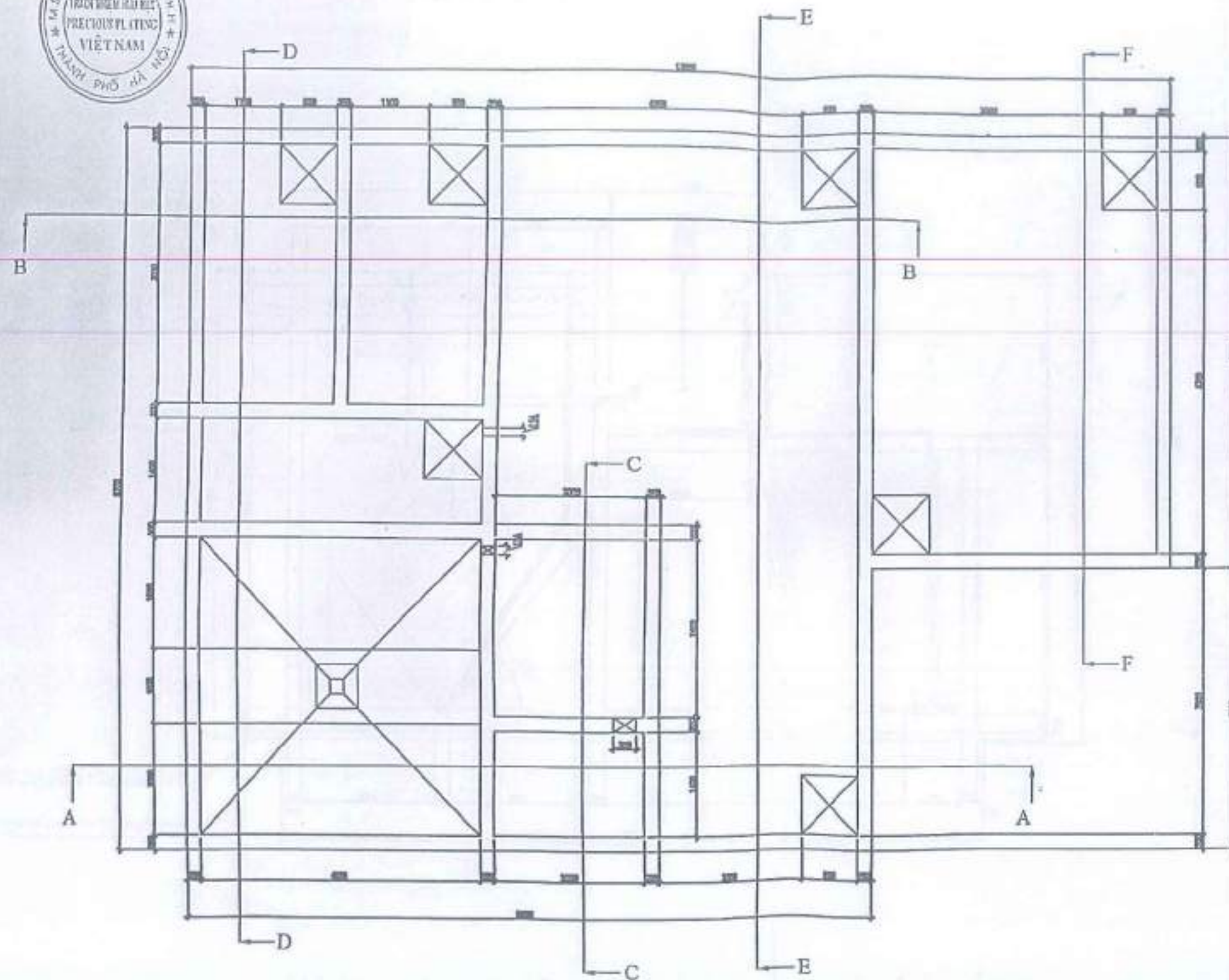
HT: 2014

TKKTTC

HC-00



TỔNG THỂ MẶT BẰNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG



CHỮ ĐẦU TỰ

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI
CÔNG SUẤT XỬ LÝ 11 M3/H

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH

19/ THUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI
Tel: +84 3564 2977, Fax: +84 3564 2977



CHẠM ĐÓNG
NGUYỄN THỊ ANH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TĐ
NGUYỄN THỊ THẠCH

CHỖ TRƯỞNG
NGUYỄN BIÊN CƯƠNG

THIẾT KẾ
NGUYỄN BIÊN CƯƠNG

Kiểm
NGUYỄN TRUNG KIẾN

NỘI DUNG BẢN VẼ

VẬT LIỆU

SỐ LƯỢNG:

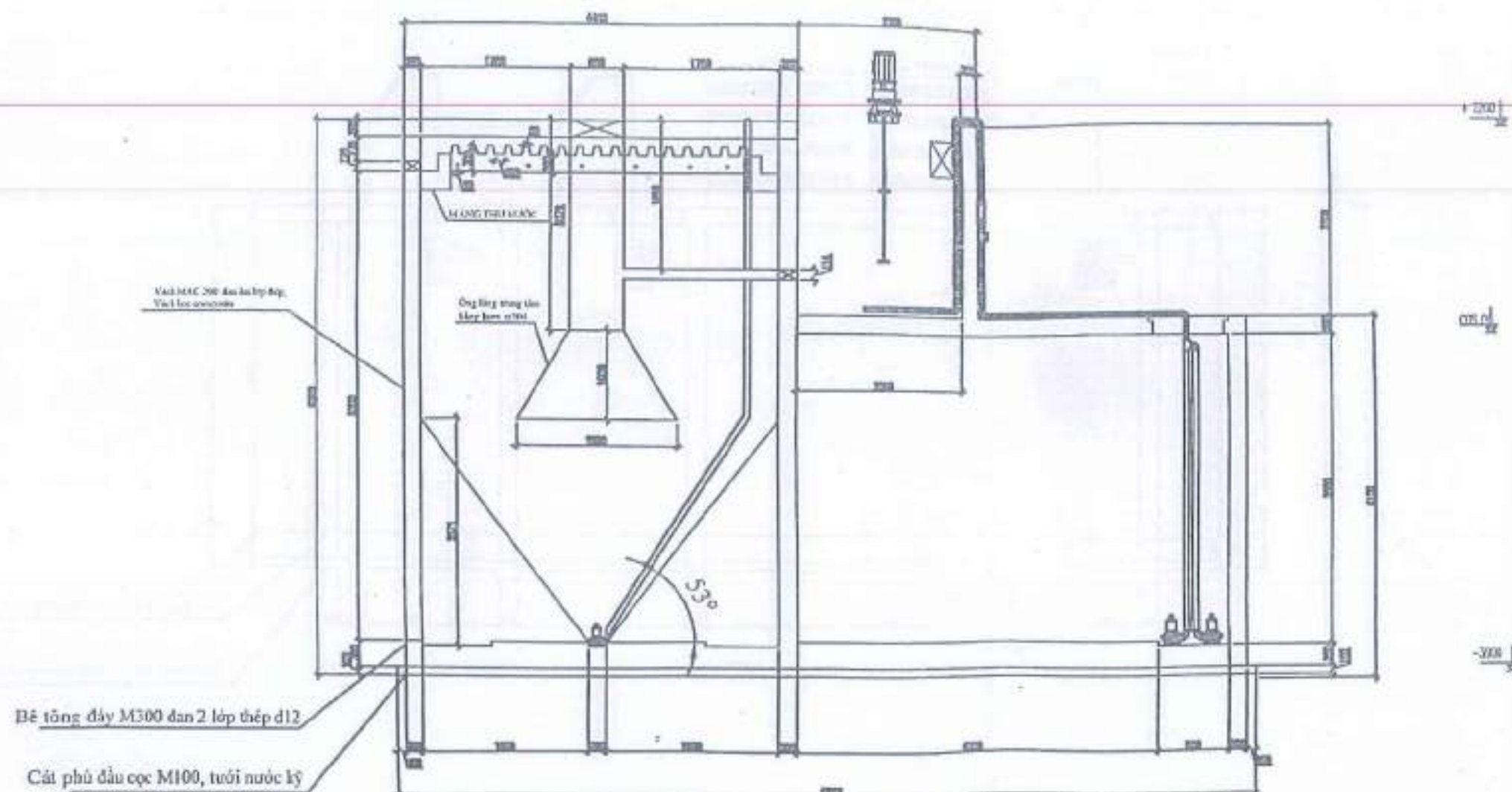
HT: 2014

TKKTC

HC-02



MẶT CẮT A - A



Bể lắng trung tâm, bể điều hòa, bể phản ứng

CHỖ DẤU: 1/1

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ
CÔNG NGHỆ XỬ LÝ 11 MHI

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH

109 THUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI
Tel: 04 3564 2972, Fax: 04 3564 2977

CÔNG
TƯ VẤN THIẾT KẾ

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN HƯNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
NGUYỄN PHÚC HƯNG

CHUYÊN THIẾT KẾ
NGUYỄN BIÊN CƯỜNG

THIẾT KẾ
NGUYỄN BIÊN CƯỜNG

KÊNH
NGUYỄN TRUNG KIẾN

NỘI DUNG BẢN VẼ

VẬT LIỆU

SỐ LƯỢNG:

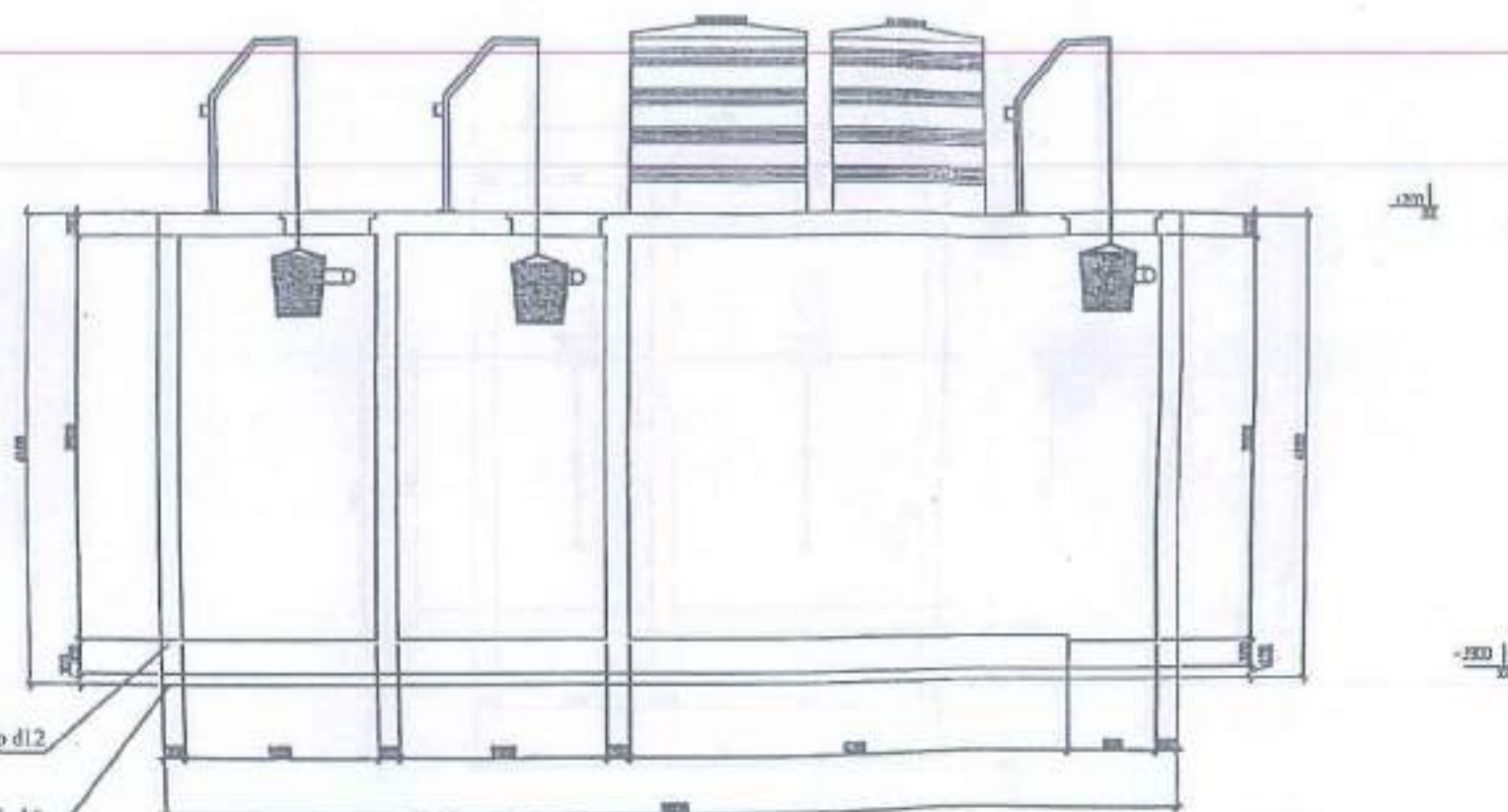
HT: 2014

TKKTC

HC-03



MẶT CẮT B - B



Bê tông đáy M300 đan 2 lớp thép d12

Cát phủ đầu cọc M100, tưới nước kỹ

Bể Crom, bể xianua, bể điều hòa

CHỈ DẪN TỰ

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI XÁM
CÔNG SÁT XỬ LÝ 13 M3/H

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH

189, TRUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI
Tel: +84 24 2971 Fax: +84 24 2971

QUẢN LÝ
NGUYỄN THẠNH CƯỜNG

QUẢN LÝ HOẶC
NGUYỄN PHÚC HÙNG

CHỦ THỦ THIẾT KẾ
NGUYỄN BIÊN CƯƠNG

THIẾT KẾ
NGUYỄN BIÊN CƯƠNG

KIỂM
NGUYỄN TRUNG KIẾN

NỘI DUNG BẢN VẼ

VẬT LIỆU

SỐ LƯỢNG:

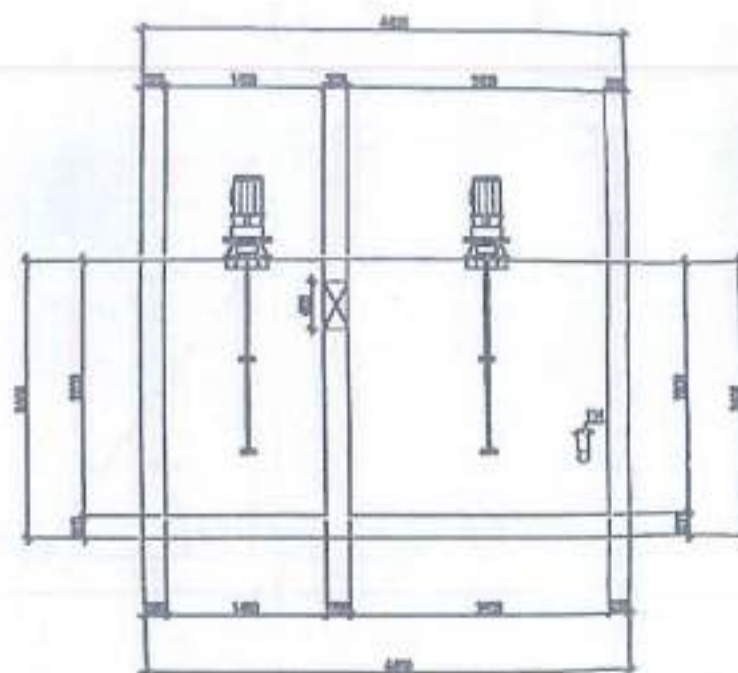
HT: 2014

TKK/TC

HC-04



MẶT CẮT C-C

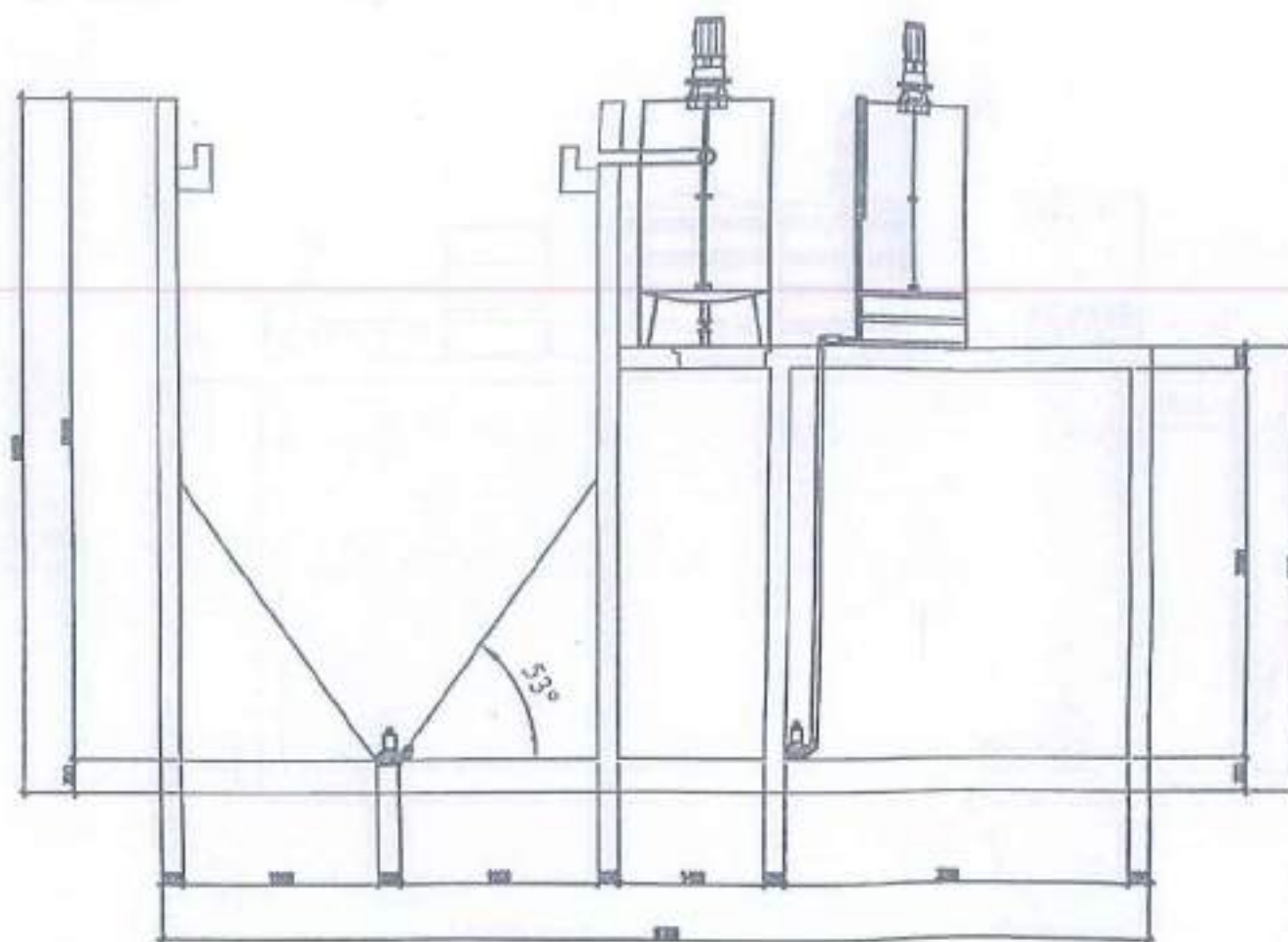


Bề phản ứng

CÔNG TY	
TÊN CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ CÔNG SUẤT 100 M ³ /NGÀY	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẠI DƯƠNG XANH	
169 THUY KHUÊ - TÂY HỒ - HÀ NỘI Tel: +84 24 3464 2977 Fax: +84 24 3464 2977 TRÁCH NHIỆM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẠI DƯƠNG XANH	
GRAM ĐOC NGUYỄN VĂN THIỆU	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN PHÚC HƯNG	
CHỈ TỰ THIẾT KẾ NGUYỄN BIÊN CƯỜNG	
THIẾT KẾ NGUYỄN BIÊN CƯỜNG	
KIỂM NGUYỄN TRUNG KIẾN	
NỘI DUNG BẢN VẼ	
VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG:
HIT: 2014	
TKK/TC	HC-05



MẶT CẮT D - D

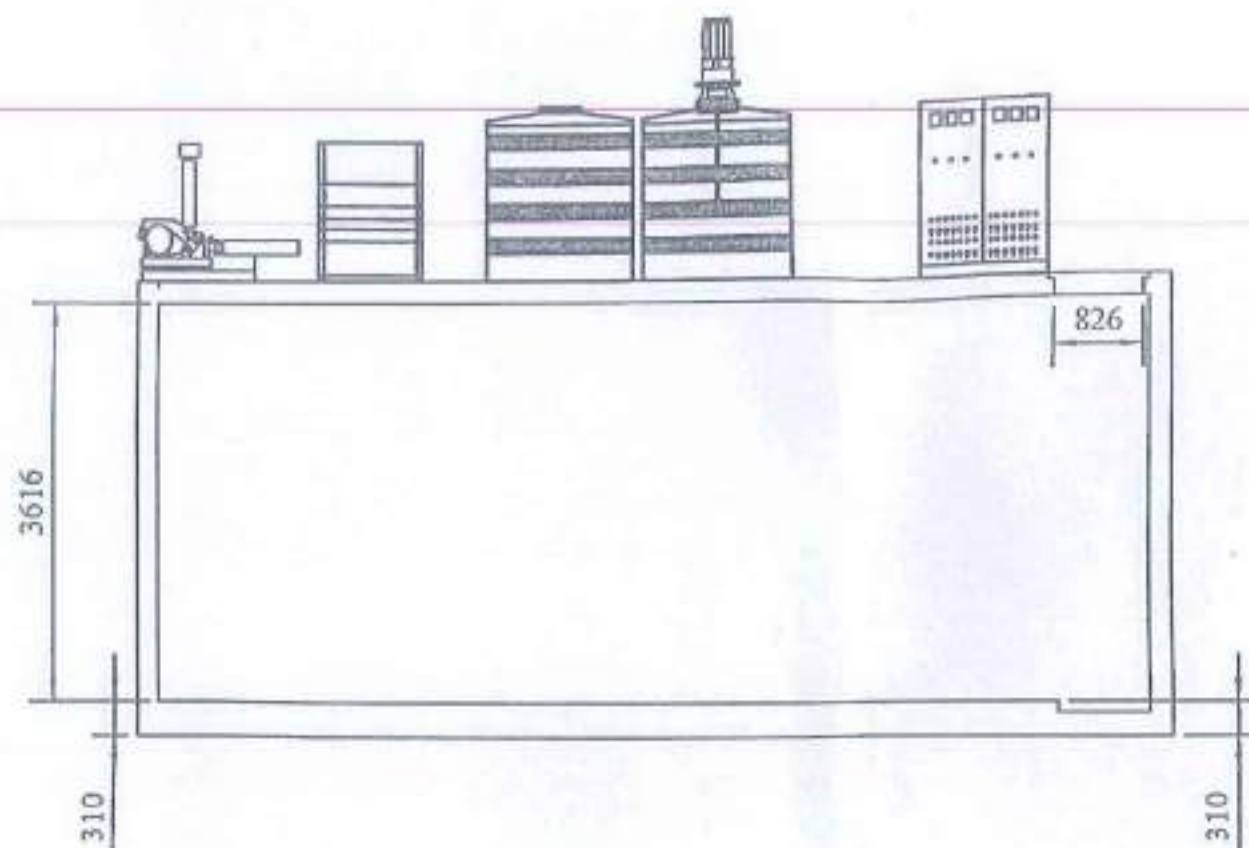


Bể lắng, bể chứa bùn, bể Crom

CHỈ DẪN TỰ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ CÔNG SUẤT XỬ LÝ 15 M3/H	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẠI DƯƠNG XANH	
100/ TRUYỀN KIỆT - TÂY HỒ HÀ NỘI Tel: +84 93 551 2977 Fax: +84 93 551 2977 CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẠI DƯƠNG XANH	
GIÁM ĐỐC NGUYỄN TRẦN THẠCH	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT NGUYỄN PHÚC HÙNG	<i>[Signature]</i>
CHỦ THỂ THIẾT KẾ NGUYỄN ĐIỀN CƯỜNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ NGUYỄN ĐIỀN CƯỜNG	<i>[Signature]</i>
Kiểm NGUYỄN TRUNG KIẾN	<i>[Signature]</i>
NỘI DUNG BẢN VẼ	
VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG:
HT: 2014	
TKKTTC	HC-06



MẶT CẮT E - E



Bể điều hòa lưu lượng

CƠ ĐỒ BÀN VẼ

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI XANH
CÔNG SUẤT XỬ LÝ 13 M3/H

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH

100 TỈNH KIỀU - TÂY HỒ - HÀ NỘI
Tel: 084 3564 2972 / Fax: 084 3564 2972
TRIGI NƯỚC HỒ HAY
XUẤT NGỒ MÔI TRƯỜNG
ĐẠI DƯƠNG XANH

NGUYỄN VĂN THIỆN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
NGUYỄN PHƯỚC HƯNG

CHỦ TÔI THIẾT KẾ
NGUYỄN DIỄN CƯƠNG

THIẾT KẾ
NGUYỄN DIỄN CƯƠNG

XÁC
NGUYỄN TRUNG KIẾN

NỘI DUNG BẢN VẼ

VẬT LIỆU

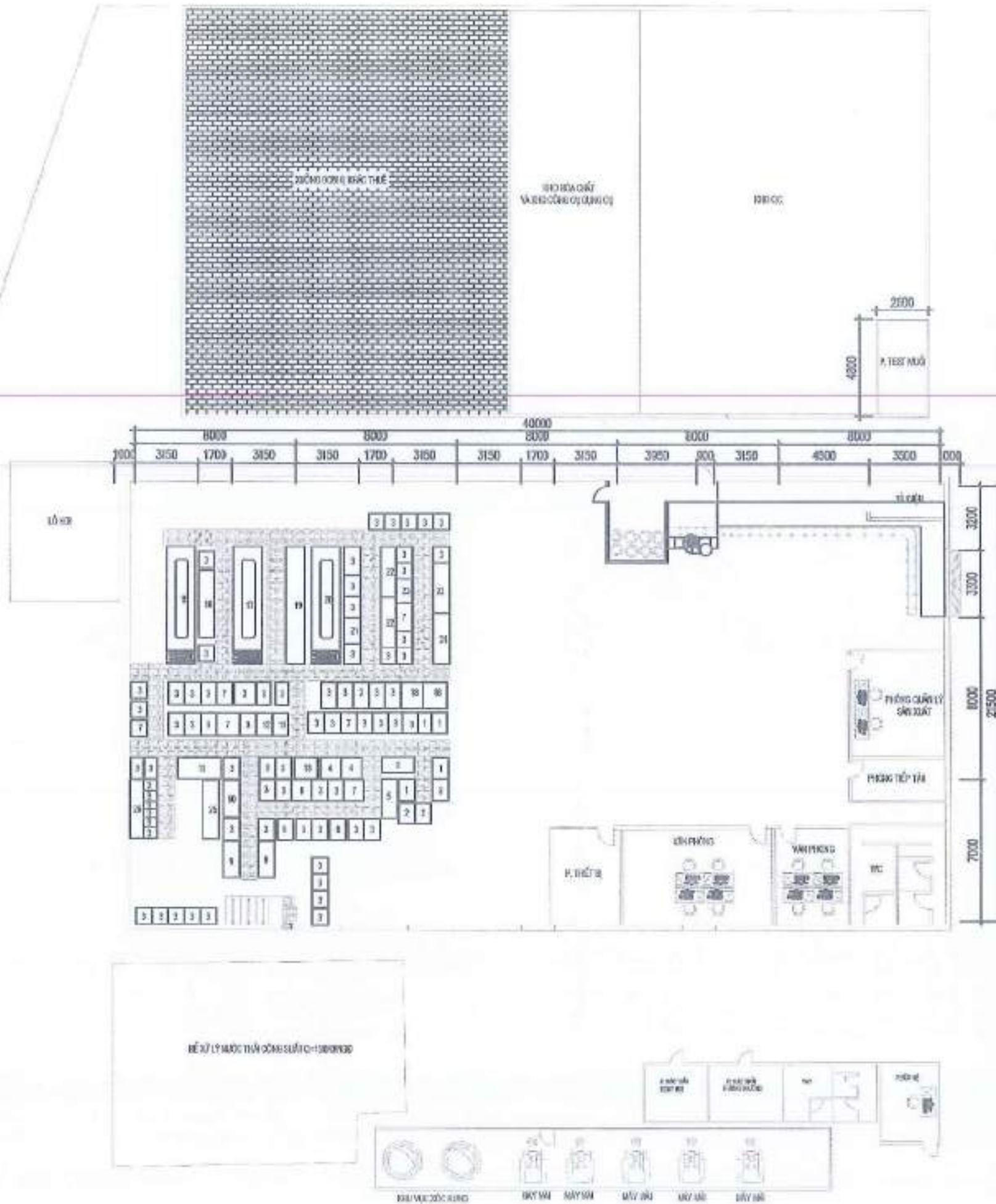
SỐ LƯỢNG :

HT : 2014

TKKTTC

HC-07

MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG



CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỢI, XÃ LA PHỒ,
HUYỆN HỒNG QUANG, TỈNH PHỐ LUYỆN



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAD VĂN MẠNH

CHỦ TRƯỞNG
(CÔNG NGHỆ)

KS.NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS: NÔNG DỤC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH
XÃ QUANG MINH, THỊNH HƯNG HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

MẬT BÀNG TÔNG THỂ HẠ XƯƠNG

TỶ LỆ

1/100

HOÀN THÀNH

.... /2025

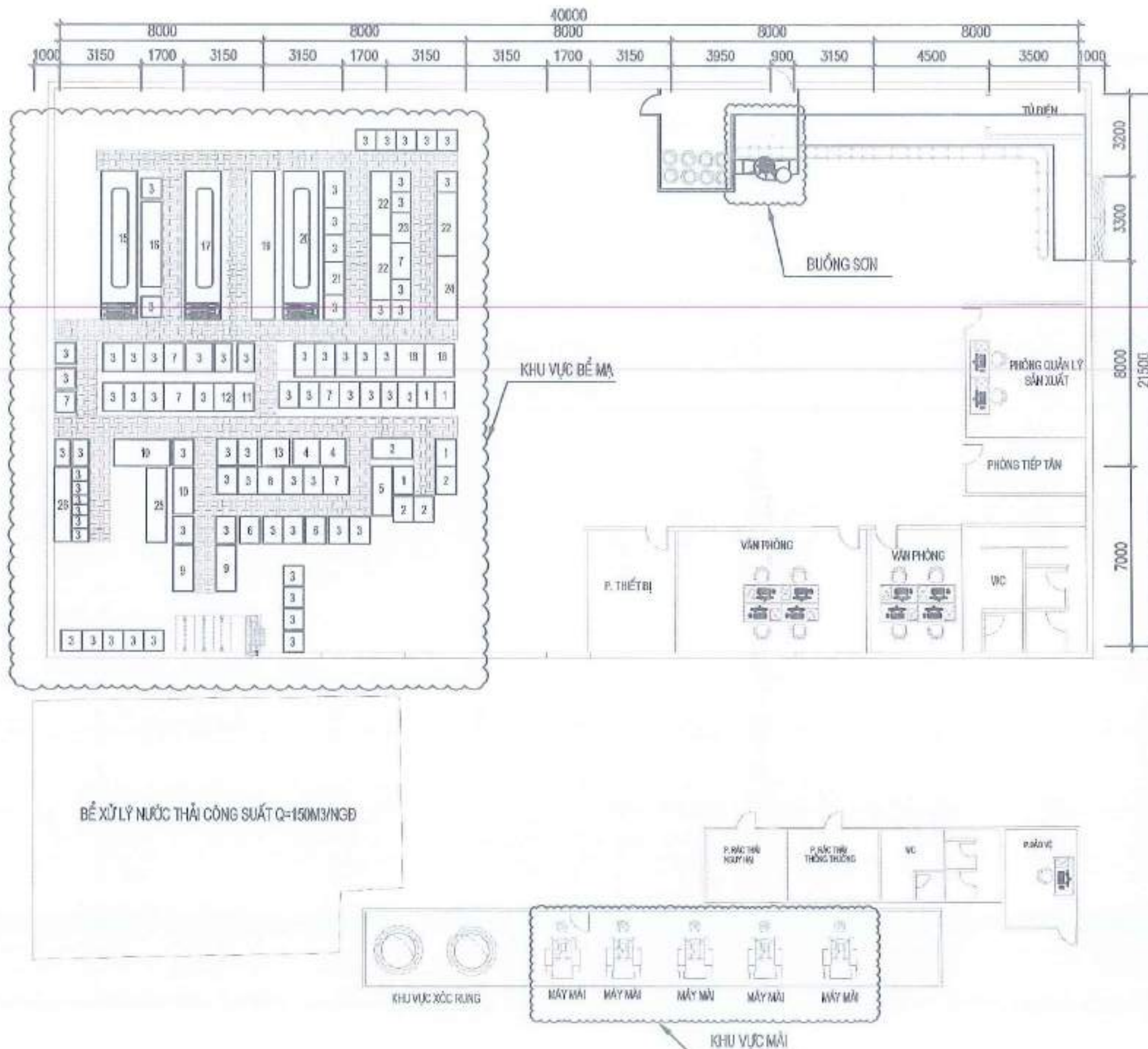
GIẢI ĐOẠN

BVHC

SỐ BẢN VẼ

ME-01

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ



GHI CHÚ CỤM BỂ MẠ

- 01- BỂ TẮT SÁP
- 02- BỂ TẮT DẦU
- 03- BỂ RỬA NƯỚC
- 04- BỂ TẮT DẦU
- 05- BỂ TẮT CROM
- 06- BỂ ZIN CATS 1-2
- 07- BỂ RỬA AXIT
- 08- BỂ RỬA AXIT HNO₃ 50%
- 09- BỂ KÍCH HOẠT INOX
- 10- BỂ ĐỒNG NÓT
- 11- BỂ HF
- 12- BỂ ĐIỆN GIẢI AXIT
- 13- BỂ LẮM TRẮNG
- 14- BỂ SIÊU ÂM
- 15- BỂ ĐỒNG PHOTPHO
- 16- BỂ NIKEN NỀN
- 17- BỂ AXIT ĐỒNG
- 18- BỂ NIKEN ĐEN
- 19- BỂ NIKEN MỜ
- 20- BỂ NIKEN SÁNG
- 21- BỂ ĐIỆN GIẢI CROM
- 22- BỂ CROM
- 23- BỂ THU ĐỘNG CROM
- 24- BỂ NIKEN KTN
- 25- BỂ ĐỒNG QUE
- 26- BỂ NIKEN QUE
- 27- BỂ NIKEN HÓA
- 28- BỂ TẮT ĐỒNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐƠN CHẾ THỜI TÍNH LỢI XÃ HỘI
HƯỚNG DẪN CÔNG TRÌNH SỐ 1A/2014



QUẢN LÝ
DỰ ÁN
CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ
KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN
KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG UYÊN
ĐOÀNG UYÊN, THỊNH PHƯỚC HẢI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ

TỶ LỆ 1/100

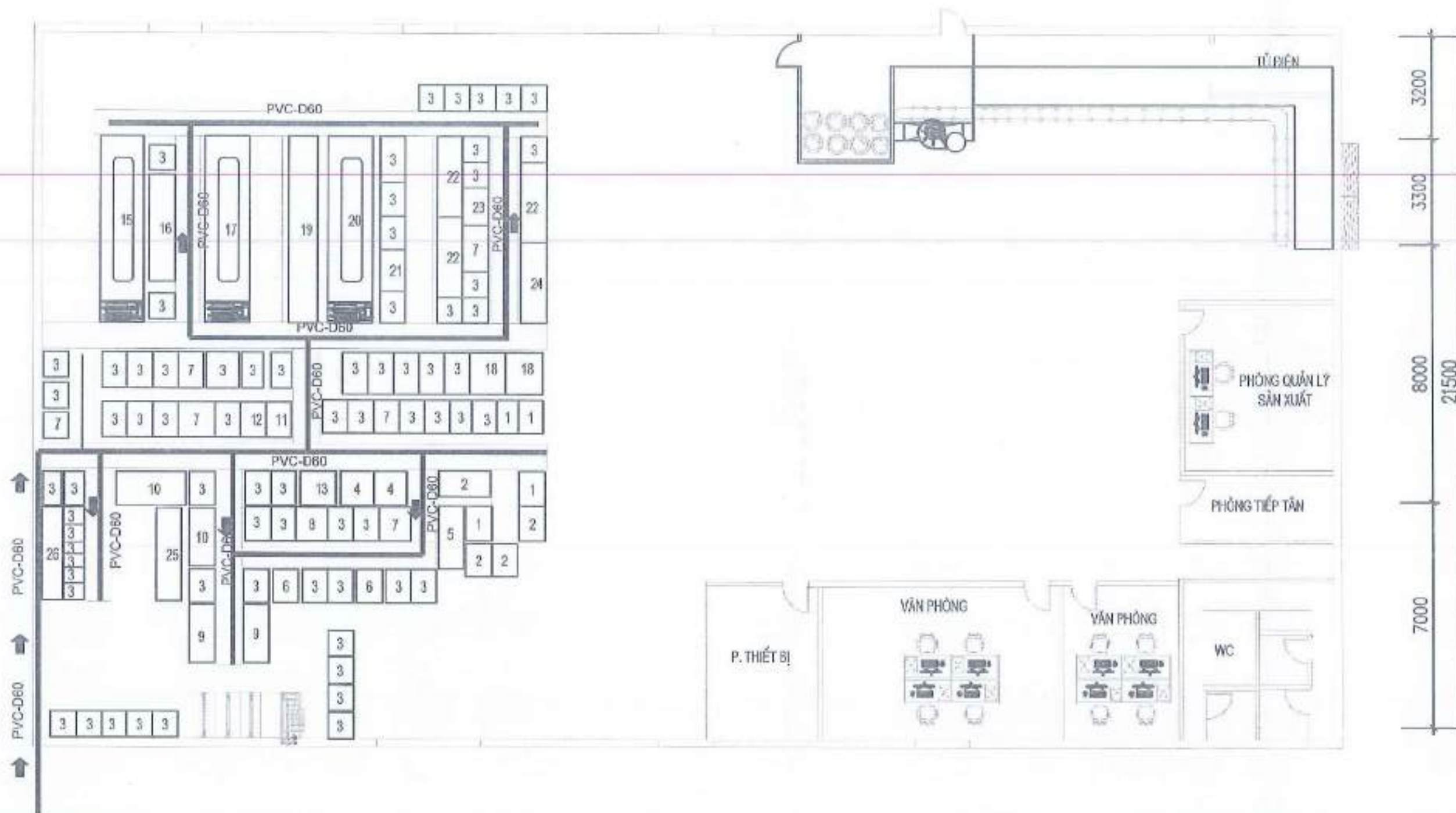
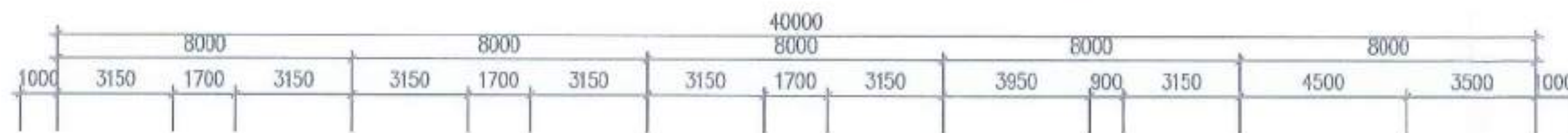
HOÀN THÀNH/2026

GIẢI ĐOẠN BVHC

SỐ BẢN VẼ 08/02

A.MẶT BẰNG CẤP NƯỚC SẠCH SẢN XUẤT

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC SẠCH SẢN XUẤT



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THỊNH THƯỜNG LỘC XÁ LÁ PHỐ,
HUYỆN QUẢNG TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

GAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG MINH,
XÃ QUẢNG MINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC SẠCH SẢN XUẤT

TỶ LỆ

1/100

HOÀN THÀNH

.../2023

GIẢI ĐOẠN

BM/NC

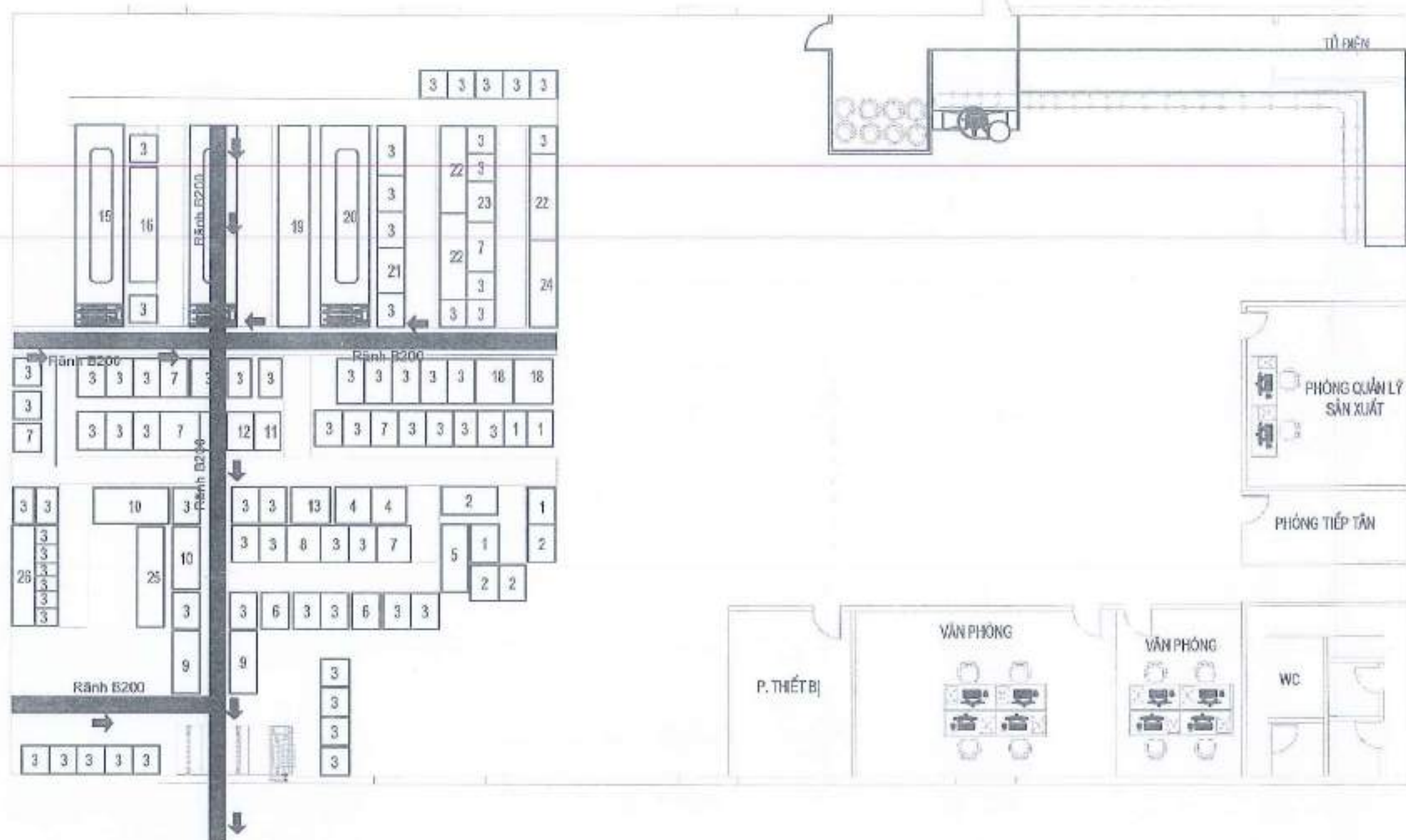
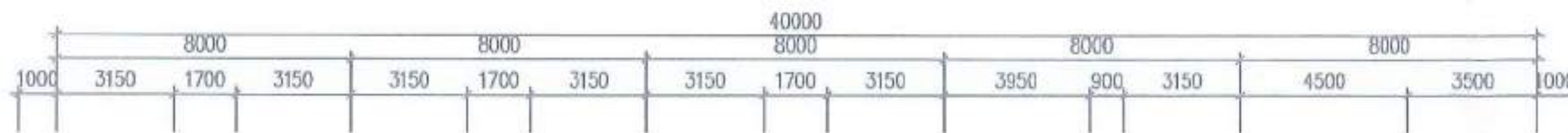
SỐ BẢN VẼ

MB/01

NGUỒN CẤP NƯỚC SẠCH

B.MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

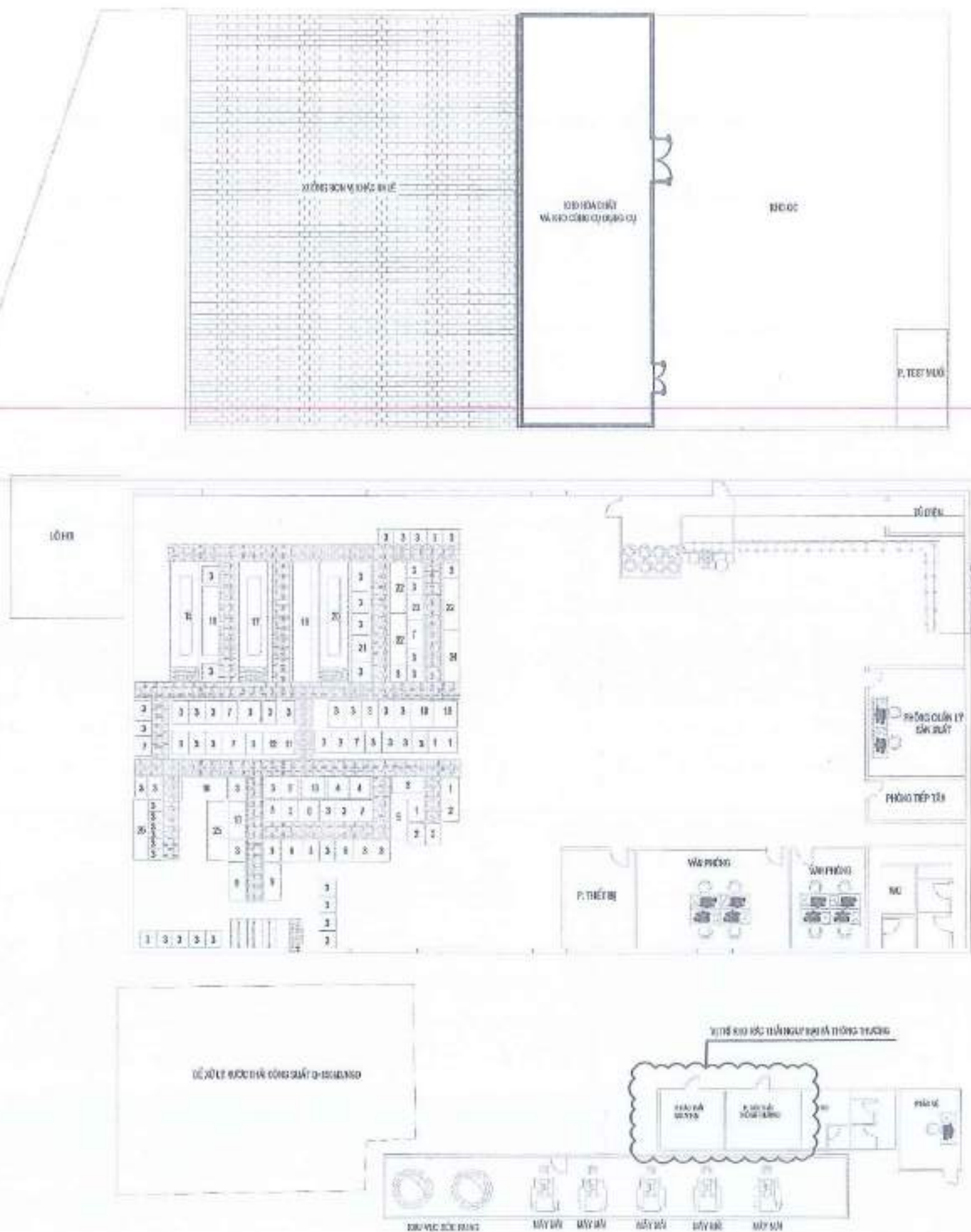
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH PRECIOUS PLATING VIỆT NAM	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH	
ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỘC, XÃ LA PHỒ, HUYỆN QUẢNG MỸ, TỈNH PHỐ HÀ NỘI	
QUẢN LÝ DỰ ÁN	CAO VĂN MINH
CHỦ TRÌ CÔNG NGHỆ	KS. NÔNG ĐỨC ANH
THỂ HIỆN	KS. NÔNG ĐỨC ANH
CÔNG TRÌNH	
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI	
HẠNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI	
ĐỊA ĐIỂM	
Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT	
TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	.../2026
GIẢI ĐOẠN	ĐVHC
SỐ BẢN VẼ	10/02

C.KHO CHỨA CHẤT THẢI

MẮT BẢNG ĐỊNH VỊ KHO CHỨA CHẤT THẢI



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐẠO CHỨC THÔN THẮNG LỢI, XÃ LƯU PHỒ,
HUYỆN PHONG CỤC, TỈNH PHỐ - HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC



CHỖ VÀNG MUỖI

QUẢN LÝ DỰ ÁN	CAO VĂN MẠNH
------------------	--------------

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

THỂ HIỆN

CÔNG TRÌNH
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM
HÀNG CÔNG NGHIỆP QUẢNG BÌNH,
XÃ QUẢNG VINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ
VẬT BẰNG (PHẦN) CHO CHỌN CHỮ
THỜI

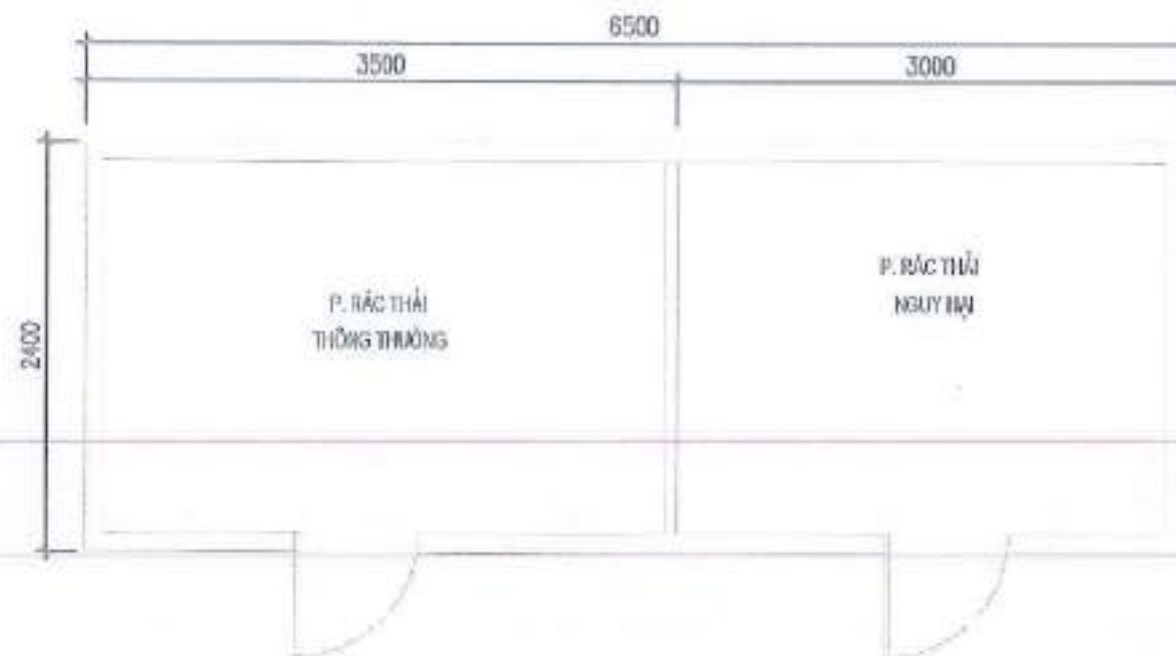
TỶ LỆ	1/100
-------	-------

HỌ TÊN THÀNH VIÊN	/2024
-------------------	------------

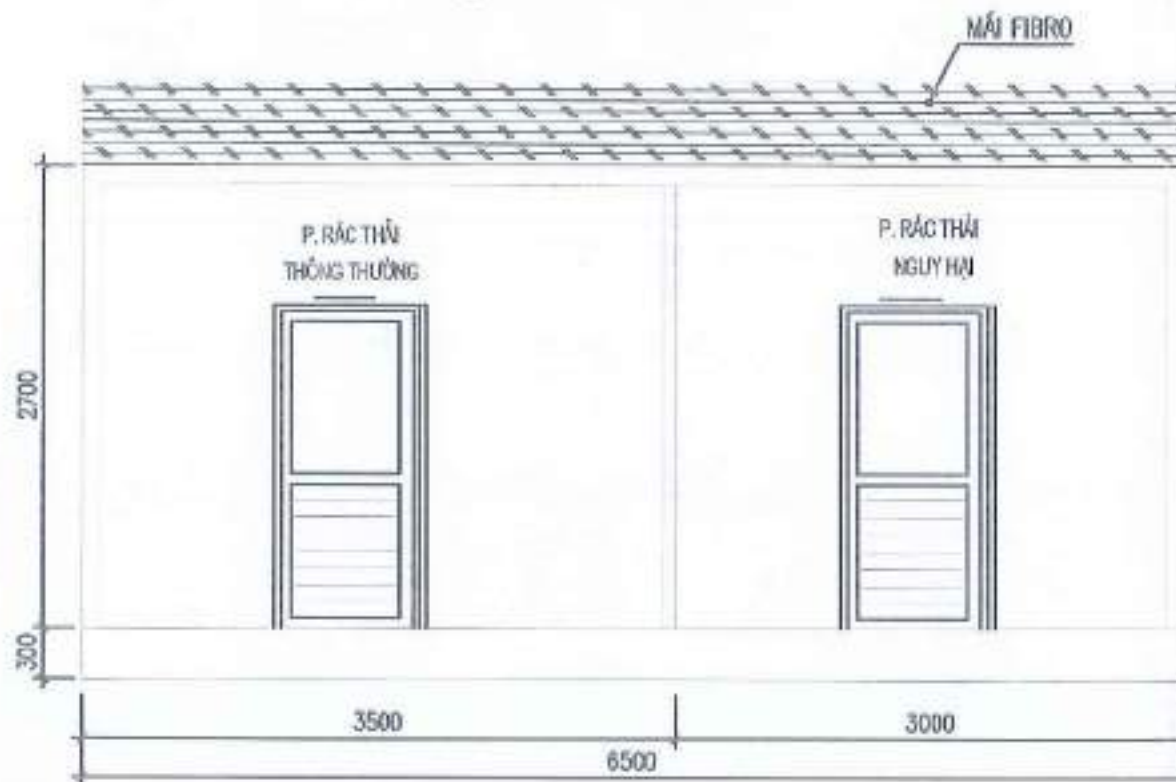
GAIBOAN	GVHC
---------	------

SỐ BẢN VẼ	01/01
-----------	-------

MẶT BẰNG KHO CHỨA RÁC THẢI NGUY HẠI - THÔNG THƯỜNG



MẶT CẮT ĐỨNG



MẶT CẮT CẠNH



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN THỔNG LỢI, XÃ LA PHỒ,
HUYỆN LA SƠN, TỈNH HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MINH

CHỦ TRƯỞNG
CÔNG NGHỆ

KS. NGUYỄN ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NGUYỄN ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG BÌNH,
XÃ QUẢNG BÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY
HẠI - KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG
THƯỜNG

TỶ LỆ

1/100

HOÀN THÀNH

.../2026

GIẢI BẠCH

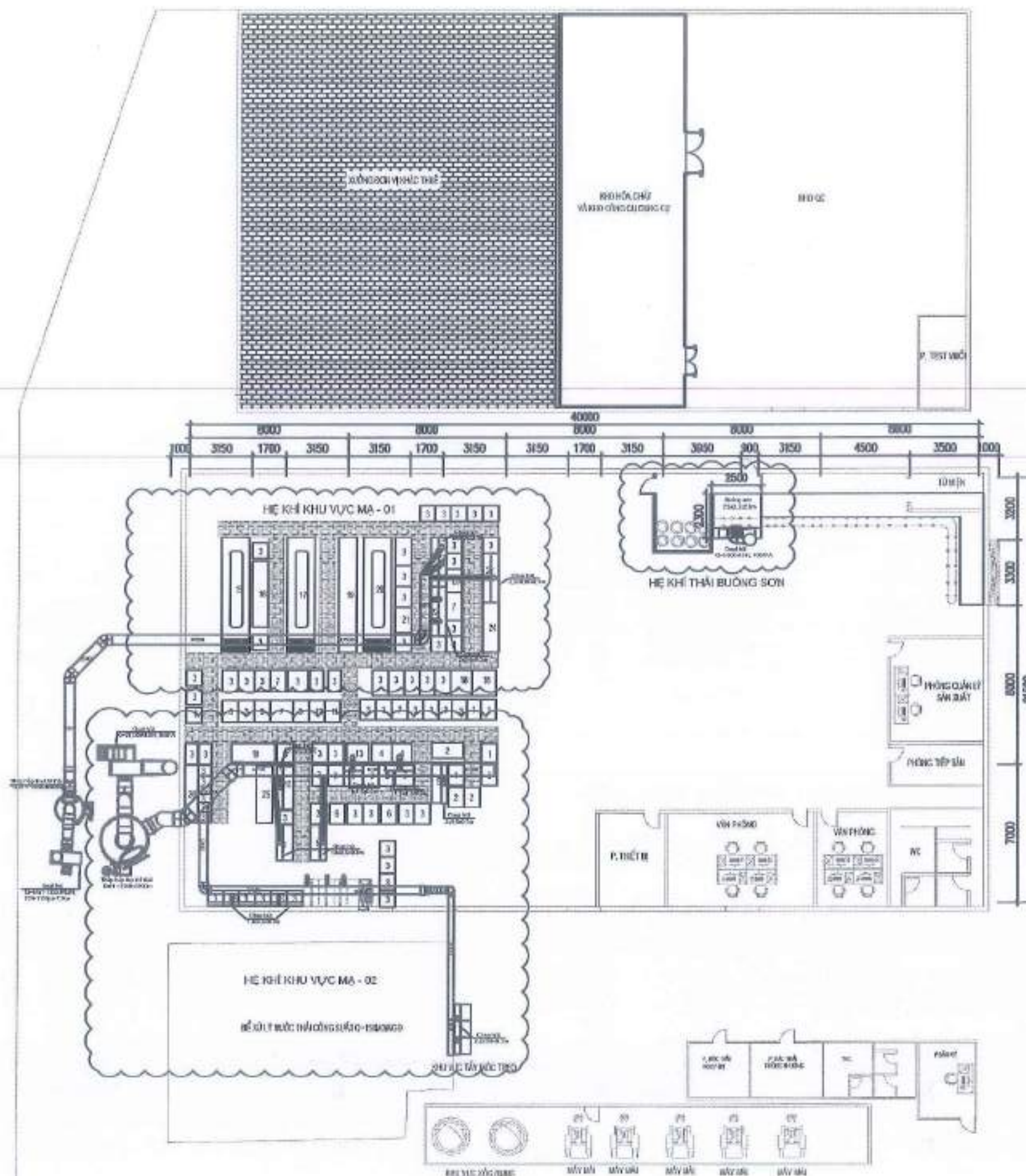
ĐM/10

SỐ BẢN VẼ

CT42

D.HỆ THỐNG KHÍ THẢI

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

DATE: THỨ TƯ, NGÀY 10, THÁNG 10, 2019.

PHỔ GIÁM ĐỐC

INFLUENCE

QUANG VAN MANH

CUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRƯỞNG
CÔNG NGHỆ

RES INVENTUM: 10/10/2010

THỂ HỒI

EN 102

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HÀNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐIỂM ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH,
ĐƯỜNG MINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

MẬT ĐẢO ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ

TỶ LỆ	1/100
-------	-------

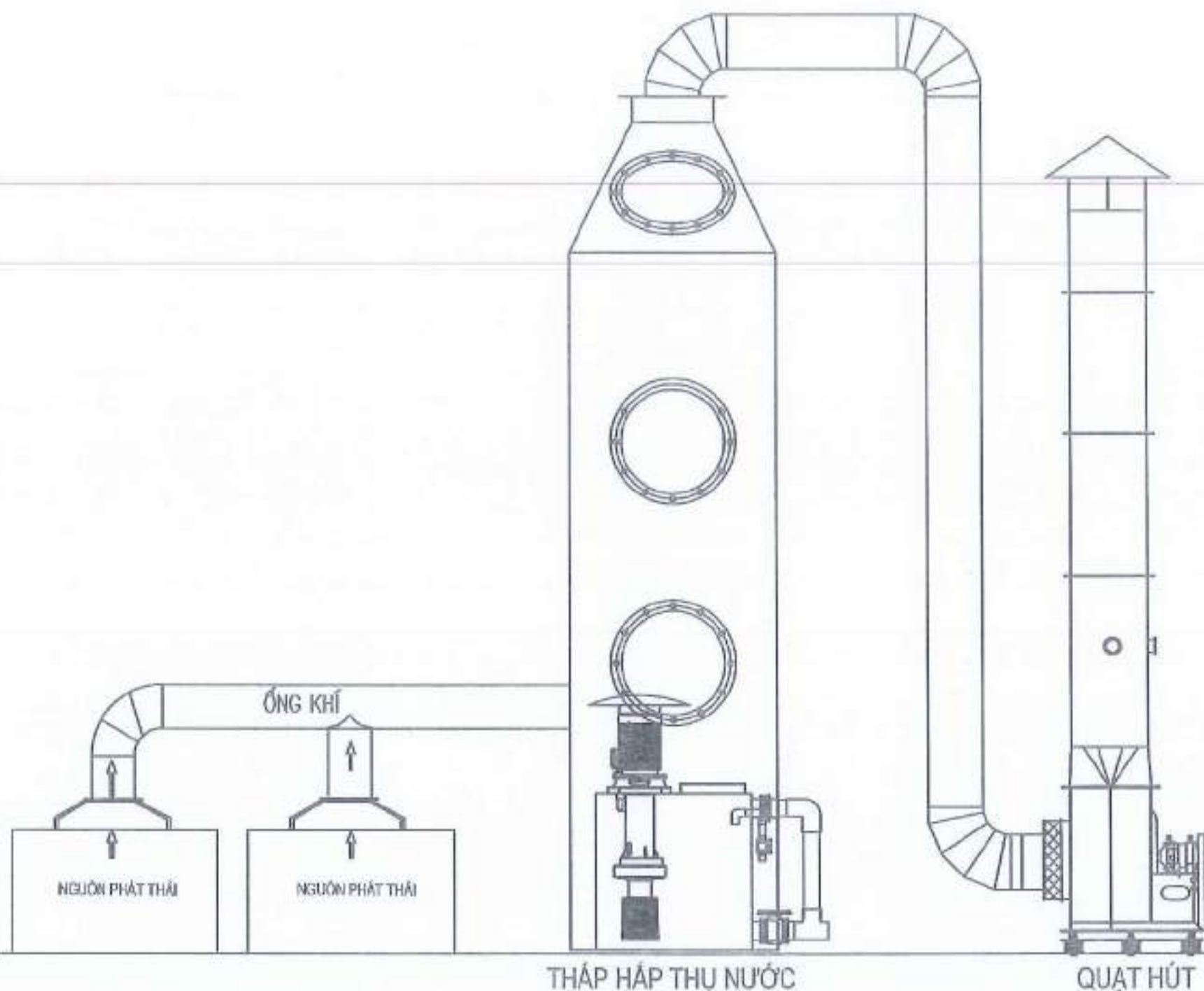
HOÀN THÀNH	5/2025
------------	--------

GIAI ĐOÀN	BVHC
-----------	------

SỐ BẢN VẼ	NOTE
-----------	------

D.1.HỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC BỂ MẠ - 01

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ KHÍ
THẢI KHU VỰC MẠ - 01



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA CÔNG NGHỆ
HƯỚNG DẪN ĐỒ THẠC SĨ SỐ 1A/01



QUẢN LÝ
DỰ ÁN
GAO VĂN MINH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ
KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN
KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM
Khu công nghiệp ở Quận Bình
Xương, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

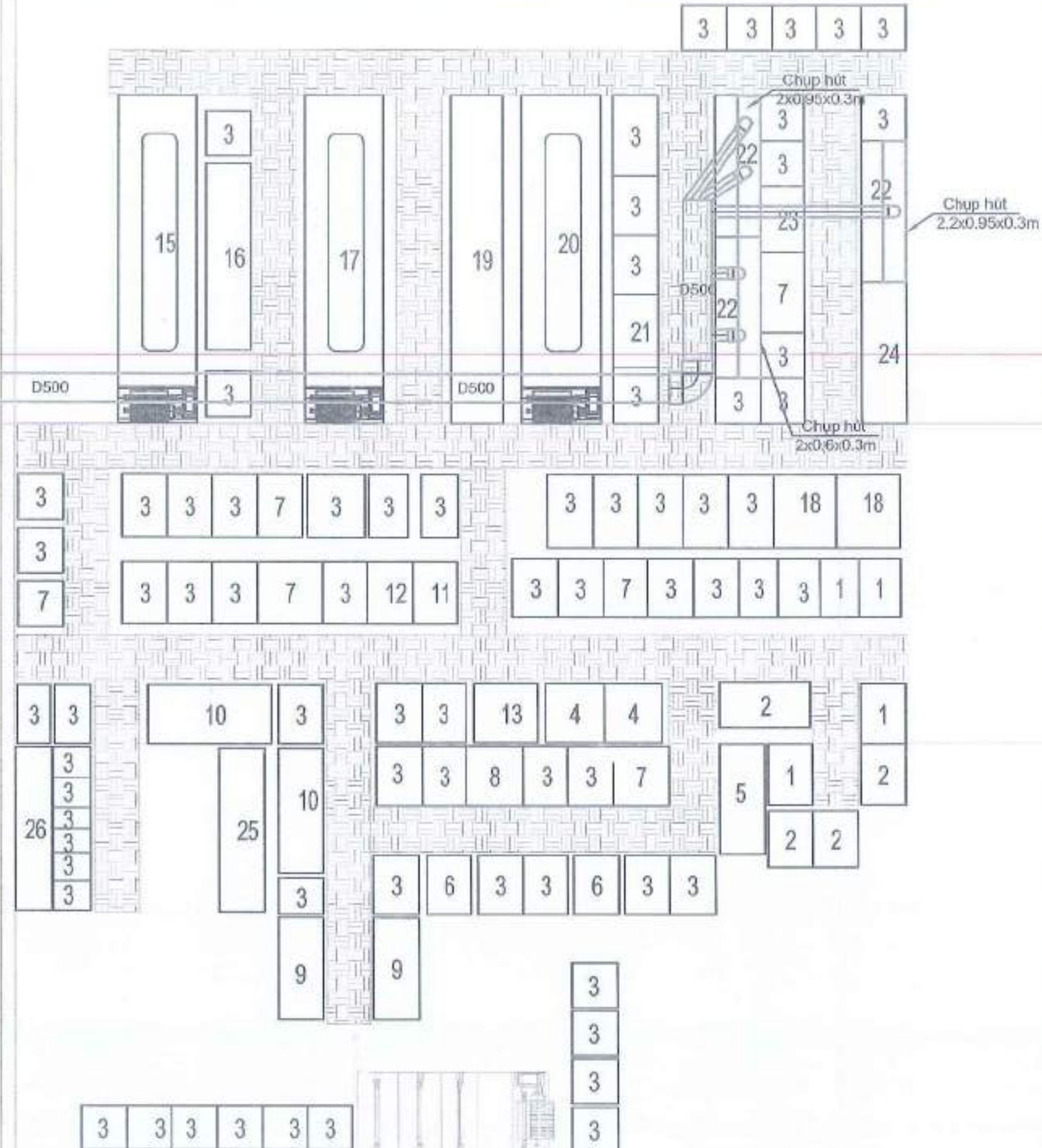
TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	.../2025
GIẢI BỎ	ĐVHC
SỐ BẢN VẼ	KT 11

HỆ KHÍ KHU VỰC MẠ - 01

GHI CHÚ CỤM BỂ MẠ

- | | |
|--------------------------------------|-----------------------|
| 01- BỂ TẮT SÁP | 15- BỂ ĐỒNG PHOTPHO |
| 02- BỂ TẮT DẦU | 16- BỂ NIKEN NỀN |
| 03- BỂ RỬA NƯỚC | 17- BỂ AXIT ĐỒNG |
| 04- BỂ TẮT DẦU | 18- BỂ NIKEN ĐIỆN |
| 05- BỂ TẮT CHROM | 19- BỂ NIKEN MỀM |
| 06- BỂ ZIN CATS 1-2 | 20- BỂ NIKEN SÁNG |
| 07- BỂ RỬA AXIT | 21- BỂ ĐIỆN GIẢI CROM |
| 08- BỂ RỬA AXIT HNO ₃ 50% | 22- BỂ CROM |
| 09- BỂ KÍCH HOẠT INOX | 23- BỂ THU ĐỘNG CROM |
| 10- BỂ ĐỒNG NÓT | 24- BỂ NIKEN KÍN |
| 11- BỂ HF | 25- BỂ ĐỒNG QUE |
| 12- BỂ ĐIỆN GIẢI AXIT | 26- BỂ NIKEN QUE |
| 13- BỂ LẮM TRẮNG | 27- BỂ NIKEN HÓA |
| 14- BỂ SIÊU ÂM | 28- BỂ TẮT ĐỒNG |



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

NGƯỜI CHỨC TRÁCH: THỜI THỰC LẬP, XÁC PHẢI,
HUYỀN HỒNG, TRẦN THỊ HỒNG NÚP



QUẢN LÝ

DỰ ÁN

CAO VĂN MINH

CHỦ TRÌ

KỸ THUẬT

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG BÌNH,
XÃ QUẢNG BÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỆ KHÍ KHU VỰC MẠ
01

TỶ LỆ

1/100

HOÀN THÀNH

2025

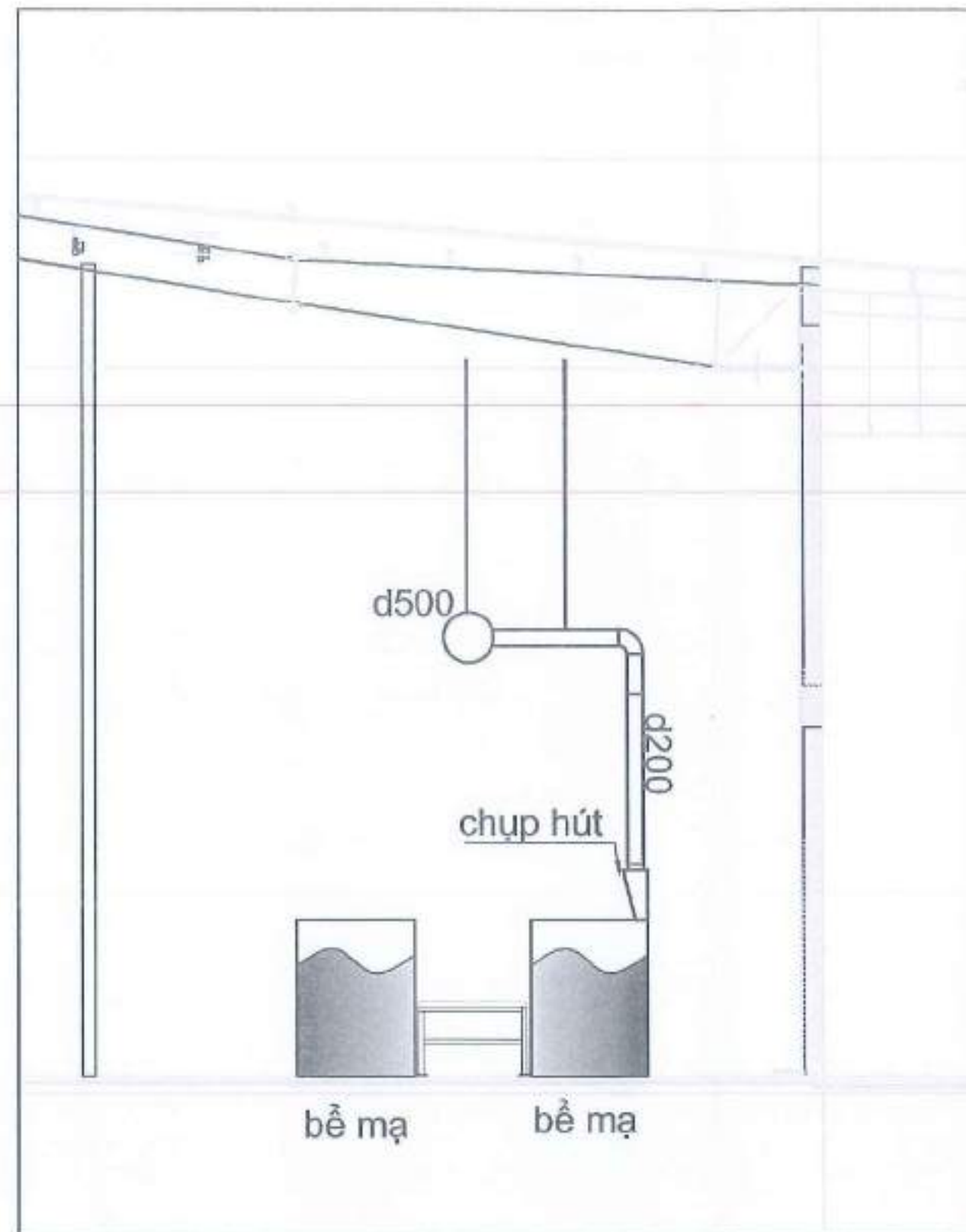
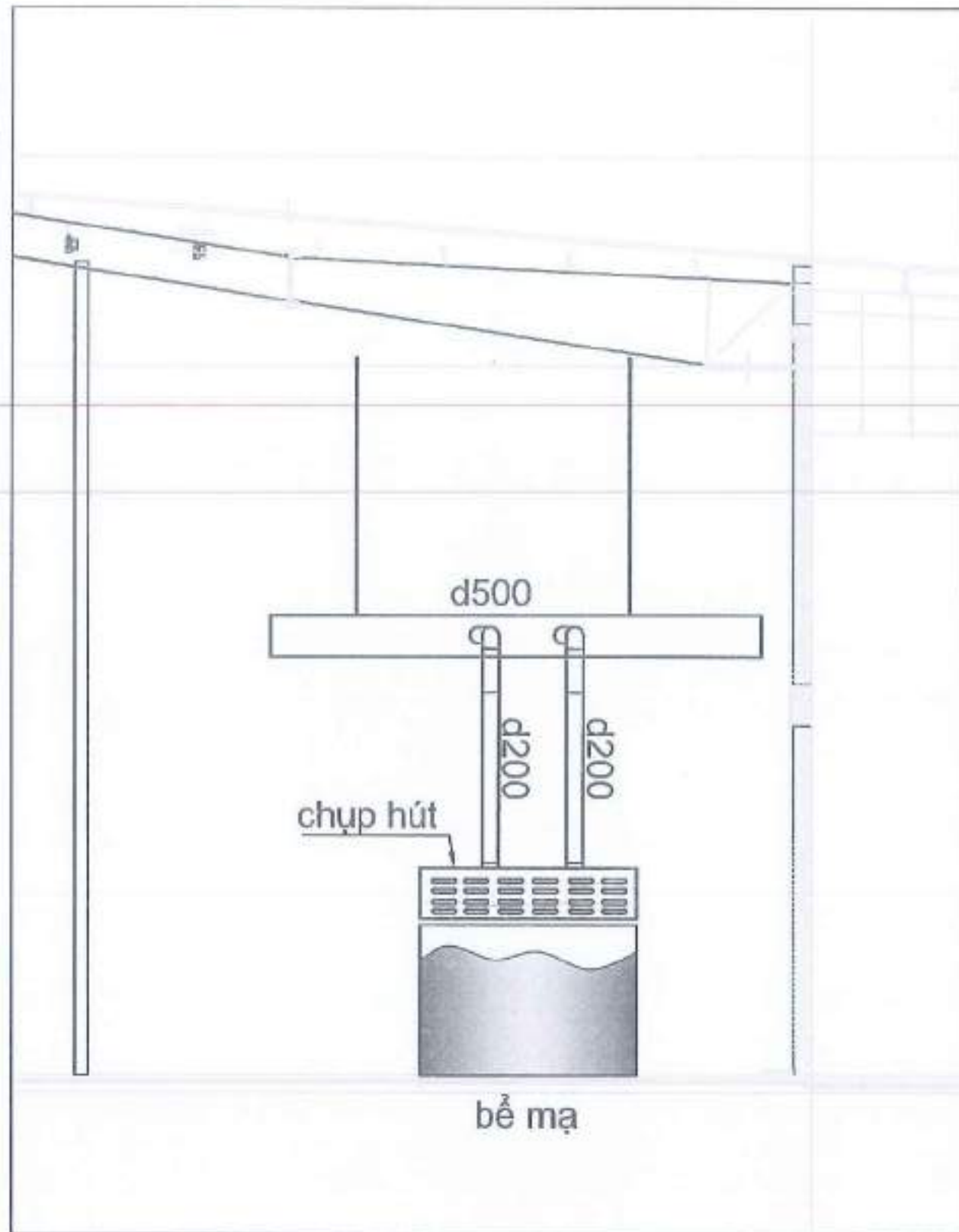
GIẢI ĐOẠN

BVHC

SỐ BẢN VẼ

KT02

MẶT CẮT THU GOM ĐIỆN HÌNH



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

QUẬN THỦY CÔNG, XÃ PHÚ
HUYỆN QUẢNG TRUNG, TỈNH HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN CAO VĂN MINH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

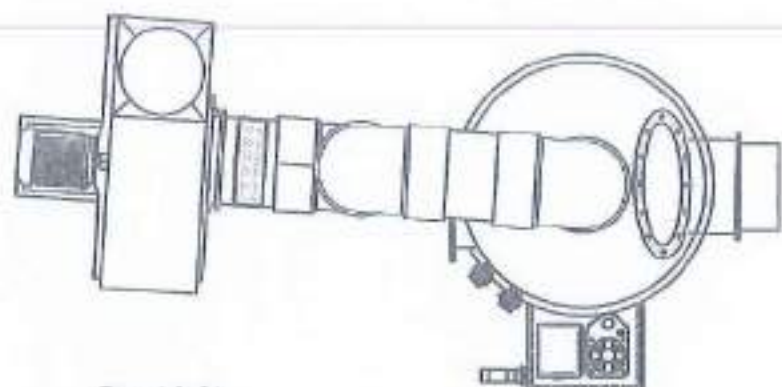
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM
Khu công nghiệp Quang Minh,
Xã Quang Minh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

TÊN BẢN VẼ
CHỈ DẪY THU GOM ĐIỆN HÌNH

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	.../2023
GIẢI ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	KT01

MẶT BẰNG HỆ XỬ LÝ BỂ MẠ 01

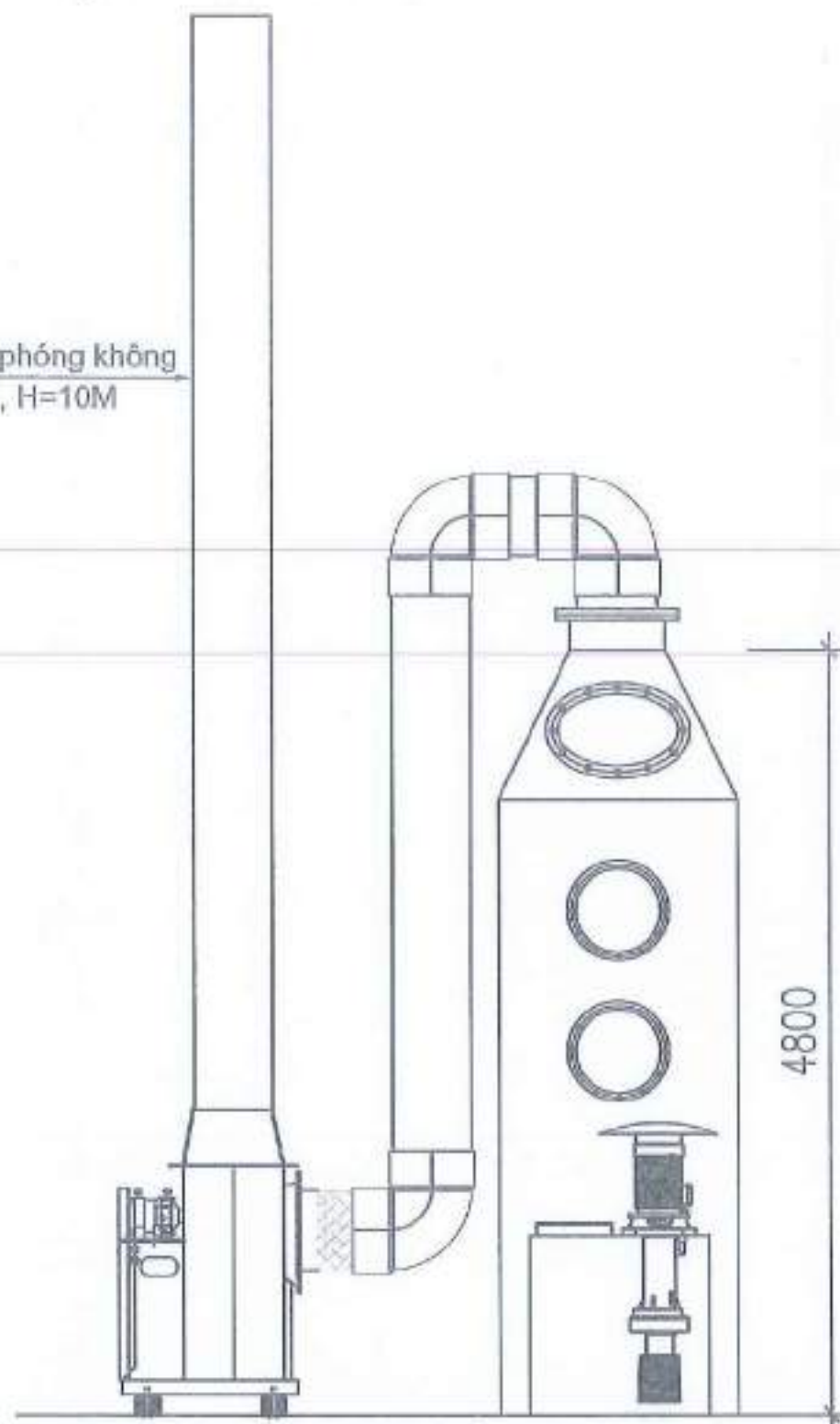


Quạt hút
Q=6677-13353M3/H,
724-1139pa-7.5kw

Tháp hấp thụ khí thải
DxH = 1500x4800m

MẶT CẮT ĐỨNG

Ống phóng không
d500, H=10M



Quạt hút
Q=6677-13353M3/H,
724-1139pa-7.5kw

1500

4800

Tháp hấp thụ khí thải
DxH = 1500x4800m

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN TÌ SANG LỘC, XÃ AN PHÚ,
HUYỆN HỒNG SON, TỈNH HẢI PHÒNG



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG BÍNH,
XÃ QUẢNG BÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

01/THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ

1/100

HOÀN THÀNH

.../2028

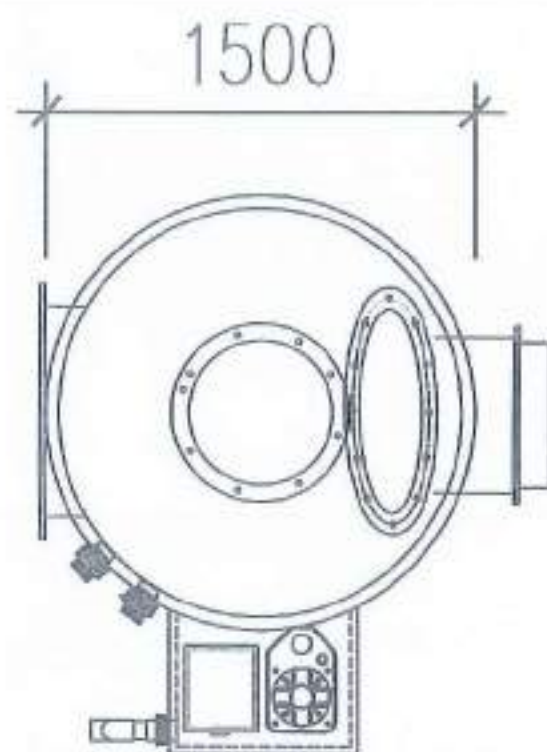
GIẢI ĐOẠN

BVHC

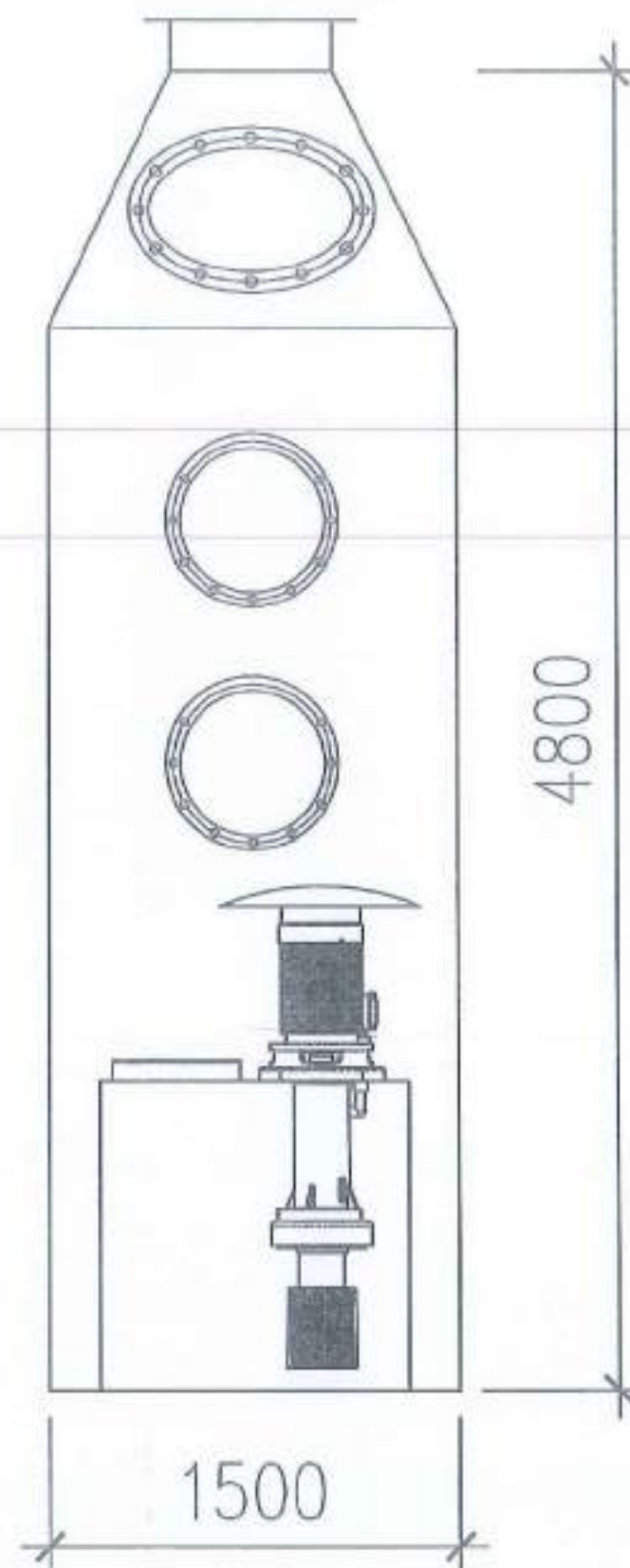
SỐ BẢN VẼ

KT 04

MẶT BẰNG THÁP XỬ LÝ



MẶT CẮT ĐỨNG



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECKIUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐIA CHỈ: 8/10M TỈNH LỘ, XÃ LA PHO,
HUYỆN QUẢNG TRẠM, TỈNH PHÚ THẠO



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

HÀNG CÔNG NGHIỆP QUẢNG TRẠM,
XÃ QUẢNG MẠNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

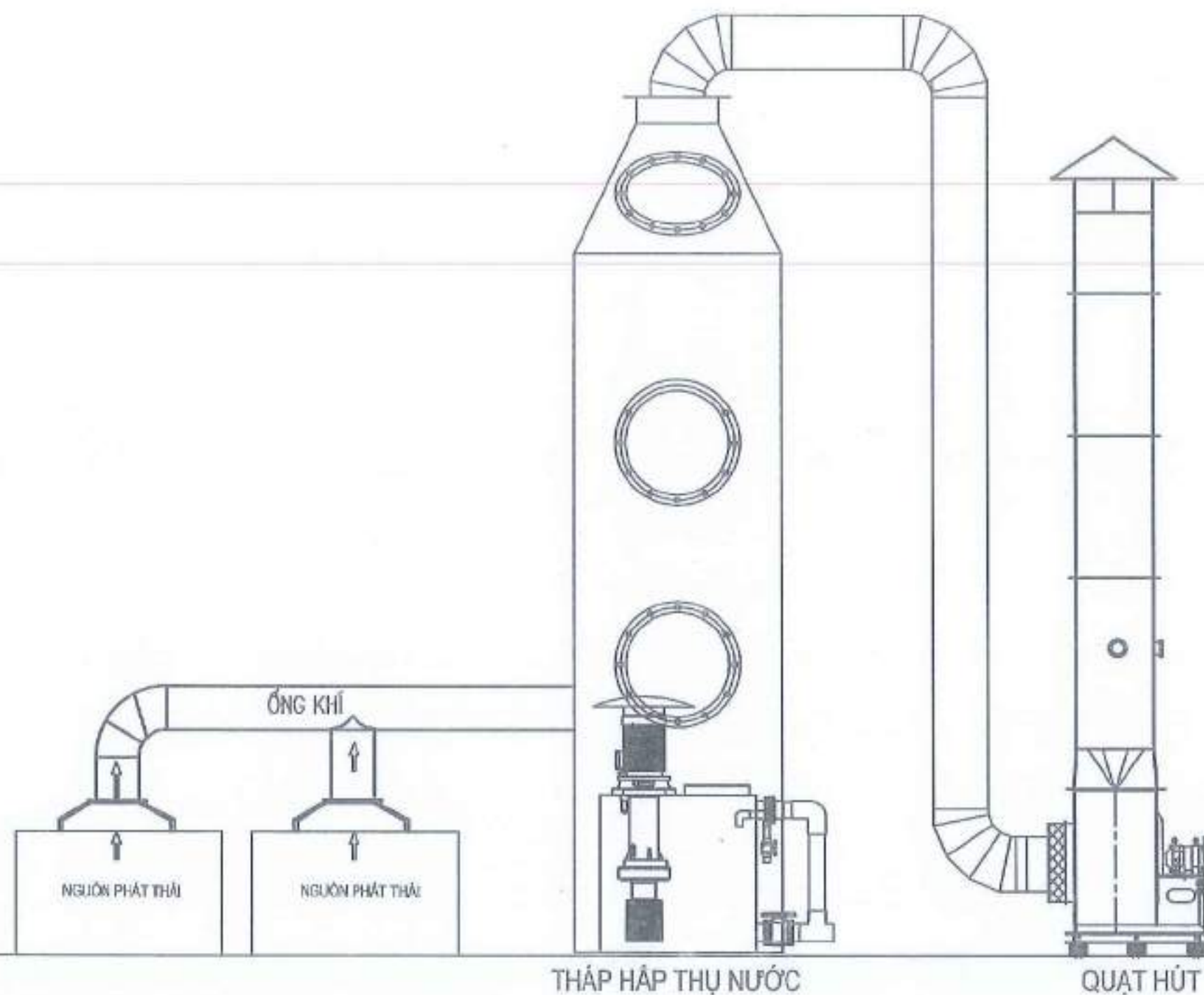
TÊN BẢN VẼ

QUẢN LÝ THIẾT KẾ XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	.../2026
QUY ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	KT 05

D.2.HỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC BỂ MẠ - 02

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC MẠ - 02



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

QUA CHẾ THỜI THẮNG LỢI KINH DOANH
TUYÊN NGUYỄN ĐỨC THẮNG - SỐ 1 HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG MINH,
XÃ QUẢNG MINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ

1/100

HOÀN THÀNH

.../2026

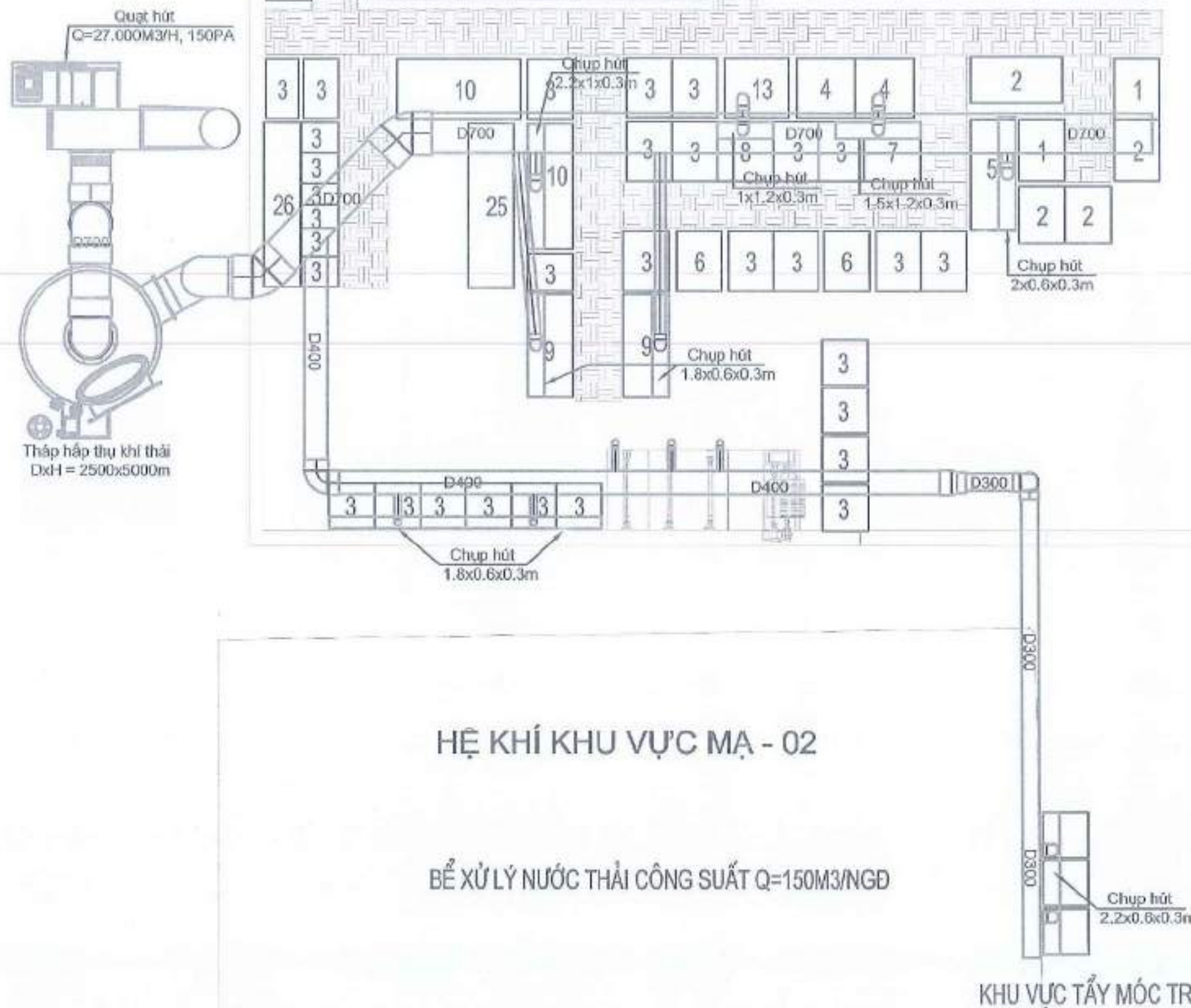
GIẢI ĐOẠN

BVHC

SỐ BẢN VẼ

KT01

HỆ KHÍ KHU VỰC MẠ - 02



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐẠI KHÍ THỦY THẮNG LỢI XÃ LẠP PHỐ,
HUYỆN NGUYỄN BỈNH KIỆM PHỐ KHÁNH HÒI



QUẢN LÝ
DẠ AN CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
ĐỒNG NGHỆ KS. HỒNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN KS. HỒNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

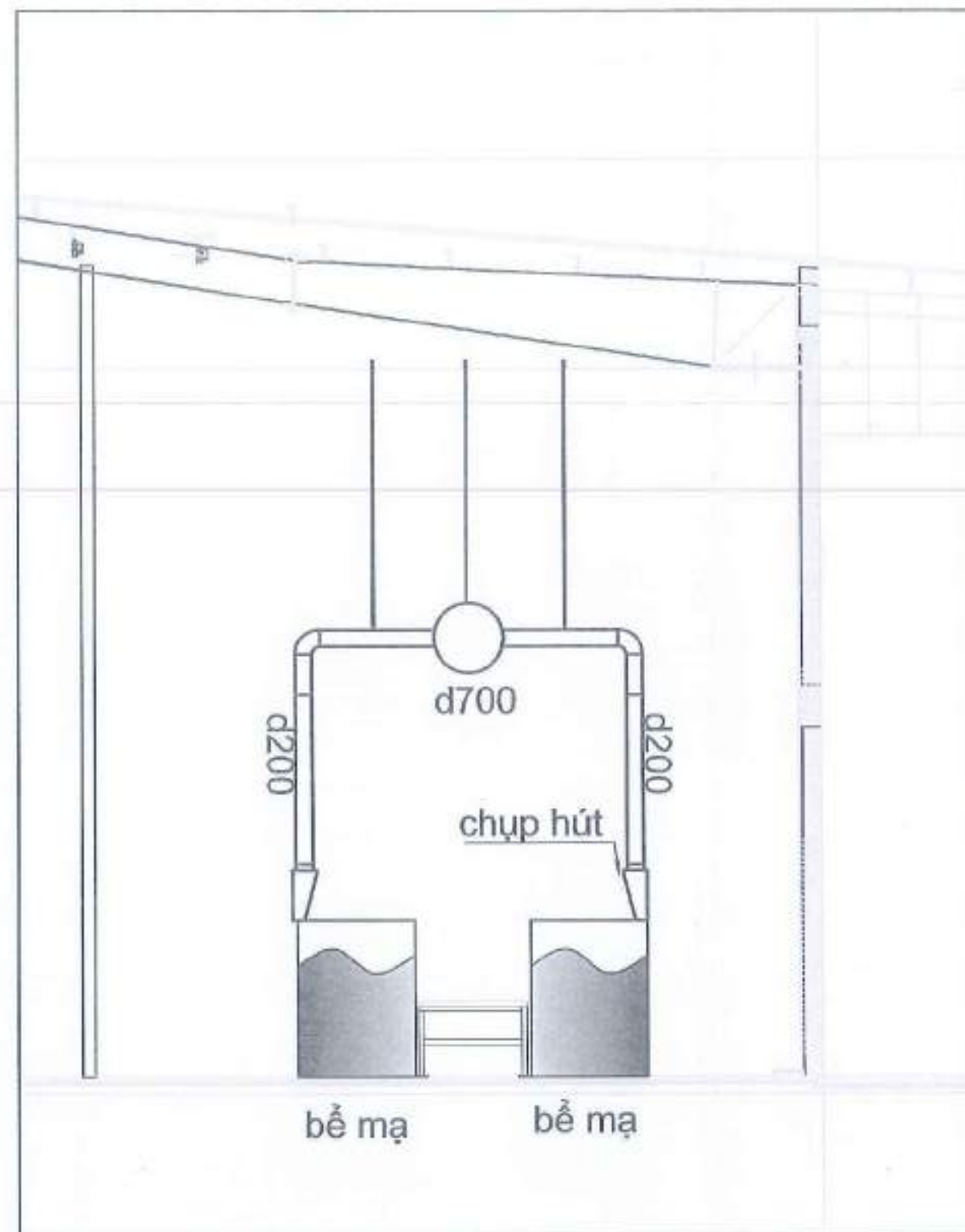
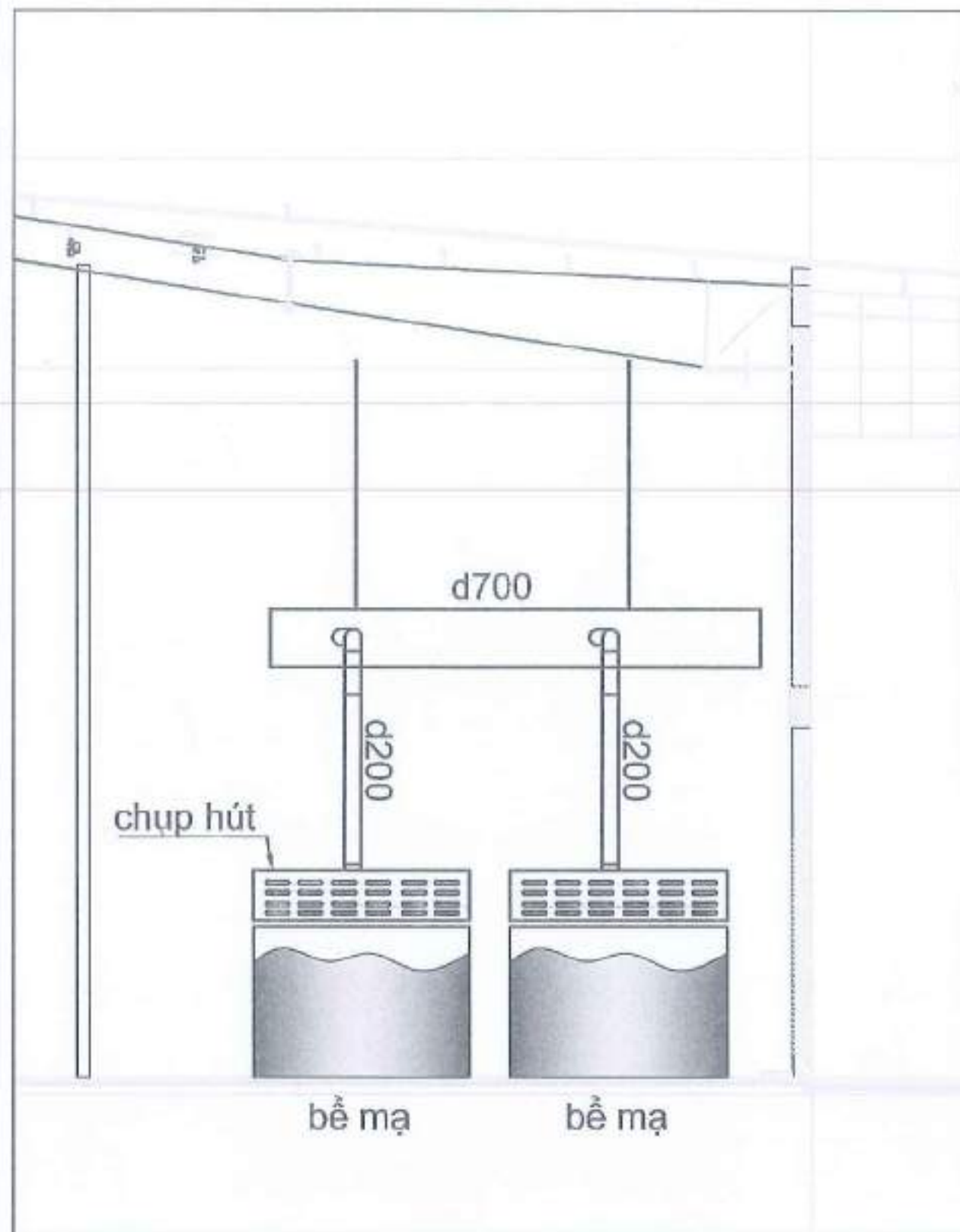
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM
KHU CÔNG NGHỆ Q=1500M³/NGĐ,
XÃ CUNG MÌNH, THÀNH PHỐ SÀI GÒN VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HỆ THỐNG KHÍ KHU VỰC BẾNG
ĐI

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	/2028
GIẢI ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	KT/0

MẶT CẮT THU GOM ĐIỆN HÌNH



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH AN

ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỢI, XÃ AN KHU, HUYỆN NAM ĐỨC, TỈNH HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MỸ,
XÃ QUANG MỸ, THỊ XÃ HÀ NỘI, VIỆT NAM

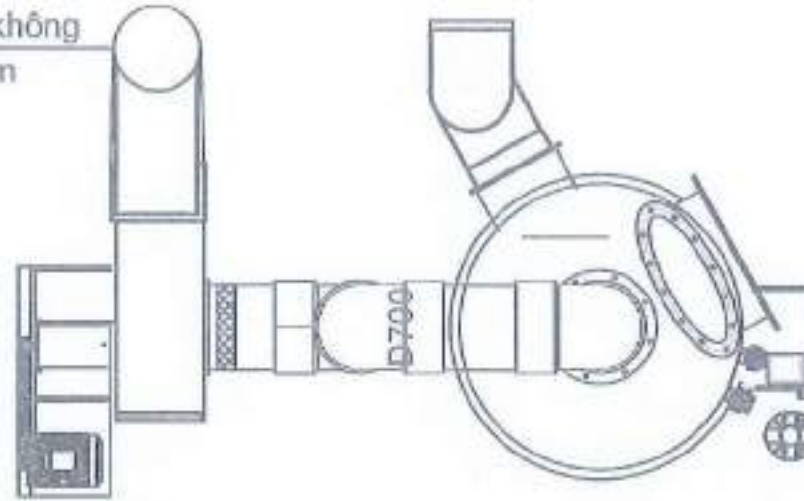
TÊN BẢN VẼ

08 TẾT THƯỜNG BÊN BÊN

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	/2025
GIẢI ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	KT00

MẶT BẰNG HỆ XỬ LÝ BỂ MẠ 02

Ông phóng không
d700, H=10m

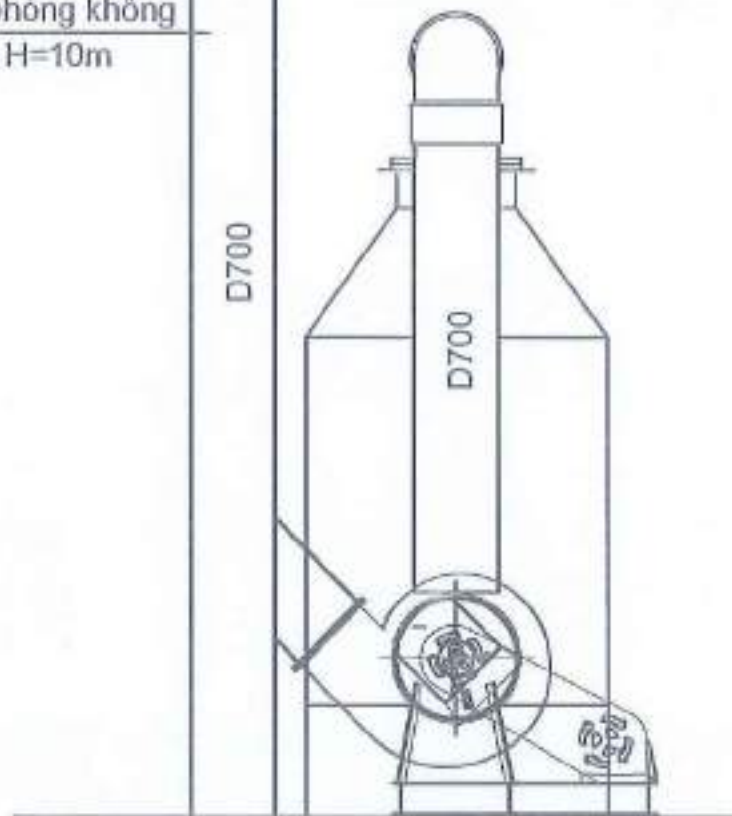


Quạt hút
Q=27.000M3/H, 150PA

DxH = 2500x5000m

MẶT CẮT CẠNH

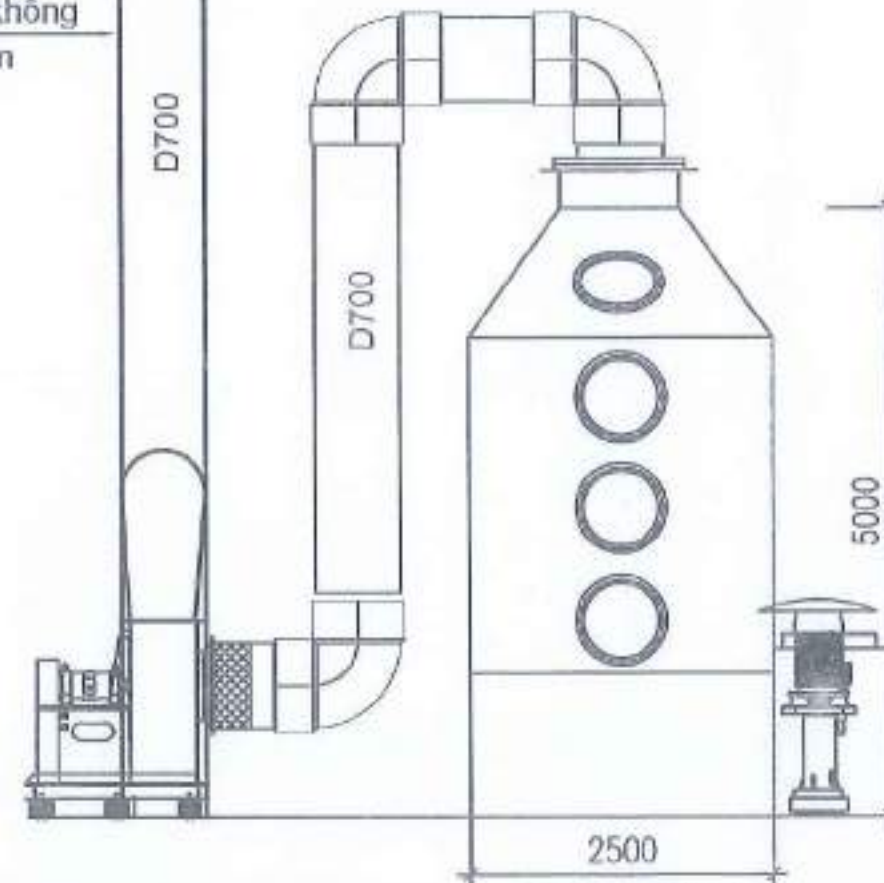
Ông phóng không
d700, H=10m



Quạt hút
Q=27.000M3/H, 150PA

MẶT CẮT ĐỨNG

Ông phóng không
d700, H=10m



Quạt hút
Q=27.000M3/H, 150PA

Tháp hấp thụ khí thải
DxH = 2500x5000m

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHẾ: KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG VINH,
XÃ QUẢNG NHÃ, THỊ XÃ HỒ XÁ, TỈNH HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NGUYỄN ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NGUYỄN ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

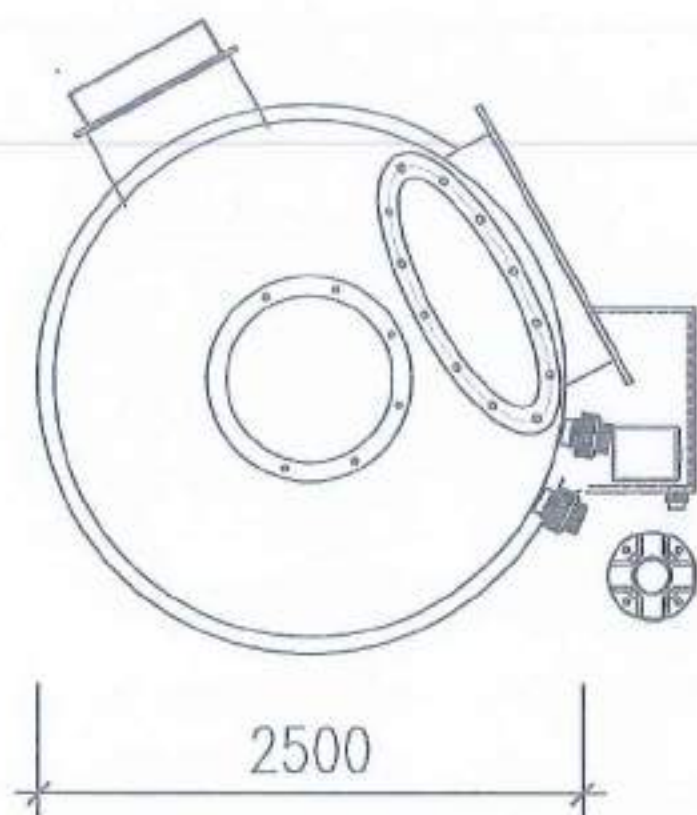
KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG VINH,
XÃ QUẢNG NHÃ, THỊ XÃ HỒ XÁ, TỈNH HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ

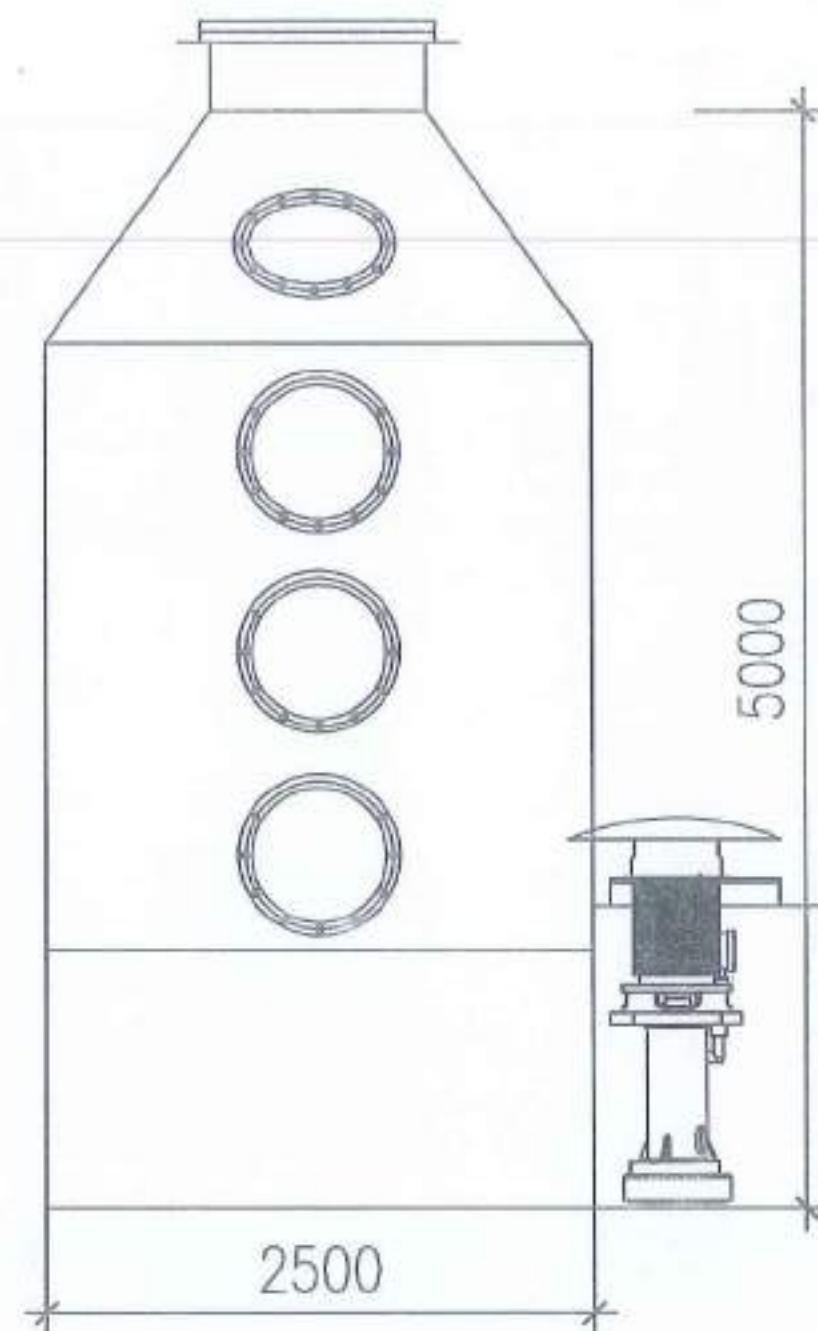
CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	/2025
GIẢI ĐOẠN	ĐYHC
SỐ BẢN VẼ	KT01

MẶT BẰNG THÁP XỬ LÝ



MẶT CẮT ĐỨNG



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỢI, XÃ LA PHÌ,
HUYỆN HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CÁC VĂN MẪN

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG MỸ,
XÃ QUẢNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT THÁP HẤP THỤ
XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỶ LỆ 1/100

HOÀN THÀNH .../2028

GIẢI ĐOẠN ĐVHC

SỐ BẢN VẼ KT-05

D.3.HỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH,
HUYỆN HOÀI ĐỨC, TỈNH HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN

CAO VĂN MINH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NGUYỄN ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS. NGUYỄN ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM

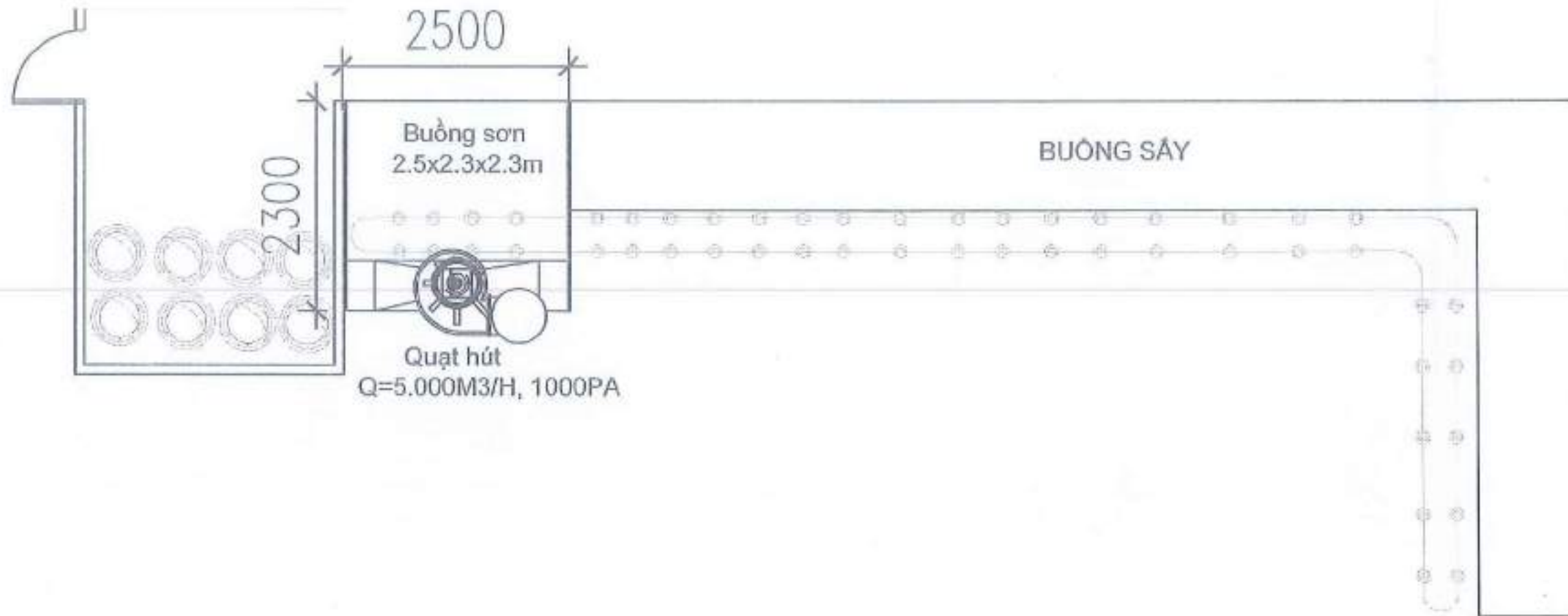
KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH,
HUYỆN HOÀI ĐỨC, TỈNH HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ	1:100
HOÀN THÀNH	2026
CHAI ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	KT-01

MẶT BẰNG HỆ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECKMUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ LƯU XỬ LÝ
MÔI TRƯỜNG ĐỘC ANH



QUẢN LÝ
DỰ ÁN
CAO VĂN MINH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ
KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN
KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

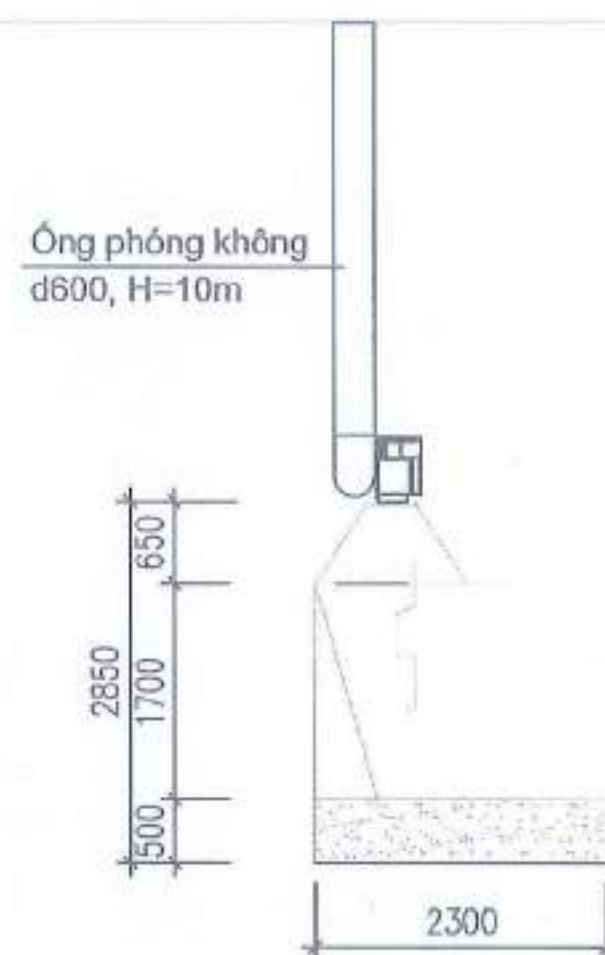
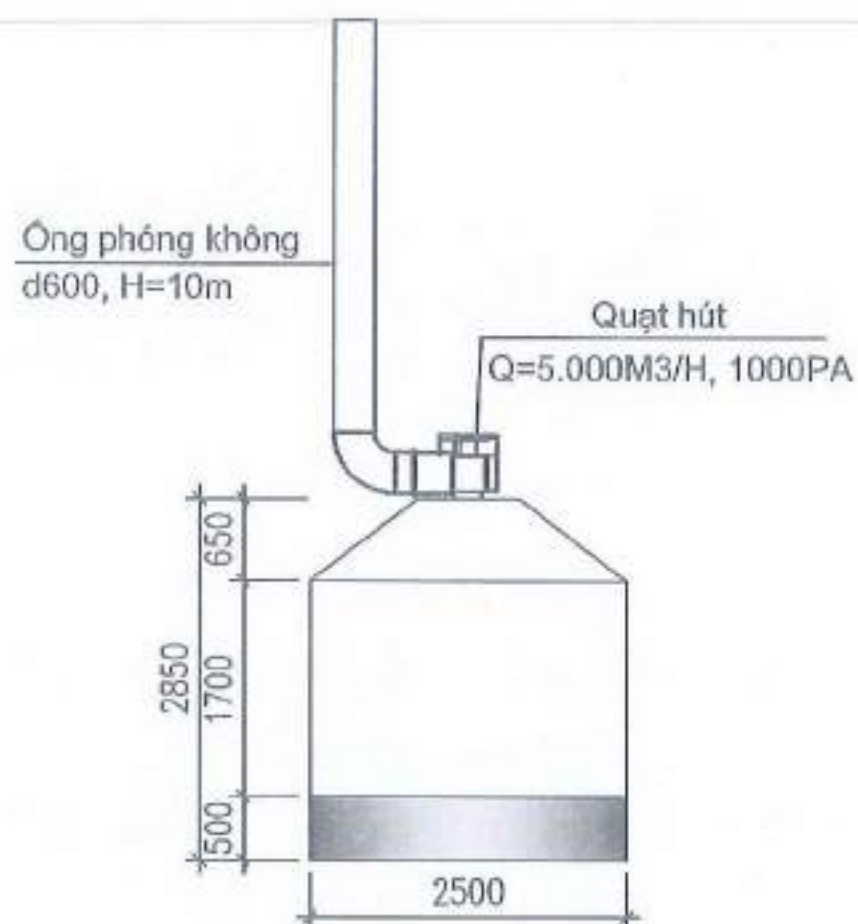
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM
Khu Công Nghiệp Quang Minh,
Xã Quang Minh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
PHUN SƠN

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	2025
GIẢI ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	K302

CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI KHU VỰC PHUN SƠN



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH PRECIOUS
PLATING VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

TRụ sở: THỊNH PHƯỚC, LUYỆN GIANG, PHÚ
THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI



QUẢN LÝ
DỰ ÁN
CAO VĂN MẠNH

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ
ICS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN
ICS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH
CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG
XỬ LÝ KHÍ THẢI, NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI - KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM
KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH,
Xã Quảng Minh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
PHUN SƠN

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	/2026
GIẢI ĐOẠN	BVHC
SỐ BẢN VẼ	KT-00